CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 79/2024/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2024*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 06/7/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 06/7/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.
- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 06/7/2024: Trước 16h30' ngày 03/7/2024 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 03/7/2024).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 41 - C.T.T.H. CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM Q.THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 06/7/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 03/7/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1	28C-119.99	Hòa Bình	1201	14A-956.39	Quảng Ninh	2401	14A-966.68	Quảng Ninh
2	30L-560.79	Hà Nội	1202	14A-978.88	Quảng Ninh	2402	15K-338.89	Hải Phòng
3	30L-666.93	Hà Nội	1203	15K-356.88	Hải Phòng	2403	15K-368.79	Hải Phòng
4	30L-695.55	Hà Nội	1204	19A-686.82	Phú Thọ	2404	15K-399.96	Hải Phòng
5	30L-697.99	Hà Nội	1205	20A-838.68	Thái Nguyên	2405	19A-686.81	Phú Thọ
6	30L-788.98	Hà Nội	1206	20A-838.88	Thái Nguyên	2406	19A-688.98	Phú Thọ
7	30L-808.89	Hà Nội	1207	22A-256.66	Tuyên Quang	2407	22A-266.69	Tuyên Quang
8	30L-826.99	Hà Nội	1208	30L-662.22	Hà Nội	2408	30L-579.99	Hà Nội
9	30L-828.68	Hà Nội	1209	30L-766.60	Hà Nội	2409	30L-628.88	Hà Nội
10	30L-889.68	Hà Nội	1210	30L-788.83	Hà Nội	2410	30L-669.79	Hà Nội
11	30L-983.86	Hà Nội	1211	30L-828.88	Hà Nội	2411	30L-676.99	Hà Nội
12	30L-999.19	Hà Nội	1212	30L-966.60	Hà Nội	2412	30L-688.84	Hà Nội
13	30L-999.88	Hà Nội	1213	30L-983.83	Hà Nội	2413	30L-758.89	Hà Nội
14	30M-000.03	Hà Nội	1214	30L-999.82	Hà Nội	2414	30L-778.89	Hà Nội
15	34A-886.63	Hải Dương	1215	34A-859.99	Hải Dương	2415	30L-826.68	Hà Nội
16	34A-888.83	Hải Dương	1216	34A-867.89	Hải Dương	2416	30L-868.79	Hà Nội
17	34A-889.92	Hải Dương	1217	36K-186.99	Thanh Hóa	2417	30L-958.89	Hà Nội
18	36K-176.66	Thanh Hóa	1218	47A-777.89	Đắk Lắk	2418	30L-966.68	Hà Nội
19	36K-198.88	Thanh Hóa	1219	51L-669.94	Hồ Chí Minh	2419	34A-869.98	Hải Dương
20	37K-399.79	Nghệ An	1220	51L-696.68	Hồ Chí Minh	2420	37K-397.92	Nghệ An
21	38A-649.99	Hà Tĩnh	1221	51L-736.68	Hồ Chí Minh	2421	38A-666.33	Hà Tĩnh
22	38A-663.68	Hà Tĩnh	1222	51L-769.96	Hồ Chí Minh	2422	43A-899.94	Đà Nẵng
23	43A-919.99	Đà Nẵng	1223	51L-866.81	Hồ Chí Minh	2423	47A-797.95	Đắk Lắk
24	51L-686.85	Hồ Chí Minh	1224	62A-468.89	Long An	2424	47A-798.88	Đắk Lắk
25	51L-766.68	Hồ Chí Minh	1225	65A-506.66	Cần Thơ	2425	51L-625.62	Hồ Chí Minh
26	51L-766.86	Hồ Chí Minh	1226	66A-299.97	Đồng Tháp	2426	51L-666.09	Hồ Chí Minh
27	51L-886.63	Hồ Chí Minh	1227	68B-033.39	Kiên Giang	2427	51L-888.38	Hồ Chí Minh
28	51L-889.79	Hồ Chí Minh	1228	70A-576.66	Tây Ninh	2428	60K-556.78	Đồng Nai
29	61K-488.85	Bình Dương	1229	71A-209.99	Bến Tre	2429	61K-499.96	Bình Dương
30	71A-208.89	Bến Tre	1230	74A-268.88	Quảng Trị	2430	62A-456.79	Long An
31	79A-559.98	Khánh Hòa	1231	90A-276.66	Hà Nam	2431	73A-368.89	Quảng Bình
32	89A-506.66	Hưng Yên	1232	90A-286.88	Hà Nam	2432	93A-486.99	Bình Phước
33	99A-826.88	Bắc Ninh	1233	99A-793.68	Bắc Ninh	2433	93A-488.85	Bình Phước
34	30L-553.08	Hà Nội	1234	30L-547.69	Hà Nội	2434	61K-366.86	Bình Dương
35	30L-554.15	Hà Nội	1235	30L-548.42	Hà Nội	2435	30L-547.39	Hà Nội
36	30L-554.68	Hà Nội	1236	30L-555.27	Hà Nội	2436	30L-548.77	Hà Nội
37	30L-555.70	Hà Nội	1237	30L-559.96	Hà Nội	2437	30L-549.96	Hà Nội
38	30L-557.75	Hà Nội	1238	30L-560.36	Hà Nội	2438	30L-550.26	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	30L-562.15	Hà Nội	1239	30L-561.77	Hà Nội	2439	30L-556.00	Hà Nội
40	30L-563.11	Hà Nội	1240	30L-564.56	Hà Nội	2440	30L-558.19	Hà Nội
41	30L-563.64	Hà Nội	1241	30L-565.00	Hà Nội	2441	30L-564.39	Hà Nội
42	30L-568.22	Hà Nội	1242	30L-569.26	Hà Nội	2442	30L-567.95	Hà Nội
43	30L-569.06	Hà Nội	1243	30L-572.35	Hà Nội	2443	30L-567.99	Hà Nội
44	30L-570.55	Hà Nội	1244	30L-575.59	Hà Nội	2444	30L-570.57	Hà Nội
45	30L-574.09	Hà Nội	1245	30L-579.66	Hà Nội	2445	30L-578.35	Hà Nội
46	30L-574.22	Hà Nội	1246	30L-583.09	Hà Nội	2446	30L-586.87	Hà Nội
47	30L-576.79	Hà Nội	1247	30L-587.00	Hà Nội	2447	30L-588.60	Hà Nội
48	30L-576.88	Hà Nội	1248	30L-587.06	Hà Nội	2448	30L-590.66	Hà Nội
49	30L-578.68	Hà Nội	1249	30L-589.06	Hà Nội	2449	30L-592.83	Hà Nội
50	30L-578.98	Hà Nội	1250	30L-590.16	Hà Nội	2450	30L-593.09	Hà Nội
51	30L-580.08	Hà Nội	1251	30L-590.58	Hà Nội	2451	30L-593.22	Hà Nội
52	30L-581.69	Hà Nội	1252	30L-591.39	Hà Nội	2452	30L-598.58	Hà Nội
53	30L-585.69	Hà Nội	1253	30L-598.95	Hà Nội	2453	30L-598.77	Hà Nội
54	30L-588.63	Hà Nội	1254	30L-599.74	Hà Nội	2454	30L-599.83	Hà Nội
55	30L-590.25	Hà Nội	1255	30L-601.44	Hà Nội	2455	30L-602.00	Hà Nội
56	30L-595.00	Hà Nội	1256	30L-601.65	Hà Nội	2456	30L-602.36	Hà Nội
57	30L-603.69	Hà Nội	1257	30L-604.59	Hà Nội	2457	30L-602.44	Hà Nội
58	30L-604.85	Hà Nội	1258	30L-606.60	Hà Nội	2458	30L-604.56	Hà Nội
59	30L-605.06	Hà Nội	1259	30L-609.35	Hà Nội	2459	30L-608.65	Hà Nội
60	30L-610.16	Hà Nội	1260	30L-610.39	Hà Nội	2460	30L-609.83	Hà Nội
61	30L-611.19	Hà Nội	1261	30L-610.66	Hà Nội	2461	30L-614.69	Hà Nội
62	30L-611.65	Hà Nội	1262	30L-611.89	Hà Nội	2462	30L-615.26	Hà Nội
63	30L-615.16	Hà Nội	1263	30L-613.65	Hà Nội	2463	30L-616.00	Hà Nội
64	30L-615.38	Hà Nội	1264	30L-619.85	Hà Nội	2464	30L-616.15	Hà Nội
65	30L-616.26	Hà Nội	1265	30L-626.58	Hà Nội	2465	30L-617.29	Hà Nội
66	30L-621.68	Hà Nội	1266	30L-626.86	Hà Nội	2466	30L-619.95	Hà Nội
67	30L-622.18	Hà Nội	1267	30L-627.56	Hà Nội	2467	30L-625.33	Hà Nội
68	30L-622.28	Hà Nội	1268	30L-628.62	Hà Nội	2468	30L-625.39	Hà Nội
69	30L-623.79	Hà Nội	1269	30L-631.08	Hà Nội	2469	30L-628.33	Hà Nội
70	30L-623.95	Hà Nội	1270	30L-631.09	Hà Nội	2470	30L-628.86	Hà Nội
71	30L-627.18	Hà Nội	1271	30L-631.19	Hà Nội	2471	30L-630.28	Hà Nội
72	30L-627.96	Hà Nội	1272	30L-640.77	Hà Nội	2472	30L-634.95	Hà Nội
73	30L-628.06	Hà Nội	1273	30L-641.64	Hà Nội	2473	30L-635.89	Hà Nội
74	30L-632.38	Hà Nội	1274	30L-643.65	Hà Nội	2474	30L-636.85	Hà Nội
75	30L-632.86	Hà Nội	1275	30L-645.06	Hà Nội	2475	30L-639.29	Hà Nội
76	30L-638.28	Hà Nội	1276	30L-645.66	Hà Nội	2476	30L-640.64	Hà Nội
77	30L-640.98	Hà Nội	1277	30L-645.79	Hà Nội	2477	30L-647.96	Hà Nội
78	30L-641.41	Hà Nội	1278	30L-646.39	Hà Nội	2478	30L-648.38	Hà Nội
79	30L-647.25	Hà Nội	1279	30L-648.98	Hà Nội	2479	30L-652.25	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30L-649.44	Hà Nội	1280	30L-649.95	Hà Nội	2480	30L-655.52	Hà Nội
81	30L-650.09	Hà Nội	1281	30L-651.55	Hà Nội	2481	30L-659.28	Hà Nội
82	30L-651.19	Hà Nội	1282	30L-651.85	Hà Nội	2482	30L-662.63	Hà Nội
83	30L-654.26	Hà Nội	1283	30L-653.38	Hà Nội	2483	30L-665.85	Hà Nội
84	30L-655.85	Hà Nội	1284	30L-654.08	Hà Nội	2484	30L-671.66	Hà Nội
85	30L-668.44	Hà Nội	1285	30L-658.99	Hà Nội	2485	30L-675.79	Hà Nội
86	30L-669.33	Hà Nội	1286	30L-662.35	Hà Nội	2486	30L-675.83	Hà Nội
87	30L-673.98	Hà Nội	1287	30L-666.24	Hà Nội	2487	30L-677.26	Hà Nội
88	30L-680.59	Hà Nội	1288	30L-666.45	Hà Nội	2488	30L-678.65	Hà Nội
89	30L-681.11	Hà Nội	1289	30L-668.25	Hà Nội	2489	30L-681.85	Hà Nội
90	30L-690.25	Hà Nội	1290	30L-670.70	Hà Nội	2490	30L-682.36	Hà Nội
91	30L-692.22	Hà Nội	1291	30L-671.08	Hà Nội	2491	30L-684.89	Hà Nội
92	30L-694.22	Hà Nội	1292	30L-672.00	Hà Nội	2492	30L-686.59	Hà Nội
93	30L-694.88	Hà Nội	1293	30L-672.86	Hà Nội	2493	30L-688.36	Hà Nội
94	30L-697.69	Hà Nội	1294	30L-677.69	Hà Nội	2494	30L-691.39	Hà Nội
95	30L-699.61	Hà Nội	1295	30L-678.41	Hà Nội	2495	30L-693.11	Hà Nội
96	30L-701.70	Hà Nội	1296	30L-678.70	Hà Nội	2496	30L-693.19	Hà Nội
97	30L-702.36	Hà Nội	1297	30L-679.95	Hà Nội	2497	30L-696.25	Hà Nội
98	30L-702.70	Hà Nội	1298	30L-680.77	Hà Nội	2498	30L-698.66	Hà Nội
99	30L-713.88	Hà Nội	1299	30L-688.27	Hà Nội	2499	30L-699.63	Hà Nội
100	30L-713.96	Hà Nội	1300	30L-691.77	Hà Nội	2500	30L-701.26	Hà Nội
101	30L-714.77	Hà Nội	1301	30L-694.36	Hà Nội	2501	30L-701.44	Hà Nội
102	30L-726.88	Hà Nội	1302	30L-698.55	Hà Nội	2502	30L-701.97	Hà Nội
103	30L-730.29	Hà Nội	1303	30L-703.03	Hà Nội	2503	30L-705.06	Hà Nội
104	30L-731.77	Hà Nội	1304	30L-704.56	Hà Nội	2504	30L-706.25	Hà Nội
105	30L-732.11	Hà Nội	1305	30L-705.70	Hà Nội	2505	30L-706.39	Hà Nội
106	30L-745.29	Hà Nội	1306	30L-707.33	Hà Nội	2506	30L-708.29	Hà Nội
107	30L-745.96	Hà Nội	1307	30L-708.00	Hà Nội	2507	30L-709.22	Hà Nội
108	30L-748.77	Hà Nội	1308	30L-711.39	Hà Nội	2508	30L-713.68	Hà Nội
109	30L-752.26	Hà Nội	1309	30L-711.77	Hà Nội	2509	30L-717.77	Hà Nội
110	30L-754.45	Hà Nội	1310	30L-712.29	Hà Nội	2510	30L-723.00	Hà Nội
111	30L-757.39	Hà Nội	1311	30L-714.41	Hà Nội	2511	30L-727.22	Hà Nội
112	30L-760.69	Hà Nội	1312	30L-716.58	Hà Nội	2512	30L-729.38	Hà Nội
113	30L-763.66	Hà Nội	1313	30L-717.99	Hà Nội	2513	30L-730.30	Hà Nội
114	30L-764.15	Hà Nội	1314	30L-720.44	Hà Nội	2514	30L-740.41	Hà Nội
115	30L-765.59	Hà Nội	1315	30L-721.97	Hà Nội	2515	30L-744.39	Hà Nội
116	30L-766.28	Hà Nội	1316	30L-725.28	Hà Nội	2516	30L-750.77	Hà Nội
117	30L-770.16	Hà Nội	1317	30L-726.28	Hà Nội	2517	30L-753.22	Hà Nội
118	30L-772.15	Hà Nội	1318	30L-735.11	Hà Nội	2518	30L-754.00	Hà Nội
119	30L-772.28	Hà Nội	1319	30L-736.44	Hà Nội	2519	30L-754.28	Hà Nội
120	30L-773.99	Hà Nội	1320	30L-737.56	Hà Nội	2520	30L-754.86	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	30L-777.15	Hà Nội	1321	30L-737.58	Hà Nội	2521	30L-755.68	Hà Nội
122	30L-779.55	Hà Nội	1322	30L-742.38	Hà Nội	2522	30L-756.22	Hà Nội
123	30L-781.44	Hà Nội	1323	30L-744.83	Hà Nội	2523	30L-756.58	Hà Nội
124	30L-785.36	Hà Nội	1324	30L-746.38	Hà Nội	2524	30L-759.29	Hà Nội
125	30L-788.63	Hà Nội	1325	30L-747.16	Hà Nội	2525	30L-764.99	Hà Nội
126	30L-789.58	Hà Nội	1326	30L-747.65	Hà Nội	2526	30L-765.67	Hà Nội
127	30L-790.36	Hà Nội	1327	30L-750.09	Hà Nội	2527	30L-773.55	Hà Nội
128	30L-790.58	Hà Nội	1328	30L-751.35	Hà Nội	2528	30L-775.29	Hà Nội
129	30L-791.19	Hà Nội	1329	30L-752.96	Hà Nội	2529	30L-783.85	Hà Nội
130	30L-792.09	Hà Nội	1330	30L-753.55	Hà Nội	2530	30L-784.69	Hà Nội
131	30L-792.66	Hà Nội	1331	30L-754.22	Hà Nội	2531	30L-788.11	Hà Nội
132	30L-793.35	Hà Nội	1332	30L-754.69	Hà Nội	2532	30L-789.19	Hà Nội
133	30L-799.25	Hà Nội	1333	30L-754.88	Hà Nội	2533	30L-789.59	Hà Nội
134	30L-803.29	Hà Nội	1334	30L-760.76	Hà Nội	2534	30L-791.97	Hà Nội
135	30L-808.69	Hà Nội	1335	30L-761.66	Hà Nội	2535	30L-792.88	Hà Nội
136	30L-809.35	Hà Nội	1336	30L-762.55	Hà Nội	2536	30L-793.85	Hà Nội
137	30L-814.29	Hà Nội	1337	30L-769.28	Hà Nội	2537	30L-794.25	Hà Nội
138	30L-815.44	Hà Nội	1338	30L-772.11	Hà Nội	2538	30L-796.96	Hà Nội
139	30L-817.17	Hà Nội	1339	30L-772.22	Hà Nội	2539	30L-798.35	Hà Nội
140	30L-821.09	Hà Nội	1340	30L-772.96	Hà Nội	2540	30L-800.65	Hà Nội
141	30L-821.44	Hà Nội	1341	30L-777.00	Hà Nội	2541	30L-801.33	Hà Nội
142	30L-823.55	Hà Nội	1342	30L-777.02	Hà Nội	2542	30L-804.09	Hà Nội
143	30L-825.99	Hà Nội	1343	30L-777.90	Hà Nội	2543	30L-805.05	Hà Nội
144	30L-830.83	Hà Nội	1344	30L-778.83	Hà Nội	2544	30L-805.50	Hà Nội
145	30L-831.28	Hà Nội	1345	30L-780.69	Hà Nội	2545	30L-806.85	Hà Nội
146	30L-832.77	Hà Nội	1346	30L-781.09	Hà Nội	2546	30L-807.00	Hà Nội
147	30L-833.98	Hà Nội	1347	30L-782.38	Hà Nội	2547	30L-807.58	Hà Nội
148	30L-837.28	Hà Nội	1348	30L-782.86	Hà Nội	2548	30L-808.59	Hà Nội
149	30L-841.41	Hà Nội	1349	30L-790.89	Hà Nội	2549	30L-810.18	Hà Nội
150	30L-842.88	Hà Nội	1350	30L-794.94	Hà Nội	2550	30L-817.16	Hà Nội
151	30L-843.88	Hà Nội	1351	30L-796.55	Hà Nội	2551	30L-817.68	Hà Nội
152	30L-845.44	Hà Nội	1352	30L-797.65	Hà Nội	2552	30L-818.06	Hà Nội
153	30L-845.84	Hà Nội	1353	30L-799.75	Hà Nội	2553	30L-819.09	Hà Nội
154	30L-846.83	Hà Nội	1354	30L-802.44	Hà Nội	2554	30L-820.20	Hà Nội
155	30L-847.89	Hà Nội	1355	30L-805.89	Hà Nội	2555	30L-821.95	Hà Nội
156	30L-848.99	Hà Nội	1356	30L-807.79	Hà Nội	2556	30L-822.98	Hà Nội
157	30L-849.36	Hà Nội	1357	30L-809.39	Hà Nội	2557	30L-826.19	Hà Nội
158	30L-850.83	Hà Nội	1358	30L-814.86	Hà Nội	2558	30L-826.25	Hà Nội
159	30L-852.86	Hà Nội	1359	30L-816.29	Hà Nội	2559	30L-828.79	Hà Nội
160	30L-853.38	Hà Nội	1360	30L-817.85	Hà Nội	2560	30L-832.66	Hà Nội
161	30L-855.38	Hà Nội	1361	30L-817.99	Hà Nội	2561	30L-833.55	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	30L-855.99	Hà Nội	1362	30L-819.76	Hà Nội	2562	30L-838.18	Hà Nội
163	30L-861.06	Hà Nội	1363	30L-820.19	Hà Nội	2563	30L-845.28	Hà Nội
164	30L-862.65	Hà Nội	1364	30L-820.26	Hà Nội	2564	30L-846.56	Hà Nội
165	30L-863.36	Hà Nội	1365	30L-820.82	Hà Nội	2565	30L-848.16	Hà Nội
166	30L-864.79	Hà Nội	1366	30L-820.96	Hà Nội	2566	30L-848.86	Hà Nội
167	30L-866.05	Hà Nội	1367	30L-822.36	Hà Nội	2567	30L-849.95	Hà Nội
168	30L-872.00	Hà Nội	1368	30L-823.88	Hà Nội	2568	30L-850.89	Hà Nội
169	30L-874.22	Hà Nội	1369	30L-837.00	Hà Nội	2569	30L-852.85	Hà Nội
170	30L-877.87	Hà Nội	1370	30L-837.44	Hà Nội	2570	30L-855.25	Hà Nội
171	30L-882.06	Hà Nội	1371	30L-842.25	Hà Nội	2571	30L-861.85	Hà Nội
172	30L-882.08	Hà Nội	1372	30L-842.69	Hà Nội	2572	30L-868.44	Hà Nội
173	30L-883.35	Hà Nội	1373	30L-844.96	Hà Nội	2573	30L-871.59	Hà Nội
174	30L-886.16	Hà Nội	1374	30L-845.65	Hà Nội	2574	30L-873.15	Hà Nội
175	30L-887.09	Hà Nội	1375	30L-850.16	Hà Nội	2575	30L-876.35	Hà Nội
176	30L-888.26	Hà Nội	1376	30L-851.00	Hà Nội	2576	30L-879.22	Hà Nội
177	30L-891.86	Hà Nội	1377	30L-851.95	Hà Nội	2577	30L-883.95	Hà Nội
178	30L-892.09	Hà Nội	1378	30L-853.77	Hà Nội	2578	30L-886.38	Hà Nội
179	30L-893.08	Hà Nội	1379	30L-854.85	Hà Nội	2579	30L-886.52	Hà Nội
180	30L-895.96	Hà Nội	1380	30L-858.08	Hà Nội	2580	30L-886.76	Hà Nội
181	30L-898.19	Hà Nội	1381	30L-858.55	Hà Nội	2581	30L-892.26	Hà Nội
182	30L-902.95	Hà Nội	1382	30L-859.26	Hà Nội	2582	30L-892.69	Hà Nội
183	30L-903.66	Hà Nội	1383	30L-864.00	Hà Nội	2583	30L-892.86	Hà Nội
184	30L-910.77	Hà Nội	1384	30L-866.91	Hà Nội	2584	30L-894.11	Hà Nội
185	30L-912.38	Hà Nội	1385	30L-868.38	Hà Nội	2585	30L-895.11	Hà Nội
186	30L-913.29	Hà Nội	1386	30L-870.15	Hà Nội	2586	30L-898.86	Hà Nội
187	30L-914.06	Hà Nội	1387	30L-870.83	Hà Nội	2587	30L-899.28	Hà Nội
188	30L-921.29	Hà Nội	1388	30L-871.17	Hà Nội	2588	30L-899.59	Hà Nội
189	30L-923.35	Hà Nội	1389	30L-872.29	Hà Nội	2589	30L-902.79	Hà Nội
190	30L-927.22	Hà Nội	1390	30L-873.22	Hà Nội	2590	30L-905.00	Hà Nội
191	30L-930.38	Hà Nội	1391	30L-874.00	Hà Nội	2591	30L-905.35	Hà Nội
192	30L-933.79	Hà Nội	1392	30L-874.66	Hà Nội	2592	30L-905.56	Hà Nội
193	30L-933.85	Hà Nội	1393	30L-875.87	Hà Nội	2593	30L-910.33	Hà Nội
194	30L-941.11	Hà Nội	1394	30L-876.59	Hà Nội	2594	30L-912.28	Hà Nội
195	30L-941.41	Hà Nội	1395	30L-877.96	Hà Nội	2595	30L-912.68	Hà Nội
196	30L-943.56	Hà Nội	1396	30L-878.09	Hà Nội	2596	30L-913.14	Hà Nội
197	30L-946.38	Hà Nội	1397	30L-880.28	Hà Nội	2597	30L-915.26	Hà Nội
198	30L-946.69	Hà Nội	1398	30L-884.15	Hà Nội	2598	30L-916.06	Hà Nội
199	30L-948.98	Hà Nội	1399	30L-885.28	Hà Nội	2599	30L-918.22	Hà Nội
200	30L-950.00	Hà Nội	1400	30L-886.00	Hà Nội	2600	30L-919.96	Hà Nội
201	30L-953.36	Hà Nội	1401	30L-891.92	Hà Nội	2601	30L-920.68	Hà Nội
202	30L-959.29	Hà Nội	1402	30L-893.09	Hà Nội	2602	30L-921.08	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	30L-959.83	Hà Nội	1403	30L-895.59	Hà Nội	2603	30L-923.15	Hà Nội
204	30L-962.00	Hà Nội	1404	30L-897.85	Hà Nội	2604	30L-923.55	Hà Nội
205	30L-964.64	Hà Nội	1405	30L-900.25	Hà Nội	2605	30L-924.83	Hà Nội
206	30L-964.66	Hà Nội	1406	30L-903.90	Hà Nội	2606	30L-927.25	Hà Nội
207	30L-965.99	Hà Nội	1407	30L-905.18	Hà Nội	2607	30L-932.36	Hà Nội
208	30L-972.22	Hà Nội	1408	30L-909.33	Hà Nội	2608	30L-933.16	Hà Nội
209	30L-974.83	Hà Nội	1409	30L-910.89	Hà Nội	2609	30L-933.34	Hà Nội
210	30L-976.97	Hà Nội	1410	30L-917.17	Hà Nội	2610	30L-944.98	Hà Nội
211	30L-977.22	Hà Nội	1411	30L-917.71	Hà Nội	2611	30L-945.44	Hà Nội
212	30L-988.18	Hà Nội	1412	30L-918.66	Hà Nội	2612	30L-950.16	Hà Nội
213	30L-991.19	Hà Nội	1413	30L-919.06	Hà Nội	2613	30L-959.56	Hà Nội
214	30L-994.26	Hà Nội	1414	30L-920.29	Hà Nội	2614	30L-962.63	Hà Nội
215	30L-994.66	Hà Nội	1415	30L-920.88	Hà Nội	2615	30L-963.83	Hà Nội
216	30L-996.03	Hà Nội	1416	30L-921.56	Hà Nội	2616	30L-969.79	Hà Nội
217	30L-996.14	Hà Nội	1417	30L-921.92	Hà Nội	2617	30L-974.65	Hà Nội
218	30L-996.36	Hà Nội	1418	30L-922.66	Hà Nội	2618	30L-976.67	Hà Nội
219	30L-996.80	Hà Nội	1419	30L-923.38	Hà Nội	2619	30L-978.79	Hà Nội
220	30L-997.31	Hà Nội	1420	30L-923.69	Hà Nội	2620	30L-980.99	Hà Nội
221	30L-998.58	Hà Nội	1421	30L-923.92	Hà Nội	2621	30L-986.39	Hà Nội
222	30M-002.22	Hà Nội	1422	30L-926.86	Hà Nội	2622	30L-994.99	Hà Nội
223	30M-004.11	Hà Nội	1423	30L-927.08	Hà Nội	2623	30L-996.41	Hà Nội
224	30M-004.18	Hà Nội	1424	30L-928.55	Hà Nội	2624	30L-996.48	Hà Nội
225	30M-004.89	Hà Nội	1425	30L-933.29	Hà Nội	2625	30L-996.95	Hà Nội
226	30M-007.26	Hà Nội	1426	30L-934.16	Hà Nội	2626	30L-999.74	Hà Nội
227	30M-007.36	Hà Nội	1427	30L-937.25	Hà Nội	2627	30M-001.68	Hà Nội
228	30M-007.96	Hà Nội	1428	30L-940.66	Hà Nội	2628	30M-005.44	Hà Nội
229	30M-008.65	Hà Nội	1429	30L-942.11	Hà Nội	2629	30M-007.08	Hà Nội
230	30M-010.88	Hà Nội	1430	30L-943.26	Hà Nội	2630	30M-007.19	Hà Nội
231	30M-017.06	Hà Nội	1431	30L-950.26	Hà Nội	2631	30M-007.83	Hà Nội
232	30M-025.69	Hà Nội	1432	30L-954.85	Hà Nội	2632	30M-008.79	Hà Nội
233	30M-026.08	Hà Nội	1433	30L-955.00	Hà Nội	2633	30M-009.36	Hà Nội
234	30M-028.39	Hà Nội	1434	30L-955.53	Hà Nội	2634	30M-012.09	Hà Nội
235	51L-618.77	Hồ Chí Minh	1435	30L-964.68	Hà Nội	2635	30M-019.33	Hà Nội
236	51L-620.06	Hồ Chí Minh	1436	30L-966.59	Hà Nội	2636	30M-019.36	Hà Nội
237	51L-621.18	Hồ Chí Minh	1437	30L-972.26	Hà Nội	2637	30M-020.56	Hà Nội
238	51L-622.35	Hồ Chí Minh	1438	30L-975.39	Hà Nội	2638	30M-022.18	Hà Nội
239	51L-623.18	Hồ Chí Minh	1439	30L-981.11	Hà Nội	2639	30M-024.24	Hà Nội
240	51L-625.26	Hồ Chí Minh	1440	30L-982.98	Hà Nội	2640	30M-025.98	Hà Nội
241	51L-626.00	Hồ Chí Minh	1441	30L-985.69	Hà Nội	2641	30M-027.39	Hà Nội
242	51L-629.86	Hồ Chí Minh	1442	30L-986.63	Hà Nội	2642	30M-027.55	Hà Nội
243	51L-630.16	Hồ Chí Minh	1443	30L-986.88	Hà Nội	2643	51L-620.58	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	51L-632.44	Hồ Chí Minh	1444	30L-989.33	Hà Nội	2644	51D-896.89	Hồ Chí Minh
245	51L-632.68	Hồ Chí Minh	1445	30L-993.77	Hà Nội	2645	51L-624.99	Hồ Chí Minh
246	51L-635.29	Hồ Chí Minh	1446	30L-994.35	Hà Nội	2646	51L-626.25	Hồ Chí Minh
247	51L-636.78	Hồ Chí Minh	1447	30L-996.23	Hà Nội	2647	51L-631.97	Hồ Chí Minh
248	51L-638.15	Hồ Chí Minh	1448	30L-997.59	Hà Nội	2648	51L-632.66	Hồ Chí Minh
249	51L-641.19	Hồ Chí Minh	1449	30L-997.95	Hà Nội	2649	51L-633.77	Hồ Chí Minh
250	51L-641.59	Hồ Chí Minh	1450	30M-000.38	Hà Nội	2650	51L-636.66	Hồ Chí Minh
251	51L-643.88	Hồ Chí Minh	1451	30M-000.66	Hà Nội	2651	51L-637.16	Hồ Chí Minh
252	51L-643.98	Hồ Chí Minh	1452	30M-003.35	Hà Nội	2652	51L-638.77	Hồ Chí Minh
253	51L-644.46	Hồ Chí Minh	1453	30M-010.89	Hà Nội	2653	51L-639.55	Hồ Chí Minh
254	51L-647.39	Hồ Chí Minh	1454	30M-011.83	Hà Nội	2654	51L-641.98	Hồ Chí Minh
255	51L-649.19	Hồ Chí Minh	1455	30M-017.01	Hà Nội	2655	51L-644.88	Hồ Chí Minh
256	51L-653.77	Hồ Chí Minh	1456	30M-018.69	Hà Nội	2656	51L-645.44	Hồ Chí Minh
257	51L-653.99	Hồ Chí Minh	1457	30M-021.86	Hà Nội	2657	51L-646.88	Hồ Chí Minh
258	51L-655.51	Hồ Chí Minh	1458	30M-025.56	Hà Nội	2658	51L-647.26	Hồ Chí Minh
259	51L-662.56	Hồ Chí Minh	1459	30M-026.02	Hà Nội	2659	51L-647.77	Hồ Chí Minh
260	51L-662.66	Hồ Chí Minh	1460	30M-026.96	Hà Nội	2660	51L-650.68	Hồ Chí Minh
261	51L-665.08	Hồ Chí Minh	1461	30M-027.88	Hà Nội	2661	51L-651.19	Hồ Chí Minh
262	51L-671.72	Hồ Chí Minh	1462	51L-792.99	Hồ Chí Minh	2662	51L-656.25	Hồ Chí Minh
263	51L-673.15	Hồ Chí Minh	1463	51L-619.87	Hồ Chí Minh	2663	51L-657.88	Hồ Chí Minh
264	51L-674.16	Hồ Chí Minh	1464	51L-628.00	Hồ Chí Minh	2664	51L-660.29	Hồ Chí Minh
265	51L-674.88	Hồ Chí Minh	1465	51L-629.19	Hồ Chí Minh	2665	51L-660.99	Hồ Chí Minh
266	51L-677.69	Hồ Chí Minh	1466	51L-629.59	Hồ Chí Minh	2666	51L-662.99	Hồ Chí Minh
267	51L-678.82	Hồ Chí Minh	1467	51L-636.88	Hồ Chí Minh	2667	51L-664.22	Hồ Chí Minh
268	51L-678.91	Hồ Chí Minh	1468	51L-637.06	Hồ Chí Minh	2668	51L-666.11	Hồ Chí Minh
269	51L-682.44	Hồ Chí Minh	1469	51L-640.98	Hồ Chí Minh	2669	51L-670.11	Hồ Chí Minh
270	51L-683.35	Hồ Chí Minh	1470	51L-642.98	Hồ Chí Minh	2670	51L-682.15	Hồ Chí Minh
271	51L-685.68	Hồ Chí Minh	1471	51L-646.99	Hồ Chí Minh	2671	51L-682.58	Hồ Chí Minh
272	51L-691.91	Hồ Chí Minh	1472	51L-648.65	Hồ Chí Minh	2672	51L-683.22	Hồ Chí Minh
273	51L-694.16	Hồ Chí Minh	1473	51L-649.69	Hồ Chí Minh	2673	51L-683.38	Hồ Chí Minh
274	51L-694.36	Hồ Chí Minh	1474	51L-650.35	Hồ Chí Minh	2674	51L-683.88	Hồ Chí Minh
275	51L-696.09	Hồ Chí Minh	1475	51L-651.33	Hồ Chí Minh	2675	51L-684.36	Hồ Chí Minh
276	51L-698.65	Hồ Chí Minh	1476	51L-652.39	Hồ Chí Minh	2676	51L-689.96	Hồ Chí Minh
277	51L-699.35	Hồ Chí Minh	1477	51L-653.11	Hồ Chí Minh	2677	51L-690.83	Hồ Chí Minh
278	51L-701.22	Hồ Chí Minh	1478	51L-656.18	Hồ Chí Minh	2678	51L-691.96	Hồ Chí Minh
279	51L-701.29	Hồ Chí Minh	1479	51L-657.86	Hồ Chí Minh	2679	51L-707.99	Hồ Chí Minh
280	51L-701.99	Hồ Chí Minh	1480	51L-658.26	Hồ Chí Minh	2680	51L-708.15	Hồ Chí Minh
281	51L-702.06	Hồ Chí Minh	1481	51L-659.18	Hồ Chí Minh	2681	51L-709.09	Hồ Chí Minh
282	51L-703.26	Hồ Chí Minh	1482	51L-660.96	Hồ Chí Minh	2682	51L-709.66	Hồ Chí Minh
283	51L-703.28	Hồ Chí Minh	1483	51L-661.62	Hồ Chí Minh	2683	51L-710.44	Hồ Chí Minh
284	51L-704.40	Hồ Chí Minh	1484	51L-662.33	Hồ Chí Minh	2684	51L-711.83	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	51L-708.65	Hồ Chí Minh	1485	51L-669.16	Hồ Chí Minh	2685	51L-719.16	Hồ Chí Minh
286	51L-708.80	Hồ Chí Minh	1486	51L-670.96	Hồ Chí Minh	2686	51L-722.59	Hồ Chí Minh
287	51L-708.99	Hồ Chí Minh	1487	51L-671.79	Hồ Chí Minh	2687	51L-723.39	Hồ Chí Minh
288	51L-714.16	Hồ Chí Minh	1488	51L-675.26	Hồ Chí Minh	2688	51L-725.25	Hồ Chí Minh
289	51L-715.88	Hồ Chí Minh	1489	51L-678.18	Hồ Chí Minh	2689	51L-728.72	Hồ Chí Minh
290	51L-716.88	Hồ Chí Minh	1490	51L-678.77	Hồ Chí Minh	2690	51L-730.15	Hồ Chí Minh
291	51L-722.77	Hồ Chí Minh	1491	51L-679.98	Hồ Chí Minh	2691	51L-734.98	Hồ Chí Minh
292	51L-725.28	Hồ Chí Minh	1492	51L-683.39	Hồ Chí Minh	2692	51L-742.25	Hồ Chí Minh
293	51L-729.96	Hồ Chí Minh	1493	51L-683.55	Hồ Chí Minh	2693	51L-744.26	Hồ Chí Minh
294	51L-732.35	Hồ Chí Minh	1494	51L-683.83	Hồ Chí Minh	2694	51L-745.25	Hồ Chí Minh
295	51L-732.88	Hồ Chí Minh	1495	51L-685.28	Hồ Chí Minh	2695	51L-746.95	Hồ Chí Minh
296	51L-739.69	Hồ Chí Minh	1496	51L-688.02	Hồ Chí Minh	2696	51L-749.19	Hồ Chí Minh
297	51L-740.26	Hồ Chí Minh	1497	51L-688.37	Hồ Chí Minh	2697	51L-750.33	Hồ Chí Minh
298	51L-740.85	Hồ Chí Minh	1498	51L-698.44	Hồ Chí Minh	2698	51L-751.85	Hồ Chí Minh
299	51L-741.29	Hồ Chí Minh	1499	51L-699.26	Hồ Chí Minh	2699	51L-752.26	Hồ Chí Minh
300	51L-742.59	Hồ Chí Minh	1500	51L-703.03	Hồ Chí Minh	2700	51L-753.19	Hồ Chí Minh
301	51L-743.66	Hồ Chí Minh	1501	51L-704.83	Hồ Chí Minh	2701	51L-755.25	Hồ Chí Minh
302	51L-743.88	Hồ Chí Minh	1502	51L-706.99	Hồ Chí Minh	2702	51L-755.99	Hồ Chí Minh
303	51L-745.00	Hồ Chí Minh	1503	51L-710.00	Hồ Chí Minh	2703	51L-756.29	Hồ Chí Minh
304	51L-750.15	Hồ Chí Minh	1504	51L-710.18	Hồ Chí Minh	2704	51L-758.18	Hồ Chí Minh
305	51L-751.99	Hồ Chí Minh	1505	51L-715.66	Hồ Chí Minh	2705	51L-760.06	Hồ Chí Minh
306	51L-757.44	Hồ Chí Minh	1506	51L-719.00	Hồ Chí Minh	2706	51L-767.16	Hồ Chí Minh
307	51L-757.95	Hồ Chí Minh	1507	51L-720.56	Hồ Chí Minh	2707	51L-768.35	Hồ Chí Minh
308	51L-757.99	Hồ Chí Minh	1508	51L-721.86	Hồ Chí Minh	2708	51L-769.68	Hồ Chí Minh
309	51L-760.68	Hồ Chí Minh	1509	51L-723.58	Hồ Chí Minh	2709	51L-771.86	Hồ Chí Minh
310	51L-766.28	Hồ Chí Minh	1510	51L-726.11	Hồ Chí Minh	2710	51L-772.15	Hồ Chí Minh
311	51L-768.00	Hồ Chí Minh	1511	51L-727.29	Hồ Chí Minh	2711	51L-772.86	Hồ Chí Minh
312	51L-780.80	Hồ Chí Minh	1512	51L-734.83	Hồ Chí Minh	2712	51L-772.89	Hồ Chí Minh
313	51L-780.95	Hồ Chí Minh	1513	51L-735.29	Hồ Chí Minh	2713	51L-774.98	Hồ Chí Minh
314	51L-783.85	Hồ Chí Minh	1514	51L-737.19	Hồ Chí Minh	2714	51L-777.12	Hồ Chí Minh
315	51L-788.86	Hồ Chí Minh	1515	51L-737.26	Hồ Chí Minh	2715	51L-777.99	Hồ Chí Minh
316	51L-789.65	Hồ Chí Minh	1516	51L-737.38	Hồ Chí Minh	2716	51L-778.66	Hồ Chí Minh
317	51L-798.66	Hồ Chí Minh	1517	51L-737.89	Hồ Chí Minh	2717	51L-780.36	Hồ Chí Minh
318	51L-800.66	Hồ Chí Minh	1518	51L-742.16	Hồ Chí Minh	2718	51L-784.96	Hồ Chí Minh
319	51L-802.26	Hồ Chí Minh	1519	51L-742.33	Hồ Chí Minh	2719	51L-790.96	Hồ Chí Minh
320	51L-803.58	Hồ Chí Minh	1520	51L-745.46	Hồ Chí Minh	2720	51L-791.95	Hồ Chí Minh
321	51L-805.09	Hồ Chí Minh	1521	51L-749.26	Hồ Chí Minh	2721	51L-792.36	Hồ Chí Minh
322	51L-806.07	Hồ Chí Minh	1522	51L-750.18	Hồ Chí Minh	2722	51L-793.56	Hồ Chí Minh
323	51L-815.06	Hồ Chí Minh	1523	51L-752.11	Hồ Chí Minh	2723	51L-795.39	Hồ Chí Minh
324	51L-815.18	Hồ Chí Minh	1524	51L-753.66	Hồ Chí Minh	2724	51L-803.30	Hồ Chí Minh
325	51L-816.98	Hồ Chí Minh	1525	51L-757.28	Hồ Chí Minh	2725	51L-804.85	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
326	51L-818.56	Hồ Chí Minh	1526	51L-759.96	Hồ Chí Minh	2726	51L-805.35	Hồ Chí Minh
327	51L-820.29	Hồ Chí Minh	1527	51L-761.79	Hồ Chí Minh	2727	51L-810.15	Hồ Chí Minh
328	51L-832.89	Hồ Chí Minh	1528	51L-764.19	Hồ Chí Minh	2728	51L-814.81	Hồ Chí Minh
329	51L-833.28	Hồ Chí Minh	1529	51L-766.38	Hồ Chí Minh	2729	51L-814.85	Hồ Chí Minh
330	51L-833.34	Hồ Chí Minh	1530	51L-769.22	Hồ Chí Minh	2730	51L-815.98	Hồ Chí Minh
331	51L-835.16	Hồ Chí Minh	1531	51L-775.66	Hồ Chí Minh	2731	51L-819.72	Hồ Chí Minh
332	51L-836.69	Hồ Chí Minh	1532	51L-776.69	Hồ Chí Minh	2732	51L-825.58	Hồ Chí Minh
333	51L-837.83	Hồ Chí Minh	1533	51L-777.46	Hồ Chí Minh	2733	51L-829.58	Hồ Chí Minh
334	51L-843.58	Hồ Chí Minh	1534	51L-781.38	Hồ Chí Minh	2734	51L-830.06	Hồ Chí Minh
335	51L-844.69	Hồ Chí Minh	1535	51L-783.22	Hồ Chí Minh	2735	51L-832.18	Hồ Chí Minh
336	51L-845.56	Hồ Chí Minh	1536	51L-789.02	Hồ Chí Minh	2736	51L-832.68	Hồ Chí Minh
337	51L-847.98	Hồ Chí Minh	1537	51L-790.28	Hồ Chí Minh	2737	51L-836.77	Hồ Chí Minh
338	51L-848.56	Hồ Chí Minh	1538	51L-795.98	Hồ Chí Minh	2738	51L-838.18	Hồ Chí Minh
339	51L-849.59	Hồ Chí Minh	1539	51L-798.68	Hồ Chí Minh	2739	51L-840.59	Hồ Chí Minh
340	51L-851.59	Hồ Chí Minh	1540	51L-798.96	Hồ Chí Minh	2740	51L-844.79	Hồ Chí Minh
341	51L-852.68	Hồ Chí Minh	1541	51L-799.08	Hồ Chí Minh	2741	51L-851.28	Hồ Chí Minh
342	51L-852.79	Hồ Chí Minh	1542	51L-800.44	Hồ Chí Minh	2742	51L-851.99	Hồ Chí Minh
343	51L-854.06	Hồ Chí Minh	1543	51L-801.10	Hồ Chí Minh	2743	51L-853.98	Hồ Chí Minh
344	51L-855.88	Hồ Chí Minh	1544	51L-802.18	Hồ Chí Minh	2744	51L-856.15	Hồ Chí Minh
345	51L-857.66	Hồ Chí Minh	1545	51L-802.59	Hồ Chí Minh	2745	51L-857.09	Hồ Chí Minh
346	51L-864.29	Hồ Chí Minh	1546	51L-804.65	Hồ Chí Minh	2746	51L-860.33	Hồ Chí Minh
347	51L-864.88	Hồ Chí Minh	1547	51L-804.95	Hồ Chí Minh	2747	51L-862.96	Hồ Chí Minh
348	51L-866.33	Hồ Chí Minh	1548	51L-805.39	Hồ Chí Minh	2748	51L-864.68	Hồ Chí Minh
349	51L-866.51	Hồ Chí Minh	1549	51L-806.56	Hồ Chí Minh	2749	51L-867.22	Hồ Chí Minh
350	51L-870.66	Hồ Chí Minh	1550	51L-806.65	Hồ Chí Minh	2750	51L-869.77	Hồ Chí Minh
351	51L-877.78	Hồ Chí Minh	1551	51L-808.15	Hồ Chí Minh	2751	51L-869.85	Hồ Chí Minh
352	51L-878.15	Hồ Chí Minh	1552	51L-808.59	Hồ Chí Minh	2752	51L-870.55	Hồ Chí Minh
353	51L-880.55	Hồ Chí Minh	1553	51L-813.18	Hồ Chí Minh	2753	51L-871.77	Hồ Chí Minh
354	51L-881.97	Hồ Chí Minh	1554	51L-813.77	Hồ Chí Minh	2754	51L-872.08	Hồ Chí Minh
355	51L-885.22	Hồ Chí Minh	1555	51L-817.58	Hồ Chí Minh	2755	51L-874.69	Hồ Chí Minh
356	51L-886.05	Hồ Chí Minh	1556	51L-819.16	Hồ Chí Minh	2756	51L-875.35	Hồ Chí Minh
357	51L-886.12	Hồ Chí Minh	1557	51L-821.16	Hồ Chí Minh	2757	51L-876.18	Hồ Chí Minh
358	51L-889.44	Hồ Chí Minh	1558	51L-825.36	Hồ Chí Minh	2758	51L-883.25	Hồ Chí Minh
359	51L-890.39	Hồ Chí Minh	1559	51L-825.69	Hồ Chí Minh	2759	51L-886.11	Hồ Chí Minh
360	51L-892.15	Hồ Chí Minh	1560	51L-829.79	Hồ Chí Minh	2760	51L-886.21	Hồ Chí Minh
361	11A-130.68	Cao Bằng	1561	51L-831.68	Hồ Chí Minh	2761	51L-886.82	Hồ Chí Minh
362	11A-131.00	Cao Bằng	1562	51L-836.11	Hồ Chí Minh	2762	51L-887.56	Hồ Chí Minh
363	11A-131.66	Cao Bằng	1563	51L-838.85	Hồ Chí Minh	2763	51L-888.23	Hồ Chí Minh
364	11A-135.15	Cao Bằng	1564	51L-840.06	Hồ Chí Minh	2764	51L-895.86	Hồ Chí Minh
365	12A-253.89	Lạng Sơn	1565	51L-840.55	Hồ Chí Minh	2765	11A-130.06	Cao Bằng
366	12A-256.00	Lạng Sơn	1566	51L-842.00	Hồ Chí Minh	2766	11A-131.65	Cao Bằng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	12A-260.09	Lạng Sơn	1567	51L-842.42	Hồ Chí Minh	2767	11A-134.36	Cao Bằng
368	12A-261.29	Lạng Sơn	1568	51L-844.18	Hồ Chí Minh	2768	11A-134.44	Cao Bằng
369	12A-262.06	Lạng Sơn	1569	51L-848.33	Hồ Chí Minh	2769	12A-253.22	Lạng Sơn
370	12A-262.29	Lạng Sơn	1570	51L-849.83	Hồ Chí Minh	2770	12A-255.08	Lạng Sơn
371	12B-015.15	Lạng Sơn	1571	51L-851.56	Hồ Chí Minh	2771	12A-255.16	Lạng Sơn
372	14A-933.88	Quảng Ninh	1572	51L-854.35	Hồ Chí Minh	2772	12A-260.61	Lạng Sơn
373	14A-934.86	Quảng Ninh	1573	51L-857.11	Hồ Chí Minh	2773	12A-261.11	Lạng Sơn
374	14A-935.00	Quảng Ninh	1574	51L-857.65	Hồ Chí Minh	2774	12B-013.39	Lạng Sơn
375	14A-946.36	Quảng Ninh	1575	51L-859.06	Hồ Chí Minh	2775	14A-930.65	Quảng Ninh
376	14A-947.19	Quảng Ninh	1576	51L-859.96	Hồ Chí Minh	2776	14A-930.96	Quảng Ninh
377	14A-950.28	Quảng Ninh	1577	51L-860.60	Hồ Chí Minh	2777	14A-931.39	Quảng Ninh
378	14A-950.77	Quảng Ninh	1578	51L-861.83	Hồ Chí Minh	2778	14A-935.29	Quảng Ninh
379	14A-952.38	Quảng Ninh	1579	51L-865.11	Hồ Chí Minh	2779	14A-936.96	Quảng Ninh
380	14A-953.89	Quảng Ninh	1580	51L-865.33	Hồ Chí Minh	2780	14A-939.09	Quảng Ninh
381	14A-956.00	Quảng Ninh	1581	51L-865.89	Hồ Chí Minh	2781	14A-939.19	Quảng Ninh
382	14A-957.11	Quảng Ninh	1582	51L-868.19	Hồ Chí Minh	2782	14A-939.29	Quảng Ninh
383	14A-958.00	Quảng Ninh	1583	51L-870.16	Hồ Chí Minh	2783	14A-939.38	Quảng Ninh
384	14A-960.95	Quảng Ninh	1584	51L-873.69	Hồ Chí Minh	2784	14A-943.94	Quảng Ninh
385	14A-963.96	Quảng Ninh	1585	51L-873.78	Hồ Chí Minh	2785	14A-943.96	Quảng Ninh
386	14A-964.89	Quảng Ninh	1586	51L-885.68	Hồ Chí Minh	2786	14A-944.33	Quảng Ninh
387	14A-965.39	Quảng Ninh	1587	51L-887.95	Hồ Chí Minh	2787	14A-945.36	Quảng Ninh
388	14A-965.89	Quảng Ninh	1588	51L-888.41	Hồ Chí Minh	2788	14A-945.66	Quảng Ninh
389	14A-968.15	Quảng Ninh	1589	51L-889.19	Hồ Chí Minh	2789	14A-951.65	Quảng Ninh
390	14A-974.55	Quảng Ninh	1590	51L-893.15	Hồ Chí Minh	2790	14A-952.08	Quảng Ninh
391	14A-974.88	Quảng Ninh	1591	11A-133.08	Cao Bằng	2791	14A-953.11	Quảng Ninh
392	14A-975.16	Quảng Ninh	1592	11C-083.39	Cao Bằng	2792	14A-956.28	Quảng Ninh
393	14A-982.86	Quảng Ninh	1593	12A-253.29	Lạng Sơn	2793	14A-959.22	Quảng Ninh
394	14A-984.66	Quảng Ninh	1594	12A-254.09	Lạng Sơn	2794	14A-959.97	Quảng Ninh
395	14A-987.98	Quảng Ninh	1595	12A-254.22	Lạng Sơn	2795	14A-963.36	Quảng Ninh
396	15B-052.88	Hải Phòng	1596	12A-256.08	Lạng Sơn	2796	14A-964.38	Quảng Ninh
397	15K-339.66	Hải Phòng	1597	12A-257.99	Lạng Sơn	2797	14A-966.22	Quảng Ninh
398	15K-340.96	Hải Phòng	1598	12B-013.66	Lạng Sơn	2798	14A-968.38	Quảng Ninh
399	15K-341.66	Hải Phòng	1599	12C-139.68	Lạng Sơn	2799	14A-969.79	Quảng Ninh
400	15K-343.00	Hải Phòng	1600	14A-931.59	Quảng Ninh	2800	14A-971.44	Quảng Ninh
401	15K-345.00	Hải Phòng	1601	14A-933.00	Quảng Ninh	2801	14A-973.88	Quảng Ninh
402	15K-352.53	Hải Phòng	1602	14A-936.33	Quảng Ninh	2802	14A-978.77	Quảng Ninh
403	15K-353.79	Hải Phòng	1603	14A-946.83	Quảng Ninh	2803	14A-979.33	Quảng Ninh
404	15K-354.09	Hải Phòng	1604	14A-948.83	Quảng Ninh	2804	14A-980.68	Quảng Ninh
405	15K-355.16	Hải Phòng	1605	14A-954.35	Quảng Ninh	2805	14A-981.56	Quảng Ninh
406	15K-355.19	Hải Phòng	1606	14A-955.99	Quảng Ninh	2806	14A-983.08	Quảng Ninh
407	15K-355.98	Hải Phòng	1607	14A-956.16	Quảng Ninh	2807	14A-985.69	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
408	15K-360.18	Hải Phòng	1608	14A-957.06	Quảng Ninh	2808	14A-986.89	Quảng Ninh
409	15K-360.28	Hải Phòng	1609	14A-968.39	Quảng Ninh	2809	14A-987.08	Quảng Ninh
410	15K-361.56	Hải Phòng	1610	14A-973.55	Quảng Ninh	2810	14D-026.88	Quảng Ninh
411	15K-362.83	Hải Phòng	1611	14A-981.55	Quảng Ninh	2811	15D-052.25	Hải Phòng
412	15K-365.96	Hải Phòng	1612	14A-985.08	Quảng Ninh	2812	15K-341.59	Hải Phòng
413	15K-366.38	Hải Phòng	1613	14A-986.16	Quảng Ninh	2813	15K-341.96	Hải Phòng
414	15K-366.83	Hải Phòng	1614	14B-051.69	Quảng Ninh	2814	15K-342.00	Hải Phòng
415	15K-368.95	Hải Phòng	1615	14D-028.69	Quảng Ninh	2815	15K-343.06	Hải Phòng
416	15K-369.38	Hải Phòng	1616	15K-338.99	Hải Phòng	2816	15K-343.36	Hải Phòng
417	15K-373.83	Hải Phòng	1617	15K-339.11	Hải Phòng	2817	15K-345.99	Hải Phòng
418	15K-377.11	Hải Phòng	1618	15K-340.09	Hải Phòng	2818	15K-348.35	Hải Phòng
419	15K-379.98	Hải Phòng	1619	15K-340.22	Hải Phòng	2819	15K-348.98	Hải Phòng
420	15K-380.06	Hải Phòng	1620	15K-342.58	Hải Phòng	2820	15K-350.36	Hải Phòng
421	15K-383.36	Hải Phòng	1621	15K-345.96	Hải Phòng	2821	15K-350.86	Hải Phòng
422	15K-384.22	Hải Phòng	1622	15K-347.56	Hải Phòng	2822	15K-356.78	Hải Phòng
423	15K-387.19	Hải Phòng	1623	15K-347.69	Hải Phòng	2823	15K-357.77	Hải Phòng
424	15K-387.69	Hải Phòng	1624	15K-349.79	Hải Phòng	2824	15K-359.59	Hải Phòng
425	15K-388.69	Hải Phòng	1625	15K-350.56	Hải Phòng	2825	15K-359.65	Hải Phòng
426	15K-389.44	Hải Phòng	1626	15K-351.19	Hải Phòng	2826	15K-360.25	Hải Phòng
427	15K-395.08	Hải Phòng	1627	15K-352.15	Hải Phòng	2827	15K-362.63	Hải Phòng
428	15K-397.58	Hải Phòng	1628	15K-355.29	Hải Phòng	2828	15K-363.29	Hải Phòng
429	15K-401.22	Hải Phòng	1629	15K-356.59	Hải Phòng	2829	15K-363.58	Hải Phòng
430	15K-405.18	Hải Phòng	1630	15K-358.09	Hải Phòng	2830	15K-364.56	Hải Phòng
431	15K-405.26	Hải Phòng	1631	15K-358.79	Hải Phòng	2831	15K-367.98	Hải Phòng
432	15K-405.40	Hải Phòng	1632	15K-359.89	Hải Phòng	2832	15K-368.19	Hải Phòng
433	15K-406.98	Hải Phòng	1633	15K-362.99	Hải Phòng	2833	15K-371.29	Hải Phòng
434	15K-409.11	Hải Phòng	1634	15K-363.06	Hải Phòng	2834	15K-372.29	Hải Phòng
435	15K-411.19	Hải Phòng	1635	15K-365.38	Hải Phòng	2835	15K-375.73	Hải Phòng
436	15K-412.16	Hải Phòng	1636	15K-367.26	Hải Phòng	2836	15K-379.22	Hải Phòng
437	15K-413.86	Hải Phòng	1637	15K-367.95	Hải Phòng	2837	15K-380.77	Hải Phòng
438	15K-414.18	Hải Phòng	1638	15K-368.65	Hải Phòng	2838	15K-381.33	Hải Phòng
439	15K-415.38	Hải Phòng	1639	15K-369.28	Hải Phòng	2839	15K-387.35	Hải Phòng
440	15K-415.77	Hải Phòng	1640	15K-378.83	Hải Phòng	2840	15K-389.79	Hải Phòng
441	15K-416.55	Hải Phòng	1641	15K-378.99	Hải Phòng	2841	15K-391.25	Hải Phòng
442	15K-418.25	Hải Phòng	1642	15K-381.44	Hải Phòng	2842	15K-391.58	Hải Phòng
443	15K-420.33	Hải Phòng	1643	15K-382.19	Hải Phòng	2843	15K-394.66	Hải Phòng
444	15K-422.86	Hải Phòng	1644	15K-385.44	Hải Phòng	2844	15K-404.99	Hải Phòng
445	15K-423.32	Hải Phòng	1645	15K-386.56	Hải Phòng	2845	15K-405.59	Hải Phòng
446	15K-424.85	Hải Phòng	1646	15K-387.96	Hải Phòng	2846	15K-406.39	Hải Phòng
447	17A-468.87	Thái Bình	1647	15K-388.29	Hải Phòng	2847	15K-412.08	Hải Phòng
448	17A-468.98	Thái Bình	1648	15K-388.58	Hải Phòng	2848	15K-412.26	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	17A-472.59	Thái Bình	1649	15K-391.38	Hải Phòng	2849	15K-413.35	Hải Phòng
450	17A-473.58	Thái Bình	1650	15K-392.96	Hải Phòng	2850	15K-420.35	Hải Phòng
451	17A-477.79	Thái Bình	1651	15K-394.85	Hải Phòng	2851	15K-423.45	Hải Phòng
452	17A-479.06	Thái Bình	1652	15K-394.86	Hải Phòng	2852	15K-424.33	Hải Phòng
453	17A-481.56	Thái Bình	1653	15K-399.90	Hải Phòng	2853	17A-472.28	Thái Bình
454	17A-484.18	Thái Bình	1654	15K-402.03	Hải Phòng	2854	17A-474.68	Thái Bình
455	17A-485.25	Thái Bình	1655	15K-404.77	Hải Phòng	2855	17A-476.88	Thái Bình
456	17A-485.38	Thái Bình	1656	15K-405.85	Hải Phòng	2856	17A-479.15	Thái Bình
457	17A-485.79	Thái Bình	1657	15K-406.69	Hải Phòng	2857	17A-481.89	Thái Bình
458	17A-488.55	Thái Bình	1658	15K-408.15	Hải Phòng	2858	17A-486.78	Thái Bình
459	17A-488.77	Thái Bình	1659	15K-411.15	Hải Phòng	2859	17A-487.56	Thái Bình
460	17A-491.08	Thái Bình	1660	15K-411.22	Hải Phòng	2860	17A-487.68	Thái Bình
461	18A-469.83	Nam Định	1661	15K-411.68	Hải Phòng	2861	17A-488.35	Thái Bình
462	18A-476.18	Nam Định	1662	15K-413.59	Hải Phòng	2862	17A-489.39	Thái Bình
463	18A-481.59	Nam Định	1663	15K-414.28	Hải Phòng	2863	18A-468.06	Nam Định
464	18A-482.11	Nam Định	1664	15K-419.28	Hải Phòng	2864	18A-469.16	Nam Định
465	18A-484.15	Nam Định	1665	15K-419.69	Hải Phòng	2865	18A-471.71	Nam Định
466	18A-487.00	Nam Định	1666	15K-423.18	Hải Phòng	2866	18A-474.39	Nam Định
467	18A-489.83	Nam Định	1667	17A-469.65	Thái Bình	2867	18A-477.09	Nam Định
468	18C-167.99	Nam Định	1668	17A-472.88	Thái Bình	2868	18A-478.38	Nam Định
469	19A-671.95	Phú Thọ	1669	17A-476.83	Thái Bình	2869	18A-478.65	Nam Định
470	19A-674.74	Phú Thọ	1670	17A-478.93	Thái Bình	2870	18A-479.47	Nam Định
471	19A-674.88	Phú Thọ	1671	17A-487.15	Thái Bình	2871	18A-485.16	Nam Định
472	19A-676.95	Phú Thọ	1672	17A-489.09	Thái Bình	2872	18A-486.25	Nam Định
473	19A-676.98	Phú Thọ	1673	18A-473.66	Nam Định	2873	18B-029.99	Nam Định
474	19A-677.15	Phú Thọ	1674	18A-474.22	Nam Định	2874	19A-671.77	Phú Thọ
475	19A-684.25	Phú Thọ	1675	18A-474.55	Nam Định	2875	19A-673.06	Phú Thọ
476	19A-687.18	Phú Thọ	1676	18A-480.77	Nam Định	2876	19A-674.06	Phú Thọ
477	19A-688.71	Phú Thọ	1677	18A-484.00	Nam Định	2877	19A-677.56	Phú Thọ
478	19A-692.26	Phú Thọ	1678	18A-485.29	Nam Định	2878	19A-678.27	Phú Thọ
479	19A-693.85	Phú Thọ	1679	18A-486.22	Nam Định	2879	19A-678.71	Phú Thọ
480	19A-693.94	Phú Thọ	1680	18A-487.39	Nam Định	2880	19A-680.22	Phú Thọ
481	19A-693.99	Phú Thọ	1681	19A-671.65	Phú Thọ	2881	19A-684.33	Phú Thọ
482	19A-697.68	Phú Thọ	1682	19A-671.68	Phú Thọ	2882	19A-685.25	Phú Thọ
483	19A-698.44	Phú Thọ	1683	19A-672.06	Phú Thọ	2883	19A-688.84	Phú Thọ
484	19A-699.39	Phú Thọ	1684	19A-672.44	Phú Thọ	2884	19A-689.59	Phú Thọ
485	19A-701.70	Phú Thọ	1685	19A-673.35	Phú Thọ	2885	19A-698.19	Phú Thọ
486	19A-703.06	Phú Thọ	1686	19A-675.85	Phú Thọ	2886	19A-700.35	Phú Thọ
487	19A-711.97	Phú Thọ	1687	19A-678.07	Phú Thọ	2887	19A-701.58	Phú Thọ
488	19A-714.66	Phú Thọ	1688	19A-678.33	Phú Thọ	2888	19A-703.70	Phú Thọ
489	19A-714.83	Phú Thọ	1689	19A-680.66	Phú Thọ	2889	19A-706.99	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	19C-256.69	Phú Thọ	1690	19A-681.95	Phú Thọ	2890	19A-713.79	Phú Thọ
491	20A-812.59	Thái Nguyên	1691	19A-684.35	Phú Thọ	2891	19C-261.68	Phú Thọ
492	20A-814.83	Thái Nguyên	1692	19A-685.36	Phú Thọ	2892	20A-811.65	Thái Nguyên
493	20A-815.66	Thái Nguyên	1693	19A-686.25	Phú Thọ	2893	20A-812.83	Thái Nguyên
494	20A-816.86	Thái Nguyên	1694	19A-687.19	Phú Thọ	2894	20A-813.59	Thái Nguyên
495	20A-818.96	Thái Nguyên	1695	19A-688.37	Phú Thọ	2895	20A-814.86	Thái Nguyên
496	20A-819.36	Thái Nguyên	1696	19A-690.23	Phú Thọ	2896	20A-815.09	Thái Nguyên
497	20A-820.28	Thái Nguyên	1697	19A-696.58	Phú Thọ	2897	20A-817.39	Thái Nguyên
498	20A-822.06	Thái Nguyên	1698	19A-698.58	Phú Thọ	2898	20A-817.69	Thái Nguyên
499	20A-827.65	Thái Nguyên	1699	19A-698.66	Phú Thọ	2899	20A-819.15	Thái Nguyên
500	20A-834.15	Thái Nguyên	1700	19A-699.00	Phú Thọ	2900	20A-820.58	Thái Nguyên
501	20A-835.08	Thái Nguyên	1701	19A-704.58	Phú Thọ	2901	20A-821.38	Thái Nguyên
502	20A-836.00	Thái Nguyên	1702	19A-705.85	Phú Thọ	2902	20A-824.29	Thái Nguyên
503	20A-838.18	Thái Nguyên	1703	19A-705.86	Phú Thọ	2903	20A-827.68	Thái Nguyên
504	20A-840.48	Thái Nguyên	1704	19A-706.29	Phú Thọ	2904	20A-829.06	Thái Nguyên
505	20A-843.83	Thái Nguyên	1705	19A-708.38	Phú Thọ	2905	20A-831.08	Thái Nguyên
506	20A-845.19	Thái Nguyên	1706	19A-709.79	Phú Thọ	2906	20A-834.11	Thái Nguyên
507	20A-852.28	Thái Nguyên	1707	19C-256.86	Phú Thọ	2907	20A-836.18	Thái Nguyên
508	20C-303.69	Thái Nguyên	1708	19C-259.95	Phú Thọ	2908	20A-836.39	Thái Nguyên
509	21A-212.58	Yên Bái	1709	19D-016.79	Phú Thọ	2909	20A-838.86	Thái Nguyên
510	21A-213.69	Yên Bái	1710	20A-812.89	Thái Nguyên	2910	20A-840.09	Thái Nguyên
511	21A-214.59	Yên Bái	1711	20A-816.39	Thái Nguyên	2911	20A-842.11	Thái Nguyên
512	21A-216.56	Yên Bái	1712	20A-819.64	Thái Nguyên	2912	20A-844.83	Thái Nguyên
513	21A-220.15	Yên Bái	1713	20A-821.06	Thái Nguyên	2913	20A-849.69	Thái Nguyên
514	21B-011.39	Yên Bái	1714	20A-821.98	Thái Nguyên	2914	20A-850.39	Thái Nguyên
515	21C-108.88	Yên Bái	1715	20A-823.08	Thái Nguyên	2915	20A-850.55	Thái Nguyên
516	22A-257.28	Tuyên Quang	1716	20A-824.22	Thái Nguyên	2916	20A-851.28	Thái Nguyên
517	22A-257.57	Tuyên Quang	1717	20A-825.38	Thái Nguyên	2917	20A-853.85	Thái Nguyên
518	22A-258.36	Tuyên Quang	1718	20A-826.82	Thái Nguyên	2918	20A-855.18	Thái Nguyên
519	22A-259.69	Tuyên Quang	1719	20A-827.00	Thái Nguyên	2919	20A-860.26	Thái Nguyên
520	22A-265.56	Tuyên Quang	1720	20A-828.95	Thái Nguyên	2920	20B-032.68	Thái Nguyên
521	22A-267.76	Tuyên Quang	1721	20A-831.96	Thái Nguyên	2921	20C-306.68	Thái Nguyên
522	22A-269.56	Tuyên Quang	1722	20A-834.19	Thái Nguyên	2922	21A-212.69	Yên Bái
523	23A-157.66	Hà Giang	1723	20A-834.35	Thái Nguyên	2923	21A-213.21	Yên Bái
524	23A-158.09	Hà Giang	1724	20A-836.95	Thái Nguyên	2924	21A-214.09	Yên Bái
525	23A-158.18	Hà Giang	1725	20A-842.29	Thái Nguyên	2925	21A-215.22	Yên Bái
526	23A-161.59	Hà Giang	1726	20A-844.65	Thái Nguyên	2926	21A-219.82	Yên Bái
527	23C-088.33	Hà Giang	1727	20A-851.29	Thái Nguyên	2927	22A-263.89	Tuyên Quang
528	24A-305.39	Lào Cai	1728	20A-852.36	Thái Nguyên	2928	22A-269.44	Tuyên Quang
529	24A-305.98	Lào Cai	1729	20A-853.99	Thái Nguyên	2929	22C-111.12	Tuyên Quang
530	24A-310.10	Lào Cai	1730	20A-854.25	Thái Nguyên	2930	23A-155.86	Hà Giang

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	24A-310.26	Lào Cai	1731	20C-297.89	Thái Nguyên	2931	23A-156.59	Hà Giang
532	24A-312.25	Lào Cai	1732	20C-300.00	Thái Nguyên	2932	23A-160.06	Hà Giang
533	25A-081.79	Lai Châu	1733	20C-306.39	Thái Nguyên	2933	24A-309.30	Lào Cai
534	25A-083.83	Lai Châu	1734	21A-212.29	Yên Bái	2934	24A-311.56	Lào Cai
535	26A-228.79	Sơn La	1735	21A-214.96	Yên Bái	2935	24D-007.77	Lào Cai
536	26A-232.26	Sơn La	1736	21A-215.11	Yên Bái	2936	25C-057.89	Lai Châu
537	26B-018.79	Sơn La	1737	21A-215.96	Yên Bái	2937	26A-225.06	Sơn La
538	27A-122.68	Điện Biên	1738	21A-215.99	Yên Bái	2938	26A-228.36	Sơn La
539	27A-123.23	Điện Biên	1739	21A-219.06	Yên Bái	2939	26A-229.88	Sơn La
540	27A-123.29	Điện Biên	1740	22A-256.52	Tuyên Quang	2940	26C-158.68	Sơn La
541	27A-124.19	Điện Biên	1741	23A-157.06	Hà Giang	2941	26C-159.66	Sơn La
542	27A-125.08	Điện Biên	1742	23A-161.19	Hà Giang	2942	27A-127.29	Điện Biên
543	27A-125.21	Điện Biên	1743	23A-162.08	Hà Giang	2943	28A-248.33	Hòa Bình
544	28A-248.83	Hòa Bình	1744	23A-162.86	Hà Giang	2944	28A-249.97	Hòa Bình
545	29D-613.68	Hà Nội	1745	23C-089.39	Hà Giang	2945	28A-250.99	Hòa Bình
546	29K-221.19	Hà Nội	1746	24A-304.69	Lào Cai	2946	28A-254.58	Hòa Bình
547	29K-221.25	Hà Nội	1747	24A-305.83	Lào Cai	2947	28A-255.99	Hòa Bình
548	29K-223.99	Hà Nội	1748	24A-307.35	Lào Cai	2948	29D-609.88	Hà Nội
549	29K-227.35	Hà Nội	1749	24A-307.56	Lào Cai	2949	29K-221.16	Hà Nội
550	29K-228.44	Hà Nội	1750	24A-308.35	Lào Cai	2950	29K-223.66	Hà Nội
551	29K-232.16	Hà Nội	1751	24A-309.18	Lào Cai	2951	29K-224.98	Hà Nội
552	29K-239.09	Hà Nội	1752	24A-309.26	Lào Cai	2952	29K-229.22	Hà Nội
553	29K-240.98	Hà Nội	1753	24A-311.95	Lào Cai	2953	29K-231.26	Hà Nội
554	29K-241.15	Hà Nội	1754	25A-081.99	Lai Châu	2954	29K-231.85	Hà Nội
555	29K-241.36	Hà Nội	1755	25A-082.22	Lai Châu	2955	29K-232.55	Hà Nội
556	29K-242.00	Hà Nội	1756	25A-082.58	Lai Châu	2956	29K-236.55	Hà Nội
557	29K-243.33	Hà Nội	1757	25A-084.55	Lai Châu	2957	29K-237.16	Hà Nội
558	29K-250.55	Hà Nội	1758	26A-224.28	Sơn La	2958	29K-239.55	Hà Nội
559	29K-257.16	Hà Nội	1759	26A-226.39	Sơn La	2959	29K-239.66	Hà Nội
560	29K-257.19	Hà Nội	1760	26A-227.28	Sơn La	2960	29K-239.85	Hà Nội
561	29K-257.25	Hà Nội	1761	26A-229.00	Sơn La	2961	29K-240.29	Hà Nội
562	29K-257.99	Hà Nội	1762	26A-232.56	Sơn La	2962	29K-243.25	Hà Nội
563	29K-264.38	Hà Nội	1763	26A-234.89	Sơn La	2963	29K-244.98	Hà Nội
564	29K-271.09	Hà Nội	1764	26C-158.58	Sơn La	2964	29K-247.26	Hà Nội
565	29K-276.15	Hà Nội	1765	26D-011.68	Sơn La	2965	29K-247.44	Hà Nội
566	29K-276.76	Hà Nội	1766	26D-012.69	Sơn La	2966	29K-252.19	Hà Nội
567	29K-280.15	Hà Nội	1767	27A-123.32	Điện Biên	2967	29K-257.77	Hà Nội
568	29K-283.84	Hà Nội	1768	27A-125.79	Điện Biên	2968	29K-258.28	Hà Nội
569	29K-286.77	Hà Nội	1769	27A-128.39	Điện Biên	2969	29K-261.55	Hà Nội
570	29K-288.19	Hà Nội	1770	28A-248.15	Hòa Bình	2970	29K-270.85	Hà Nội
571	29K-292.99	Hà Nội	1771	28A-248.35	Hòa Bình	2971	29K-271.68	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	29K-294.86	Hà Nội	1772	28A-250.50	Hòa Bình	2972	29K-272.26	Hà Nội
573	29K-295.88	Hà Nội	1773	28A-250.96	Hòa Bình	2973	29K-282.65	Hà Nội
574	29K-297.08	Hà Nội	1774	28A-251.36	Hòa Bình	2974	29K-285.99	Hà Nội
575	29K-298.33	Hà Nội	1775	28A-252.26	Hòa Bình	2975	29K-288.60	Hà Nội
576	29K-299.69	Hà Nội	1776	28A-252.29	Hòa Bình	2976	29K-289.44	Hà Nội
577	29K-303.83	Hà Nội	1777	29D-615.88	Hà Nội	2977	29K-294.15	Hà Nội
578	29K-305.36	Hà Nội	1778	29D-618.68	Hà Nội	2978	29K-295.22	Hà Nội
579	29K-307.85	Hà Nội	1779	29K-220.86	Hà Nội	2979	29K-300.56	Hà Nội
580	29K-308.88	Hà Nội	1780	29K-223.25	Hà Nội	2980	29K-303.36	Hà Nội
581	29K-309.55	Hà Nội	1781	29K-227.65	Hà Nội	2981	29K-305.59	Hà Nội
582	29K-310.83	Hà Nội	1782	29K-228.39	Hà Nội	2982	29K-306.55	Hà Nội
583	29K-311.31	Hà Nội	1783	29K-235.11	Hà Nội	2983	29K-309.97	Hà Nội
584	29K-316.22	Hà Nội	1784	29K-236.36	Hà Nội	2984	29K-310.36	Hà Nội
585	29K-321.25	Hà Nội	1785	29K-241.68	Hà Nội	2985	29K-312.83	Hà Nội
586	29K-321.33	Hà Nội	1786	29K-241.79	Hà Nội	2986	29K-313.36	Hà Nội
587	29K-321.38	Hà Nội	1787	29K-242.25	Hà Nội	2987	29K-315.77	Hà Nội
588	29K-324.39	Hà Nội	1788	29K-243.68	Hà Nội	2988	29K-317.99	Hà Nội
589	29K-324.83	Hà Nội	1789	29K-246.06	Hà Nội	2989	29K-318.44	Hà Nội
590	29K-325.52	Hà Nội	1790	29K-248.25	Hà Nội	2990	29K-319.19	Hà Nội
591	34A-859.25	Hải Dương	1791	29K-256.58	Hà Nội	2991	29K-319.25	Hà Nội
592	34A-861.28	Hải Dương	1792	29K-258.38	Hà Nội	2992	34A-866.46	Hải Dương
593	34A-861.83	Hải Dương	1793	29K-266.55	Hà Nội	2993	34A-868.44	Hải Dương
594	34A-861.89	Hải Dương	1794	29K-267.08	Hà Nội	2994	34A-870.69	Hải Dương
595	34A-868.59	Hải Dương	1795	29K-267.29	Hà Nội	2995	34A-878.58	Hải Dương
596	34A-871.39	Hải Dương	1796	29K-268.36	Hà Nội	2996	34A-878.86	Hải Dương
597	34A-872.28	Hải Dương	1797	29K-271.39	Hà Nội	2997	34A-883.33	Hải Dương
598	34A-875.83	Hải Dương	1798	29K-271.77	Hà Nội	2998	34A-884.77	Hải Dương
599	34A-877.88	Hải Dương	1799	29K-273.33	Hà Nội	2999	34A-884.89	Hải Dương
600	34A-884.86	Hải Dương	1800	29K-273.65	Hà Nội	3000	34A-887.09	Hải Dương
601	34A-885.95	Hải Dương	1801	29K-276.22	Hà Nội	3001	34A-888.70	Hải Dương
602	34A-886.85	Hải Dương	1802	29K-277.86	Hà Nội	3002	34A-890.55	Hải Dương
603	34A-888.91	Hải Dương	1803	29K-283.18	Hà Nội	3003	34A-896.86	Hải Dương
604	34A-892.38	Hải Dương	1804	29K-283.89	Hà Nội	3004	34A-898.68	Hải Dương
605	34A-893.77	Hải Dương	1805	29K-284.29	Hà Nội	3005	34A-900.39	Hải Dương
606	34A-899.18	Hải Dương	1806	29K-289.15	Hà Nội	3006	34A-902.86	Hải Dương
607	34A-899.59	Hải Dương	1807	29K-291.36	Hà Nội	3007	34A-907.90	Hải Dương
608	34A-900.98	Hải Dương	1808	29K-292.19	Hà Nội	3008	34A-911.22	Hải Dương
609	34A-902.06	Hải Dương	1809	29K-294.26	Hà Nội	3009	34A-914.91	Hải Dương
610	34A-903.19	Hải Dương	1810	29K-296.78	Hà Nội	3010	34A-917.88	Hải Dương
611	34A-905.06	Hải Dương	1811	29K-296.92	Hà Nội	3011	34D-035.79	Hải Dương
612	34A-908.85	Hải Dương	1812	29K-297.98	Hà Nội	3012	35A-447.77	Ninh Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
613	34A-910.01	Hải Dương	1813	29K-298.39	Hà Nội	3013	35A-448.58	Ninh Bình
614	34A-910.85	Hải Dương	1814	29K-300.19	Hà Nội	3014	35A-449.19	Ninh Bình
615	34A-910.89	Hải Dương	1815	29K-301.95	Hà Nội	3015	35A-449.97	Ninh Bình
616	34A-915.19	Hải Dương	1816	29K-303.69	Hà Nội	3016	35A-452.53	Ninh Bình
617	35A-444.49	Ninh Bình	1817	29K-304.06	Hà Nội	3017	35A-453.69	Ninh Bình
618	35A-449.38	Ninh Bình	1818	29K-305.03	Hà Nội	3018	35A-457.33	Ninh Bình
619	35A-450.36	Ninh Bình	1819	29K-306.35	Hà Nội	3019	36C-511.68	Thanh Hóa
620	35A-451.52	Ninh Bình	1820	29K-311.09	Hà Nội	3020	36C-515.15	Thanh Hóa
621	35A-456.45	Ninh Bình	1821	29K-312.85	Hà Nội	3021	36C-515.79	Thanh Hóa
622	35A-458.35	Ninh Bình	1822	29K-315.69	Hà Nội	3022	36C-529.66	Thanh Hóa
623	35A-459.38	Ninh Bình	1823	29K-318.11	Hà Nội	3023	36K-137.83	Thanh Hóa
624	35A-462.19	Ninh Bình	1824	29K-319.90	Hà Nội	3024	36K-138.18	Thanh Hóa
625	35A-462.62	Ninh Bình	1825	29K-324.38	Hà Nội	3025	36K-139.09	Thanh Hóa
626	35A-463.26	Ninh Bình	1826	34A-858.08	Hải Dương	3026	36K-140.06	Thanh Hóa
627	36C-517.88	Thanh Hóa	1827	34A-858.29	Hải Dương	3027	36K-145.54	Thanh Hóa
628	36K-137.26	Thanh Hóa	1828	34A-863.96	Hải Dương	3028	36K-157.98	Thanh Hóa
629	36K-137.31	Thanh Hóa	1829	34A-866.31	Hải Dương	3029	36K-158.06	Thanh Hóa
630	36K-138.28	Thanh Hóa	1830	34A-866.40	Hải Dương	3030	36K-161.06	Thanh Hóa
631	36K-141.98	Thanh Hóa	1831	34A-866.42	Hải Dương	3031	36K-164.16	Thanh Hóa
632	36K-142.88	Thanh Hóa	1832	34A-869.08	Hải Dương	3032	36K-167.89	Thanh Hóa
633	36K-146.58	Thanh Hóa	1833	34A-869.26	Hải Dương	3033	36K-168.77	Thanh Hóa
634	36K-148.29	Thanh Hóa	1834	34A-872.85	Hải Dương	3034	36K-172.08	Thanh Hóa
635	36K-149.95	Thanh Hóa	1835	34A-873.25	Hải Dương	3035	36K-173.16	Thanh Hóa
636	36K-150.00	Thanh Hóa	1836	34A-882.77	Hải Dương	3036	36K-175.69	Thanh Hóa
637	36K-150.66	Thanh Hóa	1837	34A-882.89	Hải Dương	3037	36K-176.56	Thanh Hóa
638	36K-151.95	Thanh Hóa	1838	34A-884.99	Hải Dương	3038	36K-176.79	Thanh Hóa
639	36K-152.66	Thanh Hóa	1839	34A-886.28	Hải Dương	3039	36K-178.77	Thanh Hóa
640	36K-152.96	Thanh Hóa	1840	34A-886.70	Hải Dương	3040	36K-178.79	Thanh Hóa
641	36K-155.22	Thanh Hóa	1841	34A-890.44	Hải Dương	3041	36K-180.33	Thanh Hóa
642	36K-157.56	Thanh Hóa	1842	34A-900.44	Hải Dương	3042	36K-183.15	Thanh Hóa
643	36K-158.85	Thanh Hóa	1843	34A-904.04	Hải Dương	3043	36K-185.28	Thanh Hóa
644	36K-160.26	Thanh Hóa	1844	34A-905.79	Hải Dương	3044	36K-185.68	Thanh Hóa
645	36K-161.26	Thanh Hóa	1845	34A-907.65	Hải Dương	3045	36K-185.86	Thanh Hóa
646	36K-169.11	Thanh Hóa	1846	34A-910.33	Hải Dương	3046	36K-188.38	Thanh Hóa
647	36K-169.85	Thanh Hóa	1847	34D-035.55	Hải Dương	3047	36K-188.56	Thanh Hóa
648	36K-171.65	Thanh Hóa	1848	34D-037.39	Hải Dương	3048	36K-191.18	Thanh Hóa
649	36K-172.96	Thanh Hóa	1849	35A-445.58	Ninh Bình	3049	36K-193.39	Thanh Hóa
650	36K-173.39	Thanh Hóa	1850	35A-449.69	Ninh Bình	3050	36K-194.85	Thanh Hóa
651	36K-174.08	Thanh Hóa	1851	35A-455.44	Ninh Bình	3051	36K-198.44	Thanh Hóa
652	36K-174.83	Thanh Hóa	1852	35A-455.54	Ninh Bình	3052	36K-199.18	Thanh Hóa
653	36K-175.16	Thanh Hóa	1853	35A-457.83	Ninh Bình	3053	36K-199.34	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	36K-177.55	Thanh Hóa	1854	35A-458.86	Ninh Bình	3054	36K-201.44	Thanh Hóa
655	36K-178.33	Thanh Hóa	1855	35A-462.85	Ninh Bình	3055	36K-205.85	Thanh Hóa
656	36K-179.19	Thanh Hóa	1856	35A-463.25	Ninh Bình	3056	36K-205.89	Thanh Hóa
657	36K-180.56	Thanh Hóa	1857	36C-512.68	Thanh Hóa	3057	36K-206.08	Thanh Hóa
658	36K-181.08	Thanh Hóa	1858	36C-512.88	Thanh Hóa	3058	36K-206.19	Thanh Hóa
659	36K-181.66	Thanh Hóa	1859	36C-517.86	Thanh Hóa	3059	36K-207.69	Thanh Hóa
660	36K-181.79	Thanh Hóa	1860	36K-139.36	Thanh Hóa	3060	36K-207.77	Thanh Hóa
661	36K-184.84	Thanh Hóa	1861	36K-140.56	Thanh Hóa	3061	36K-213.59	Thanh Hóa
662	36K-185.08	Thanh Hóa	1862	36K-143.83	Thanh Hóa	3062	36K-215.16	Thanh Hóa
663	36K-185.39	Thanh Hóa	1863	36K-146.59	Thanh Hóa	3063	36K-218.99	Thanh Hóa
664	36K-185.69	Thanh Hóa	1864	36K-148.96	Thanh Hóa	3064	36K-219.19	Thanh Hóa
665	36K-188.06	Thanh Hóa	1865	36K-149.00	Thanh Hóa	3065	36K-225.16	Thanh Hóa
666	36K-190.89	Thanh Hóa	1866	36K-149.35	Thanh Hóa	3066	36K-228.55	Thanh Hóa
667	36K-194.94	Thanh Hóa	1867	36K-153.69	Thanh Hóa	3067	37C-555.33	Nghệ An
668	36K-199.17	Thanh Hóa	1868	36K-155.50	Thanh Hóa	3068	37C-562.39	Nghệ An
669	36K-199.24	Thanh Hóa	1869	36K-155.95	Thanh Hóa	3069	37K-389.36	Nghệ An
670	36K-199.27	Thanh Hóa	1870	36K-157.89	Thanh Hóa	3070	37K-392.98	Nghệ An
671	36K-202.09	Thanh Hóa	1871	36K-160.35	Thanh Hóa	3071	37K-394.39	Nghệ An
672	36K-205.58	Thanh Hóa	1872	36K-163.83	Thanh Hóa	3072	37K-397.08	Nghệ An
673	36K-214.38	Thanh Hóa	1873	36K-165.22	Thanh Hóa	3073	37K-401.01	Nghệ An
674	36K-217.65	Thanh Hóa	1874	36K-165.77	Thanh Hóa	3074	37K-402.83	Nghệ An
675	36K-218.68	Thanh Hóa	1875	36K-172.65	Thanh Hóa	3075	37K-404.99	Nghệ An
676	36K-221.00	Thanh Hóa	1876	36K-178.39	Thanh Hóa	3076	37K-408.56	Nghệ An
677	36K-223.19	Thanh Hóa	1877	36K-179.11	Thanh Hóa	3077	37K-411.83	Nghệ An
678	36K-224.36	Thanh Hóa	1878	36K-180.11	Thanh Hóa	3078	37K-415.51	Nghệ An
679	36K-224.65	Thanh Hóa	1879	36K-180.58	Thanh Hóa	3079	37K-416.18	Nghệ An
680	36K-228.08	Thanh Hóa	1880	36K-190.22	Thanh Hóa	3080	37K-417.68	Nghệ An
681	37C-558.85	Nghệ An	1881	36K-191.65	Thanh Hóa	3081	37K-418.85	Nghệ An
682	37C-565.65	Nghệ An	1882	36K-192.65	Thanh Hóa	3082	37K-420.18	Nghệ An
683	37C-565.66	Nghệ An	1883	36K-193.09	Thanh Hóa	3083	37K-420.44	Nghệ An
684	37K-389.18	Nghệ An	1884	36K-196.23	Thanh Hóa	3084	37K-421.39	Nghệ An
685	37K-398.68	Nghệ An	1885	36K-197.15	Thanh Hóa	3085	37K-423.23	Nghệ An
686	37K-399.35	Nghệ An	1886	36K-198.14	Thanh Hóa	3086	37K-426.22	Nghệ An
687	37K-399.62	Nghệ An	1887	36K-198.27	Thanh Hóa	3087	37K-427.18	Nghệ An
688	37K-399.73	Nghệ An	1888	36K-199.43	Thanh Hóa	3088	37K-428.28	Nghệ An
689	37K-400.89	Nghệ An	1889	36K-201.95	Thanh Hóa	3089	37K-429.16	Nghệ An
690	37K-404.16	Nghệ An	1890	36K-202.99	Thanh Hóa	3090	37K-431.44	Nghệ An
691	37K-405.18	Nghệ An	1891	36K-213.06	Thanh Hóa	3091	37K-433.26	Nghệ An
692	37K-405.50	Nghệ An	1892	36K-213.35	Thanh Hóa	3092	37K-434.86	Nghệ An
693	37K-410.44	Nghệ An	1893	36K-214.96	Thanh Hóa	3093	37K-434.89	Nghệ An
694	37K-410.88	Nghệ An	1894	36K-217.83	Thanh Hóa	3094	37K-435.58	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	37K-413.15	Nghệ An	1895	36K-219.06	Thanh Hóa	3095	37K-436.26	Nghệ An
696	37K-414.56	Nghệ An	1896	36K-219.39	Thanh Hóa	3096	37K-437.55	Nghệ An
697	37K-416.15	Nghệ An	1897	36K-220.08	Thanh Hóa	3097	37K-439.36	Nghệ An
698	37K-416.96	Nghệ An	1898	37C-551.69	Nghệ An	3098	37K-441.86	Nghệ An
699	37K-418.86	Nghệ An	1899	37C-558.88	Nghệ An	3099	37K-442.11	Nghệ An
700	37K-419.84	Nghệ An	1900	37K-387.95	Nghệ An	3100	37K-443.06	Nghệ An
701	37K-424.29	Nghệ An	1901	37K-392.59	Nghệ An	3101	37K-443.11	Nghệ An
702	37K-426.85	Nghệ An	1902	37K-392.66	Nghệ An	3102	37K-444.18	Nghệ An
703	37K-427.25	Nghệ An	1903	37K-393.16	Nghệ An	3103	37K-446.35	Nghệ An
704	37K-432.29	Nghệ An	1904	37K-394.98	Nghệ An	3104	37K-447.36	Nghệ An
705	37K-439.98	Nghệ An	1905	37K-396.79	Nghệ An	3105	37K-451.38	Nghệ An
706	37K-442.96	Nghệ An	1906	37K-401.95	Nghệ An	3106	37K-452.95	Nghệ An
707	37K-447.25	Nghệ An	1907	37K-403.28	Nghệ An	3107	37K-453.35	Nghệ An
708	37K-447.86	Nghệ An	1908	37K-407.96	Nghệ An	3108	37K-454.83	Nghệ An
709	37K-449.65	Nghệ An	1909	37K-411.44	Nghệ An	3109	37K-455.56	Nghệ An
710	37K-450.28	Nghệ An	1910	37K-412.86	Nghệ An	3110	37K-455.77	Nghệ An
711	37K-452.09	Nghệ An	1911	37K-415.69	Nghệ An	3111	37K-460.29	Nghệ An
712	37K-452.55	Nghệ An	1912	37K-416.65	Nghệ An	3112	37K-464.28	Nghệ An
713	37K-454.26	Nghệ An	1913	37K-423.19	Nghệ An	3113	37K-468.66	Nghệ An
714	37K-455.16	Nghệ An	1914	37K-424.15	Nghệ An	3114	37K-474.68	Nghệ An
715	37K-458.58	Nghệ An	1915	37K-425.69	Nghệ An	3115	37K-475.25	Nghệ An
716	37K-458.65	Nghệ An	1916	37K-426.19	Nghệ An	3116	37K-477.44	Nghệ An
717	37K-461.89	Nghệ An	1917	37K-430.16	Nghệ An	3117	37K-477.65	Nghệ An
718	37K-463.96	Nghệ An	1918	37K-432.55	Nghệ An	3118	37K-478.55	Nghệ An
719	37K-465.18	Nghệ An	1919	37K-436.95	Nghệ An	3119	37K-481.55	Nghệ An
720	37K-470.36	Nghệ An	1920	37K-441.11	Nghệ An	3120	38A-637.73	Hà Tĩnh
721	37K-472.00	Nghệ An	1921	37K-441.99	Nghệ An	3121	38A-638.44	Hà Tĩnh
722	37K-476.89	Nghệ An	1922	37K-442.55	Nghệ An	3122	38A-641.35	Hà Tĩnh
723	37K-478.00	Nghệ An	1923	37K-445.85	Nghệ An	3123	38A-641.99	Hà Tĩnh
724	37K-478.87	Nghệ An	1924	37K-446.16	Nghệ An	3124	38A-648.98	Hà Tĩnh
725	37K-481.35	Nghệ An	1925	37K-447.96	Nghệ An	3125	38A-649.64	Hà Tĩnh
726	37K-482.00	Nghệ An	1926	37K-449.35	Nghệ An	3126	38A-654.39	Hà Tĩnh
727	38A-638.55	Hà Tĩnh	1927	37K-451.28	Nghệ An	3127	38A-666.90	Hà Tĩnh
728	38A-639.08	Hà Tĩnh	1928	37K-451.33	Nghệ An	3128	38A-668.38	Hà Tĩnh
729	38A-641.16	Hà Tĩnh	1929	37K-451.45	Nghệ An	3129	38A-673.76	Hà Tĩnh
730	38A-642.64	Hà Tĩnh	1930	37K-454.00	Nghệ An	3130	38A-675.35	Hà Tĩnh
731	38A-644.18	Hà Tĩnh	1931	37K-458.19	Nghệ An	3131	38A-675.85	Hà Tĩnh
732	38A-649.58	Hà Tĩnh	1932	37K-460.55	Nghệ An	3132	38A-677.95	Hà Tĩnh
733	38A-650.15	Hà Tĩnh	1933	37K-471.85	Nghệ An	3133	38C-230.03	Hà Tĩnh
734	38A-653.55	Hà Tĩnh	1934	37K-472.55	Nghệ An	3134	38C-233.79	Hà Tĩnh
735	38A-655.22	Hà Tĩnh	1935	37K-472.77	Nghệ An	3135	43A-899.16	Đà Nẵng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	38A-660.26	Hà Tĩnh	1936	37K-472.79	Nghệ An	3136	43A-904.22	Đà Nẵng
737	38A-662.19	Hà Tĩnh	1937	37K-474.25	Nghệ An	3137	43A-906.86	Đà Nẵng
738	38A-663.06	Hà Tĩnh	1938	37K-475.08	Nghệ An	3138	43A-910.11	Đà Nẵng
739	38A-663.63	Hà Tĩnh	1939	37K-476.58	Nghệ An	3139	43A-911.26	Đà Nẵng
740	38A-664.25	Hà Tĩnh	1940	37K-480.38	Nghệ An	3140	43A-911.66	Đà Nẵng
741	38A-666.20	Hà Tĩnh	1941	38A-641.86	Hà Tĩnh	3141	43A-912.34	Đà Nẵng
742	38A-668.00	Hà Tĩnh	1942	38A-647.77	Hà Tĩnh	3142	43A-913.91	Đà Nẵng
743	38A-673.11	Hà Tĩnh	1943	38A-651.97	Hà Tĩnh	3143	43A-916.11	Đà Nẵng
744	38A-673.26	Hà Tĩnh	1944	38A-658.00	Hà Tĩnh	3144	43A-917.19	Đà Nẵng
745	38A-676.06	Hà Tĩnh	1945	38A-658.16	Hà Tĩnh	3145	43A-918.35	Đà Nẵng
746	38A-678.18	Hà Tĩnh	1946	38A-660.95	Hà Tĩnh	3146	43A-919.59	Đà Nẵng
747	38C-232.66	Hà Tĩnh	1947	38A-662.06	Hà Tĩnh	3147	43A-919.95	Đà Nẵng
748	38C-238.79	Hà Tĩnh	1948	38A-662.99	Hà Tĩnh	3148	43A-921.83	Đà Nẵng
749	43A-899.65	Đà Nẵng	1949	38A-663.86	Hà Tĩnh	3149	43A-923.98	Đà Nẵng
750	43A-901.06	Đà Nẵng	1950	38A-666.00	Hà Tĩnh	3150	43A-936.68	Đà Nẵng
751	43A-907.22	Đà Nẵng	1951	38A-666.23	Hà Tĩnh	3151	43A-940.79	Đà Nẵng
752	43A-910.38	Đà Nẵng	1952	38A-666.52	Hà Tĩnh	3152	47A-761.15	Đắk Lắk
753	43A-912.35	Đà Nẵng	1953	38A-668.59	Hà Tĩnh	3153	47A-761.26	Đắk Lắk
754	43A-913.31	Đà Nẵng	1954	38A-669.68	Hà Tĩnh	3154	47A-767.29	Đắk Lắk
755	43A-916.89	Đà Nẵng	1955	38A-671.55	Hà Tĩnh	3155	47A-769.00	Đắk Lắk
756	43A-917.06	Đà Nẵng	1956	38A-673.00	Hà Tĩnh	3156	47A-775.38	Đắk Lắk
757	43A-918.77	Đà Nẵng	1957	38A-675.33	Hà Tĩnh	3157	47A-776.55	Đắk Lắk
758	43A-919.80	Đà Nẵng	1958	38A-676.55	Hà Tĩnh	3158	47A-777.91	Đắk Lắk
759	43A-920.19	Đà Nẵng	1959	38A-676.59	Hà Tĩnh	3159	47A-780.89	Đắk Lắk
760	43A-921.25	Đà Nẵng	1960	38A-677.25	Hà Tĩnh	3160	47A-783.25	Đắk Lắk
761	43A-922.65	Đà Nẵng	1961	38C-231.79	Hà Tĩnh	3161	47A-785.78	Đắk Lắk
762	43A-932.93	Đà Nẵng	1962	38D-017.39	Hà Tĩnh	3162	47A-787.08	Đắk Lắk
763	43A-937.19	Đà Nẵng	1963	43A-902.03	Đà Nẵng	3163	47A-788.29	Đắk Lắk
764	47A-763.29	Đắk Lắk	1964	43A-904.00	Đà Nẵng	3164	47A-789.34	Đắk Lắk
765	47A-770.70	Đắk Lắk	1965	43A-908.15	Đà Nẵng	3165	47A-790.79	Đắk Lắk
766	47A-771.69	Đắk Lắk	1966	43A-908.96	Đà Nẵng	3166	47A-794.59	Đắk Lắk
767	47A-773.09	Đắk Lắk	1967	43A-913.59	Đà Nẵng	3167	47A-794.89	Đắk Lắk
768	47A-775.09	Đắk Lắk	1968	43A-913.68	Đà Nẵng	3168	47A-795.58	Đắk Lắk
769	47A-779.69	Đắk Lắk	1969	43A-915.79	Đà Nẵng	3169	47A-796.80	Đắk Lắk
770	47A-782.06	Đắk Lắk	1970	43A-916.96	Đà Nẵng	3170	47A-798.35	Đắk Lắk
771	47A-784.88	Đắk Lắk	1971	43A-918.39	Đà Nẵng	3171	47A-800.86	Đắk Lắk
772	47A-785.77	Đắk Lắk	1972	43A-919.16	Đà Nẵng	3172	47A-802.18	Đắk Lắk
773	47A-787.16	Đắk Lắk	1973	43A-926.08	Đà Nẵng	3173	47A-806.56	Đắk Lắk
774	47A-787.18	Đắk Lắk	1974	43A-931.26	Đà Nẵng	3174	47A-807.25	Đắk Lắk
775	47A-787.85	Đắk Lắk	1975	43A-933.09	Đà Nẵng	3175	47A-808.33	Đắk Lắk
776	47A-791.91	Đắk Lắk	1976	43A-933.16	Đà Nẵng	3176	47A-810.09	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	47A-793.98	Đắk Lắk	1977	43A-934.55	Đà Nẵng	3177	47A-810.83	Đắk Lắk
778	47A-803.28	Đắk Lắk	1978	43A-936.86	Đà Nẵng	3178	47C-378.99	Đắk Lắk
779	47A-804.00	Đắk Lắk	1979	43A-937.79	Đà Nẵng	3179	47C-379.89	Đắk Lắk
780	47A-805.98	Đắk Lắk	1980	43B-062.69	Đà Nẵng	3180	47C-386.88	Đắk Lắk
781	47A-808.83	Đắk Lắk	1981	43C-311.33	Đà Nẵng	3181	47D-017.89	Đắk Lắk
782	47A-809.19	Đắk Lắk	1982	47A-764.77	Đắk Lắk	3182	48A-237.96	Đắk Nông
783	47C-381.86	Đắk Lắk	1983	47A-766.35	Đắk Lắk	3183	48A-238.68	Đắk Nông
784	47C-395.68	Đắk Lắk	1984	47A-768.56	Đắk Lắk	3184	48A-240.24	Đắk Nông
785	48A-237.85	Đắk Nông	1985	47A-770.28	Đắk Lắk	3185	48A-240.59	Đắk Nông
786	48A-238.96	Đắk Nông	1986	47A-770.85	Đắk Lắk	3186	48A-242.68	Đắk Nông
787	48A-243.06	Đắk Nông	1987	47A-770.95	Đắk Lắk	3187	48A-243.34	Đắk Nông
788	48A-243.42	Đắk Nông	1988	47A-771.88	Đắk Lắk	3188	48A-245.00	Đắk Nông
789	48A-243.43	Đắk Nông	1989	47A-782.55	Đắk Lắk	3189	48A-245.11	Đắk Nông
790	48A-244.88	Đắk Nông	1990	47A-782.87	Đắk Lắk	3190	48B-011.22	Đắk Nông
791	48A-245.06	Đắk Nông	1991	47A-786.35	Đắk Lắk	3191	48C-108.68	Đắk Nông
792	48B-012.68	Đắk Nông	1992	47A-788.18	Đắk Lắk	3192	49A-709.44	Lâm Đồng
793	48C-111.66	Đắk Nông	1993	47A-789.81	Đắk Lắk	3193	49A-710.79	Lâm Đồng
794	49A-711.69	Lâm Đồng	1994	47A-790.22	Đắk Lắk	3194	49A-711.12	Lâm Đồng
795	49A-712.56	Lâm Đồng	1995	47A-791.00	Đắk Lắk	3195	49A-714.08	Lâm Đồng
796	49A-716.06	Lâm Đồng	1996	47A-792.55	Đắk Lắk	3196	49A-714.28	Lâm Đồng
797	49A-717.18	Lâm Đồng	1997	47A-801.01	Đắk Lắk	3197	49A-714.35	Lâm Đồng
798	49A-717.35	Lâm Đồng	1998	47A-811.59	Đắk Lắk	3198	49A-716.26	Lâm Đồng
799	49A-719.78	Lâm Đồng	1999	47A-813.18	Đắk Lắk	3199	49A-717.59	Lâm Đồng
800	49A-719.97	Lâm Đồng	2000	47C-377.88	Đắk Lắk	3200	49A-718.19	Lâm Đồng
801	49A-720.88	Lâm Đồng	2001	47C-386.99	Đắk Lắk	3201	49A-719.59	Lâm Đồng
802	49A-722.68	Lâm Đồng	2002	47C-391.68	Đắk Lắk	3202	49A-722.27	Lâm Đồng
803	49A-724.98	Lâm Đồng	2003	47D-016.39	Đắk Lắk	3203	49A-726.62	Lâm Đồng
804	49A-726.72	Lâm Đồng	2004	48A-237.09	Đắk Nông	3204	49A-729.86	Lâm Đồng
805	49A-727.27	Lâm Đồng	2005	48A-241.98	Đắk Nông	3205	49A-734.55	Lâm Đồng
806	49A-731.33	Lâm Đồng	2006	48A-243.00	Đắk Nông	3206	49A-739.18	Lâm Đồng
807	49A-734.06	Lâm Đồng	2007	48A-245.35	Đắk Nông	3207	49C-375.86	Lâm Đồng
808	49A-735.89	Lâm Đồng	2008	48A-246.16	Đắk Nông	3208	49C-375.88	Lâm Đồng
809	49A-737.19	Lâm Đồng	2009	49A-710.96	Lâm Đồng	3209	49C-381.68	Lâm Đồng
810	49A-738.85	Lâm Đồng	2010	49A-713.26	Lâm Đồng	3210	51D-828.79	Hồ Chí Minh
811	49A-742.65	Lâm Đồng	2011	49A-716.22	Lâm Đồng	3211	51D-833.89	Hồ Chí Minh
812	49A-744.88	Lâm Đồng	2012	49A-716.59	Lâm Đồng	3212	51D-835.66	Hồ Chí Minh
813	51B-711.55	Hồ Chí Minh	2013	49A-717.55	Lâm Đồng	3213	51D-858.69	Hồ Chí Minh
814	51D-837.37	Hồ Chí Minh	2014	49A-723.88	Lâm Đồng	3214	51E-326.89	Hồ Chí Minh
815	51D-837.88	Hồ Chí Minh	2015	49A-724.22	Lâm Đồng	3215	51E-327.77	Hồ Chí Minh
816	51D-881.69	Hồ Chí Minh	2016	49A-725.95	Lâm Đồng	3216	51E-333.77	Hồ Chí Minh
817	51D-883.88	Hồ Chí Minh	2017	49A-727.96	Lâm Đồng	3217	51E-335.99	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	51D-892.69	Hồ Chí Minh	2018	49A-729.66	Lâm Đồng	3218	51M-009.90	Hồ Chí Minh
819	51E-333.35	Hồ Chí Minh	2019	49A-732.11	Lâm Đồng	3219	51M-016.19	Hồ Chí Minh
820	51E-338.68	Hồ Chí Minh	2020	49A-735.95	Lâm Đồng	3220	51M-016.29	Hồ Chí Minh
821	51M-011.09	Hồ Chí Minh	2021	49A-738.16	Lâm Đồng	3221	51M-019.08	Hồ Chí Minh
822	51M-012.55	Hồ Chí Minh	2022	49A-739.00	Lâm Đồng	3222	51M-024.16	Hồ Chí Minh
823	51M-016.39	Hồ Chí Minh	2023	49B-029.66	Lâm Đồng	3223	51M-026.86	Hồ Chí Minh
824	51M-017.36	Hồ Chí Minh	2024	49C-377.55	Lâm Đồng	3224	51M-028.59	Hồ Chí Minh
825	51M-018.38	Hồ Chí Minh	2025	51B-711.99	Hồ Chí Minh	3225	51M-030.85	Hồ Chí Minh
826	51M-019.00	Hồ Chí Minh	2026	51D-826.79	Hồ Chí Minh	3226	51M-030.96	Hồ Chí Minh
827	51M-022.88	Hồ Chí Minh	2027	51D-836.99	Hồ Chí Minh	3227	51M-031.29	Hồ Chí Minh
828	51M-024.89	Hồ Chí Minh	2028	51D-838.38	Hồ Chí Minh	3228	51M-033.69	Hồ Chí Minh
829	51M-029.77	Hồ Chí Minh	2029	51D-838.89	Hồ Chí Minh	3229	51M-034.83	Hồ Chí Minh
830	51M-031.16	Hồ Chí Minh	2030	51D-852.39	Hồ Chí Minh	3230	51M-035.59	Hồ Chí Minh
831	51M-032.99	Hồ Chí Minh	2031	51D-858.66	Hồ Chí Minh	3231	51M-038.96	Hồ Chí Minh
832	51M-034.09	Hồ Chí Minh	2032	51D-862.22	Hồ Chí Minh	3232	51M-043.56	Hồ Chí Minh
833	51M-039.59	Hồ Chí Minh	2033	51D-871.79	Hồ Chí Minh	3233	51M-045.00	Hồ Chí Minh
834	51M-039.96	Hồ Chí Minh	2034	51D-879.88	Hồ Chí Minh	3234	51M-046.18	Hồ Chí Minh
835	51M-040.36	Hồ Chí Minh	2035	51D-891.79	Hồ Chí Minh	3235	51M-049.98	Hồ Chí Minh
836	51M-040.56	Hồ Chí Minh	2036	51E-322.66	Hồ Chí Minh	3236	51M-050.88	Hồ Chí Minh
837	51M-042.19	Hồ Chí Minh	2037	51M-009.19	Hồ Chí Minh	3237	60C-736.89	Đồng Nai
838	51M-045.25	Hồ Chí Minh	2038	51M-010.18	Hồ Chí Minh	3238	60K-550.11	Đồng Nai
839	51M-045.55	Hồ Chí Minh	2039	51M-012.29	Hồ Chí Minh	3239	60K-552.83	Đồng Nai
840	51M-046.77	Hồ Chí Minh	2040	51M-012.77	Hồ Chí Minh	3240	60K-554.09	Đồng Nai
841	51M-048.28	Hồ Chí Minh	2041	51M-014.25	Hồ Chí Minh	3241	60K-554.68	Đồng Nai
842	60C-731.39	Đồng Nai	2042	51M-016.00	Hồ Chí Minh	3242	60K-555.14	Đồng Nai
843	60K-548.54	Đồng Nai	2043	51M-020.02	Hồ Chí Minh	3243	60K-555.50	Đồng Nai
844	60K-549.25	Đồng Nai	2044	51M-026.35	Hồ Chí Minh	3244	60K-556.36	Đồng Nai
845	60K-551.44	Đồng Nai	2045	51M-026.96	Hồ Chí Minh	3245	60K-558.58	Đồng Nai
846	60K-552.96	Đồng Nai	2046	51M-027.02	Hồ Chí Minh	3246	60K-558.86	Đồng Nai
847	60K-554.98	Đồng Nai	2047	51M-029.58	Hồ Chí Minh	3247	60K-561.85	Đồng Nai
848	60K-558.26	Đồng Nai	2048	51M-030.08	Hồ Chí Minh	3248	60K-562.11	Đồng Nai
849	60K-562.35	Đồng Nai	2049	51M-032.25	Hồ Chí Minh	3249	60K-564.39	Đồng Nai
850	60K-562.89	Đồng Nai	2050	51M-037.77	Hồ Chí Minh	3250	60K-568.15	Đồng Nai
851	60K-568.29	Đồng Nai	2051	51M-041.97	Hồ Chí Minh	3251	60K-568.84	Đồng Nai
852	60K-568.85	Đồng Nai	2052	51M-045.08	Hồ Chí Minh	3252	60K-570.58	Đồng Nai
853	60K-570.11	Đồng Nai	2053	51M-048.36	Hồ Chí Minh	3253	60K-570.69	Đồng Nai
854	60K-581.66	Đồng Nai	2054	51M-049.97	Hồ Chí Minh	3254	60K-570.96	Đồng Nai
855	60K-583.22	Đồng Nai	2055	60B-069.99	Đồng Nai	3255	60K-573.09	Đồng Nai
856	60K-583.28	Đồng Nai	2056	60C-731.69	Đồng Nai	3256	60K-573.19	Đồng Nai
857	60K-587.77	Đồng Nai	2057	60C-751.39	Đồng Nai	3257	60K-576.44	Đồng Nai
858	60K-597.85	Đồng Nai	2058	60K-547.77	Đồng Nai	3258	60K-576.98	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	60K-598.15	Đồng Nai	2059	60K-554.58	Đồng Nai	3259	60K-579.09	Đồng Nai
860	60K-603.03	Đồng Nai	2060	60K-555.37	Đồng Nai	3260	60K-579.29	Đồng Nai
861	60K-603.66	Đồng Nai	2061	60K-555.89	Đồng Nai	3261	60K-581.81	Đồng Nai
862	60K-605.29	Đồng Nai	2062	60K-558.66	Đồng Nai	3262	60K-588.63	Đồng Nai
863	60K-606.00	Đồng Nai	2063	60K-560.22	Đồng Nai	3263	60K-589.25	Đồng Nai
864	60K-607.83	Đồng Nai	2064	60K-564.08	Đồng Nai	3264	60K-592.92	Đồng Nai
865	60K-611.33	Đồng Nai	2065	60K-565.55	Đồng Nai	3265	60K-594.83	Đồng Nai
866	60K-611.99	Đồng Nai	2066	60K-567.06	Đồng Nai	3266	60K-595.11	Đồng Nai
867	60K-616.99	Đồng Nai	2067	60K-567.38	Đồng Nai	3267	60K-596.95	Đồng Nai
868	60K-617.16	Đồng Nai	2068	60K-567.55	Đồng Nai	3268	60K-597.28	Đồng Nai
869	61C-595.66	Bình Dương	2069	60K-571.44	Đồng Nai	3269	60K-599.75	Đồng Nai
870	61C-596.68	Bình Dương	2070	60K-571.72	Đồng Nai	3270	60K-602.19	Đồng Nai
871	61C-605.66	Bình Dương	2071	60K-573.86	Đồng Nai	3271	60K-606.25	Đồng Nai
872	61C-609.09	Bình Dương	2072	60K-574.16	Đồng Nai	3272	60K-608.99	Đồng Nai
873	61K-444.00	Bình Dương	2073	60K-578.93	Đồng Nai	3273	61C-592.66	Bình Dương
874	61K-444.41	Bình Dương	2074	60K-579.16	Đồng Nai	3274	61C-602.39	Bình Dương
875	61K-451.29	Bình Dương	2075	60K-584.89	Đồng Nai	3275	61C-602.79	Bình Dương
876	61K-453.09	Bình Dương	2076	60K-597.00	Đồng Nai	3276	61K-442.55	Bình Dương
877	61K-455.86	Bình Dương	2077	60K-598.95	Đồng Nai	3277	61K-443.43	Bình Dương
878	61K-456.89	Bình Dương	2078	60K-602.11	Đồng Nai	3278	61K-450.00	Bình Dương
879	61K-462.79	Bình Dương	2079	60K-606.98	Đồng Nai	3279	61K-450.66	Bình Dương
880	61K-463.44	Bình Dương	2080	60K-611.38	Đồng Nai	3280	61K-454.38	Bình Dương
881	61K-466.39	Bình Dương	2081	60K-611.79	Đồng Nai	3281	61K-455.50	Bình Dương
882	61K-470.28	Bình Dương	2082	60K-578.79	Đồng Nai	3282	61K-455.77	Bình Dương
883	61K-470.89	Bình Dương	2083	61C-595.68	Bình Dương	3283	61K-460.33	Bình Dương
884	61K-477.06	Bình Dương	2084	61C-603.69	Bình Dương	3284	61K-461.77	Bình Dương
885	61K-478.29	Bình Dương	2085	61C-603.89	Bình Dương	3285	61K-462.44	Bình Dương
886	61K-478.35	Bình Dương	2086	61K-443.95	Bình Dương	3286	61K-471.36	Bình Dương
887	61K-479.88	Bình Dương	2087	61K-450.08	Bình Dương	3287	61K-476.59	Bình Dương
888	61K-483.16	Bình Dương	2088	61K-451.15	Bình Dương	3288	61K-481.48	Bình Dương
889	61K-485.59	Bình Dương	2089	61K-455.35	Bình Dương	3289	61K-482.29	Bình Dương
890	61K-486.09	Bình Dương	2090	61K-458.00	Bình Dương	3290	61K-482.77	Bình Dương
891	61K-491.79	Bình Dương	2091	61K-462.09	Bình Dương	3291	61K-485.98	Bình Dương
892	61K-491.88	Bình Dương	2092	61K-462.88	Bình Dương	3292	61K-488.06	Bình Dương
893	61K-491.96	Bình Dương	2093	61K-465.08	Bình Dương	3293	61K-488.38	Bình Dương
894	61K-495.98	Bình Dương	2094	61K-465.39	Bình Dương	3294	61K-489.16	Bình Dương
895	61K-500.68	Bình Dương	2095	61K-466.59	Bình Dương	3295	61K-489.18	Bình Dương
896	61K-501.99	Bình Dương	2096	61K-467.98	Bình Dương	3296	61K-494.68	Bình Dương
897	61K-504.56	Bình Dương	2097	61K-471.11	Bình Dương	3297	61K-495.22	Bình Dương
898	61K-505.59	Bình Dương	2098	61K-471.58	Bình Dương	3298	61K-496.58	Bình Dương
899	61K-510.33	Bình Dương	2099	61K-473.56	Bình Dương	3299	61K-496.98	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	61K-514.33	Bình Dương	2100	61K-478.08	Bình Dương	3300	61K-501.28	Bình Dương
901	61K-514.38	Bình Dương	2101	61K-479.25	Bình Dương	3301	61K-503.39	Bình Dương
902	62A-451.85	Long An	2102	61K-483.89	Bình Dương	3302	61K-509.18	Bình Dương
903	62A-452.06	Long An	2103	61K-484.22	Bình Dương	3303	61K-511.35	Bình Dương
904	62A-453.77	Long An	2104	61K-484.65	Bình Dương	3304	61K-512.13	Bình Dương
905	62A-455.28	Long An	2105	61K-485.35	Bình Dương	3305	61K-512.39	Bình Dương
906	62A-459.45	Long An	2106	61K-488.68	Bình Dương	3306	61K-512.44	Bình Dương
907	62A-459.66	Long An	2107	61K-493.15	Bình Dương	3307	61K-516.26	Bình Dương
908	62A-462.58	Long An	2108	61K-494.16	Bình Dương	3308	61K-518.09	Bình Dương
909	62A-463.56	Long An	2109	61K-501.39	Bình Dương	3309	62A-451.96	Long An
910	62A-466.59	Long An	2110	61K-505.06	Bình Dương	3310	62A-451.99	Long An
911	62A-466.69	Long An	2111	61K-507.89	Bình Dương	3311	62A-452.15	Long An
912	62A-467.16	Long An	2112	61K-511.98	Bình Dương	3312	62A-460.26	Long An
913	63A-315.88	Tiền Giang	2113	61K-516.83	Bình Dương	3313	62A-460.56	Long An
914	63A-316.61	Tiền Giang	2114	62A-451.35	Long An	3314	62A-461.25	Long An
915	63C-219.88	Tiền Giang	2115	62A-451.51	Long An	3315	62A-464.35	Long An
916	64A-195.18	Vĩnh Long	2116	62A-454.25	Long An	3316	62A-465.28	Long An
917	64A-195.66	Vĩnh Long	2117	62A-454.54	Long An	3317	62A-465.56	Long An
918	64A-196.13	Vĩnh Long	2118	62A-466.44	Long An	3318	62C-211.99	Long An
919	64A-196.24	Vĩnh Long	2119	63A-306.99	Tiền Giang	3319	62C-212.89	Long An
920	64A-196.39	Vĩnh Long	2120	63A-307.07	Tiền Giang	3320	63A-310.56	Tiền Giang
921	64A-197.35	Vĩnh Long	2121	63A-308.28	Tiền Giang	3321	63A-312.19	Tiền Giang
922	64A-198.35	Vĩnh Long	2122	63A-309.38	Tiền Giang	3322	63A-313.33	Tiền Giang
923	64A-198.56	Vĩnh Long	2123	63A-311.96	Tiền Giang	3323	63A-321.15	Tiền Giang
924	64A-199.06	Vĩnh Long	2124	63A-312.83	Tiền Giang	3324	63A-322.29	Tiền Giang
925	64A-201.19	Vĩnh Long	2125	63A-313.16	Tiền Giang	3325	63C-222.35	Tiền Giang
926	65A-492.06	Cần Thơ	2126	63A-315.55	Tiền Giang	3326	64A-196.14	Vĩnh Long
927	65A-504.79	Cần Thơ	2127	63A-320.58	Tiền Giang	3327	64A-196.57	Vĩnh Long
928	65A-506.99	Cần Thơ	2128	63A-323.99	Tiền Giang	3328	64A-197.08	Vĩnh Long
929	65A-511.97	Cần Thơ	2129	63C-223.69	Tiền Giang	3329	64A-199.49	Vĩnh Long
930	65A-513.58	Cần Thơ	2130	64A-194.58	Vĩnh Long	3330	64A-202.38	Vĩnh Long
931	65C-227.88	Cần Thơ	2131	64A-196.53	Vĩnh Long	3331	64A-202.85	Vĩnh Long
932	65C-233.88	Cần Thơ	2132	64A-196.88	Vĩnh Long	3332	65A-495.18	Cần Thơ
933	65C-237.86	Cần Thơ	2133	64A-196.97	Vĩnh Long	3333	65A-497.68	Cần Thơ
934	66A-293.88	Đồng Tháp	2134	64A-197.22	Vĩnh Long	3334	65A-506.39	Cần Thơ
935	66A-294.85	Đồng Tháp	2135	64A-199.04	Vĩnh Long	3335	65A-510.59	Cần Thơ
936	66A-297.29	Đồng Tháp	2136	64A-199.82	Vĩnh Long	3336	65A-511.68	Cần Thơ
937	66C-182.88	Đồng Tháp	2137	64A-199.92	Vĩnh Long	3337	65A-512.29	Cần Thơ
938	67A-316.28	An Giang	2138	64A-201.00	Vĩnh Long	3338	65C-229.66	Cần Thơ
939	67A-319.16	An Giang	2139	64A-201.22	Vĩnh Long	3339	66A-292.92	Đồng Tháp
940	67A-319.44	An Giang	2140	64A-202.25	Vĩnh Long	3340	66A-294.89	Đồng Tháp

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	67A-319.71	An Giang	2141	64A-202.58	Vĩnh Long	3341	66A-295.33	Đồng Tháp
942	67A-320.59	An Giang	2142	64B-013.86	Vĩnh Long	3342	66A-295.56	Đồng Tháp
943	67A-324.65	An Giang	2143	65A-492.58	Cần Thơ	3343	66A-296.92	Đồng Tháp
944	67A-326.83	An Giang	2144	65A-493.93	Cần Thơ	3344	66A-298.66	Đồng Tháp
945	67A-328.82	An Giang	2145	65A-495.39	Cần Thơ	3345	66A-299.25	Đồng Tháp
946	67C-187.77	An Giang	2146	65A-498.86	Cần Thơ	3346	66A-300.83	Đồng Tháp
947	68A-352.56	Kiên Giang	2147	65A-501.58	Cần Thơ	3347	67A-316.89	An Giang
948	68A-353.59	Kiên Giang	2148	65A-502.02	Cần Thơ	3348	67A-317.77	An Giang
949	68A-363.44	Kiên Giang	2149	65A-503.33	Cần Thơ	3349	67A-320.96	An Giang
950	68A-364.63	Kiên Giang	2150	65A-506.60	Cần Thơ	3350	67A-322.58	An Giang
951	69A-165.61	Cà Mau	2151	65A-511.55	Cần Thơ	3351	67A-322.68	An Giang
952	69A-167.87	Cà Mau	2152	65A-511.85	Cần Thơ	3352	67A-323.95	An Giang
953	70A-555.84	Tây Ninh	2153	65A-513.95	Cần Thơ	3353	67B-027.86	An Giang
954	70A-558.83	Tây Ninh	2154	65C-227.39	Cần Thơ	3354	68A-353.08	Kiên Giang
955	70A-567.59	Tây Ninh	2155	66A-289.26	Đồng Tháp	3355	68A-354.26	Kiên Giang
956	70A-570.07	Tây Ninh	2156	66A-290.16	Đồng Tháp	3356	68A-356.57	Kiên Giang
957	70A-570.86	Tây Ninh	2157	66A-293.68	Đồng Tháp	3357	68A-359.66	Kiên Giang
958	70A-571.77	Tây Ninh	2158	66A-297.19	Đồng Tháp	3358	68A-360.33	Kiên Giang
959	70A-574.83	Tây Ninh	2159	66A-297.83	Đồng Tháp	3359	68A-361.39	Kiên Giang
960	70A-575.25	Tây Ninh	2160	66A-300.30	Đồng Tháp	3360	68A-362.15	Kiên Giang
961	70A-577.55	Tây Ninh	2161	66B-021.86	Đồng Tháp	3361	68D-006.66	Kiên Giang
962	70A-581.00	Tây Ninh	2162	66D-011.69	Đồng Tháp	3362	69A-162.68	Cà Mau
963	70B-031.68	Tây Ninh	2163	67A-316.38	An Giang	3363	69A-163.83	Cà Mau
964	70B-032.23	Tây Ninh	2164	67A-319.11	An Giang	3364	69B-011.22	Cà Mau
965	70C-211.99	Tây Ninh	2165	67A-319.72	An Giang	3365	69B-011.86	Cà Mau
966	71A-203.38	Bến Tre	2166	67C-187.88	An Giang	3366	70A-557.18	Tây Ninh
967	72A-806.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	2167	68A-352.52	Kiên Giang	3367	70A-559.96	Tây Ninh
968	72A-808.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2168	68A-354.33	Kiên Giang	3368	70A-563.16	Tây Ninh
969	72A-809.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	2169	68A-354.35	Kiên Giang	3369	70A-564.26	Tây Ninh
970	72A-811.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2170	68A-355.16	Kiên Giang	3370	70A-565.86	Tây Ninh
971	72A-813.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	2171	68A-355.85	Kiên Giang	3371	70A-566.25	Tây Ninh
972	72A-814.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	2172	68A-356.89	Kiên Giang	3372	70A-568.25	Tây Ninh
973	72A-815.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2173	68A-359.09	Kiên Giang	3373	70A-570.71	Tây Ninh
974	72A-819.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	2174	68A-364.88	Kiên Giang	3374	70A-571.59	Tây Ninh
975	72A-823.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2175	69A-168.65	Cà Mau	3375	70A-574.98	Tây Ninh
976	72A-829.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2176	69B-011.39	Cà Mau	3376	70A-576.22	Tây Ninh
977	72A-831.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	2177	70A-556.16	Tây Ninh	3377	70A-576.33	Tây Ninh
978	72A-831.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2178	70A-559.26	Tây Ninh	3378	70A-576.65	Tây Ninh
979	72A-832.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	2179	70A-566.55	Tây Ninh	3379	70A-577.19	Tây Ninh
980	73A-361.26	Quảng Bình	2180	70A-567.26	Tây Ninh	3380	70A-579.36	Tây Ninh
981	73A-363.89	Quảng Bình	2181	70A-571.22	Tây Ninh	3381	70A-581.59	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	73A-367.18	Quảng Bình	2182	70A-571.79	Tây Ninh	3382	71A-206.02	Bến Tre
983	73A-367.82	Quảng Bình	2183	70A-572.65	Tây Ninh	3383	71A-210.15	Bến Tre
984	73B-015.15	Quảng Bình	2184	70A-572.85	Tây Ninh	3384	71A-210.56	Bến Tre
985	74A-268.69	Quảng Trị	2185	70A-573.99	Tây Ninh	3385	71A-210.99	Bến Tre
986	74A-268.80	Quảng Trị	2186	70A-574.00	Tây Ninh	3386	72A-806.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
987	74A-271.72	Quảng Trị	2187	70A-575.35	Tây Ninh	3387	72A-807.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
988	74A-271.88	Quảng Trị	2188	70A-576.28	Tây Ninh	3388	72A-807.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
989	74A-272.88	Quảng Trị	2189	70A-576.55	Tây Ninh	3389	72A-807.95	Bà Rịa - Vũng Tàu
990	74A-274.29	Quảng Trị	2190	70A-580.06	Tây Ninh	3390	72A-812.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
991	74A-274.35	Quảng Trị	2191	70A-580.18	Tây Ninh	3391	72A-812.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
992	74A-275.59	Quảng Trị	2192	70A-582.99	Tây Ninh	3392	72A-813.15	Bà Rịa - Vũng Tàu
993	74C-137.89	Quảng Trị	2193	70B-032.86	Tây Ninh	3393	72A-813.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
994	75A-373.74	Thừa Thiên Huế	2194	70B-032.89	Tây Ninh	3394	72A-813.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
995	75A-376.76	Thừa Thiên Huế	2195	71A-207.58	Bến Tre	3395	72A-813.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
996	76A-313.09	Quảng Ngãi	2196	71A-208.06	Bến Tre	3396	72A-816.17	Bà Rịa - Vũng Tàu
997	76A-315.11	Quảng Ngãi	2197	71A-208.26	Bến Tre	3397	72A-817.81	Bà Rịa - Vũng Tàu
998	76A-318.35	Quảng Ngãi	2198	71A-212.35	Bến Tre	3398	72A-818.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
999	76A-321.16	Quảng Ngãi	2199	71B-019.69	Bến Tre	3399	72A-820.18	Bà Rịa - Vũng Tàu
1000	76A-323.23	Quảng Ngãi	2200	72A-811.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	3400	72A-828.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
1001	77A-343.35	Bình Định	2201	72A-814.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3401	72A-829.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
1002	77A-347.89	Bình Định	2202	72A-814.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	3402	72A-829.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
1003	77A-349.29	Bình Định	2203	72A-818.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3403	72A-830.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
1004	77A-350.11	Bình Định	2204	72A-823.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3404	72A-836.28	Bà Rịa - Vũng Tàu
1005	77A-350.44	Bình Định	2205	72A-824.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3405	72A-838.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
1006	77A-350.85	Bình Định	2206	72A-824.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	3406	73A-356.58	Quảng Bình
1007	77A-352.77	Bình Định	2207	72A-829.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	3407	73A-357.69	Quảng Bình
1008	78A-209.06	Phú Yên	2208	72A-831.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3408	73A-363.56	Quảng Bình
1009	78A-213.59	Phú Yên	2209	72A-831.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3409	73A-366.77	Quảng Bình
1010	79A-543.44	Khánh Hòa	2210	72A-831.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	3410	73A-367.58	Quảng Bình
1011	79A-543.68	Khánh Hòa	2211	72A-833.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	3411	74A-268.82	Quảng Trị
1012	79A-543.99	Khánh Hòa	2212	72A-835.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3412	74A-270.98	Quảng Trị
1013	79A-544.69	Khánh Hòa	2213	73A-358.08	Quảng Bình	3413	74A-271.22	Quảng Trị
1014	79A-544.99	Khánh Hòa	2214	73A-358.77	Quảng Bình	3414	74A-272.00	Quảng Trị
1015	79A-548.08	Khánh Hòa	2215	73A-362.95	Quảng Bình	3415	74A-273.74	Quảng Trị
1016	79A-552.16	Khánh Hòa	2216	73A-364.25	Quảng Bình	3416	74A-276.72	Quảng Trị
1017	79A-553.25	Khánh Hòa	2217	73A-365.89	Quảng Bình	3417	74C-135.69	Quảng Trị
1018	79A-553.33	Khánh Hòa	2218	73A-367.98	Quảng Bình	3418	74C-138.79	Quảng Trị
1019	79A-555.38	Khánh Hòa	2219	73A-368.29	Quảng Bình	3419	74C-138.89	Quảng Trị
1020	79A-556.08	Khánh Hòa	2220	73C-185.86	Quảng Bình	3420	75A-372.68	Thừa Thiên Huế
1021	79A-561.86	Khánh Hòa	2221	73C-189.68	Quảng Bình	3421	75A-379.86	Thừa Thiên Huế
1022	79A-562.69	Khánh Hòa	2222	74A-269.25	Quảng Trị	3422	75A-384.09	Thừa Thiên Huế

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	79A-564.06	Khánh Hòa	2223	74A-271.15	Quảng Trị	3423	75A-384.35	Thừa Thiên Huế
1024	79A-567.86	Khánh Hòa	2224	74A-273.06	Quảng Trị	3424	75A-387.08	Thừa Thiên Huế
1025	81A-430.31	Gia Lai	2225	74A-274.08	Quảng Trị	3425	76A-315.08	Quảng Ngãi
1026	81A-430.58	Gia Lai	2226	74A-277.36	Quảng Trị	3426	76A-315.22	Quảng Ngãi
1027	81A-433.43	Gia Lai	2227	75A-373.09	Thừa Thiên Huế	3427	76A-317.68	Quảng Ngãi
1028	81A-437.22	Gia Lai	2228	75A-375.19	Thừa Thiên Huế	3428	76A-318.98	Quảng Ngãi
1029	81A-440.25	Gia Lai	2229	75A-377.16	Thừa Thiên Huế	3429	76A-319.79	Quảng Ngãi
1030	81A-441.25	Gia Lai	2230	75A-377.83	Thừa Thiên Huế	3430	76A-320.69	Quảng Ngãi
1031	81A-444.34	Gia Lai	2231	75A-380.35	Thừa Thiên Huế	3431	76A-321.69	Quảng Ngãi
1032	81A-444.59	Gia Lai	2232	75A-384.38	Thừa Thiên Huế	3432	76A-322.08	Quảng Ngãi
1033	81A-446.58	Gia Lai	2233	75A-386.00	Thừa Thiên Huế	3433	76D-011.88	Quảng Ngãi
1034	81A-446.85	Gia Lai	2234	76A-312.98	Quảng Ngãi	3434	77A-348.49	Bình Định
1035	81A-447.26	Gia Lai	2235	76A-314.11	Quảng Ngãi	3435	77A-351.36	Bình Định
1036	81A-452.44	Gia Lai	2236	76A-314.41	Quảng Ngãi	3436	77A-352.44	Bình Định
1037	81C-277.55	Gia Lai	2237	76A-316.36	Quảng Ngãi	3437	77A-353.28	Bình Định
1038	82A-152.18	Kon Tum	2238	76A-322.58	Quảng Ngãi	3438	78A-211.00	Phú Yên
1039	82A-153.95	Kon Tum	2239	77A-341.86	Bình Định	3439	78B-015.69	Phú Yên
1040	82A-154.26	Kon Tum	2240	77A-344.26	Bình Định	3440	78B-016.86	Phú Yên
1041	82A-154.51	Kon Tum	2241	77A-345.79	Bình Định	3441	79A-553.55	Khánh Hòa
1042	82A-156.55	Kon Tum	2242	77A-350.18	Bình Định	3442	79A-559.11	Khánh Hòa
1043	82B-016.39	Kon Tum	2243	77A-355.06	Bình Định	3443	79A-560.08	Khánh Hòa
1044	82B-017.77	Kon Tum	2244	78A-207.20	Phú Yên	3444	79A-561.16	Khánh Hòa
1045	82B-017.99	Kon Tum	2245	78A-209.56	Phú Yên	3445	79A-566.36	Khánh Hòa
1046	83A-188.19	Sóc Trăng	2246	78A-215.12	Phú Yên	3446	79A-568.77	Khánh Hòa
1047	83A-189.16	Sóc Trăng	2247	78B-015.68	Phú Yên	3447	79A-540.54	Khánh Hòa
1048	83A-190.77	Sóc Trăng	2248	78C-125.79	Phú Yên	3448	81A-426.33	Gia Lai
1049	84A-139.58	Trà Vinh	2249	79A-542.69	Khánh Hòa	3449	81A-426.88	Gia Lai
1050	84A-140.00	Trà Vinh	2250	79A-549.33	Khánh Hòa	3450	81A-427.72	Gia Lai
1051	84A-140.44	Trà Vinh	2251	79A-553.44	Khánh Hòa	3451	81A-428.26	Gia Lai
1052	84A-142.99	Trà Vinh	2252	79A-553.95	Khánh Hòa	3452	81A-429.09	Gia Lai
1053	84A-143.39	Trà Vinh	2253	79A-558.18	Khánh Hòa	3453	81A-430.08	Gia Lai
1054	84A-144.95	Trà Vinh	2254	79A-560.29	Khánh Hòa	3454	81A-434.18	Gia Lai
1055	84A-145.44	Trà Vinh	2255	79A-560.44	Khánh Hòa	3455	81A-439.28	Gia Lai
1056	84B-016.99	Trà Vinh	2256	79A-561.44	Khánh Hòa	3456	81A-440.55	Gia Lai
1057	84B-018.88	Trà Vinh	2257	79A-565.25	Khánh Hòa	3457	81A-441.00	Gia Lai
1058	85A-141.11	Ninh Thuận	2258	79A-565.58	Khánh Hòa	3458	81A-441.65	Gia Lai
1059	85A-141.55	Ninh Thuận	2259	81A-425.79	Gia Lai	3459	81A-442.65	Gia Lai
1060	85A-142.09	Ninh Thuận	2260	81A-428.68	Gia Lai	3460	81A-443.26	Gia Lai
1061	85A-144.41	Ninh Thuận	2261	81A-432.22	Gia Lai	3461	81A-444.23	Gia Lai
1062	85A-144.99	Ninh Thuận	2262	81A-432.66	Gia Lai	3462	81A-444.35	Gia Lai
1063	85B-011.22	Ninh Thuận	2263	81A-439.68	Gia Lai	3463	81A-445.36	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	85C-082.28	Ninh Thuận	2264	81A-442.77	Gia Lai	3464	81A-452.26	Gia Lai
1065	85C-083.88	Ninh Thuận	2265	81A-453.00	Gia Lai	3465	81A-452.36	Gia Lai
1066	86A-314.36	Bình Thuận	2266	81B-025.86	Gia Lai	3466	81C-275.89	Gia Lai
1067	86A-317.25	Bình Thuận	2267	81C-281.39	Gia Lai	3467	81C-280.08	Gia Lai
1068	86A-317.31	Bình Thuận	2268	81D-011.79	Gia Lai	3468	82A-151.55	Kon Tum
1069	86A-317.55	Bình Thuận	2269	81D-013.13	Gia Lai	3469	82A-154.36	Kon Tum
1070	86A-318.09	Bình Thuận	2270	82A-152.55	Kon Tum	3470	82A-156.29	Kon Tum
1071	86A-318.28	Bình Thuận	2271	82A-152.86	Kon Tum	3471	82A-156.98	Kon Tum
1072	86A-319.19	Bình Thuận	2272	82A-153.96	Kon Tum	3472	83A-187.87	Sóc Trăng
1073	86A-319.81	Bình Thuận	2273	82A-153.99	Kon Tum	3473	83A-190.88	Sóc Trăng
1074	88A-744.85	Vĩnh Phúc	2274	82A-154.33	Kon Tum	3474	83A-192.26	Sóc Trăng
1075	88A-745.25	Vĩnh Phúc	2275	82A-155.26	Kon Tum	3475	84A-140.29	Trà Vinh
1076	88A-746.86	Vĩnh Phúc	2276	83A-187.36	Sóc Trăng	3476	84A-145.98	Trà Vinh
1077	88A-747.15	Vĩnh Phúc	2277	83A-188.25	Sóc Trăng	3477	85A-141.96	Ninh Thuận
1078	88A-747.83	Vĩnh Phúc	2278	83A-190.26	Sóc Trăng	3478	85B-012.22	Ninh Thuận
1079	88A-748.35	Vĩnh Phúc	2279	83A-190.95	Sóc Trăng	3479	85B-012.66	Ninh Thuận
1080	88A-748.98	Vĩnh Phúc	2280	84A-139.93	Trà Vinh	3480	85B-013.13	Ninh Thuận
1081	88A-749.08	Vĩnh Phúc	2281	85A-142.95	Ninh Thuận	3481	85C-083.69	Ninh Thuận
1082	88A-750.06	Vĩnh Phúc	2282	85A-142.98	Ninh Thuận	3482	86A-308.59	Bình Thuận
1083	88A-750.29	Vĩnh Phúc	2283	85A-143.55	Ninh Thuận	3483	86A-314.25	Bình Thuận
1084	88A-755.54	Vĩnh Phúc	2284	85A-144.77	Ninh Thuận	3484	86A-317.00	Bình Thuận
1085	88A-756.09	Vĩnh Phúc	2285	85B-012.79	Ninh Thuận	3485	86A-317.65	Bình Thuận
1086	88A-756.11	Vĩnh Phúc	2286	86A-310.55	Bình Thuận	3486	86A-318.19	Bình Thuận
1087	88A-762.26	Vĩnh Phúc	2287	86A-310.77	Bình Thuận	3487	86B-023.79	Bình Thuận
1088	88A-762.62	Vĩnh Phúc	2288	86A-315.56	Bình Thuận	3488	86B-023.99	Bình Thuận
1089	88A-762.83	Vĩnh Phúc	2289	86A-319.15	Bình Thuận	3489	88A-744.68	Vĩnh Phúc
1090	88A-764.88	Vĩnh Phúc	2290	86B-022.89	Bình Thuận	3490	88A-745.35	Vĩnh Phúc
1091	88A-765.06	Vĩnh Phúc	2291	88A-744.39	Vĩnh Phúc	3491	88A-747.11	Vĩnh Phúc
1092	88A-765.36	Vĩnh Phúc	2292	88A-745.00	Vĩnh Phúc	3492	88A-754.69	Vĩnh Phúc
1093	88A-766.95	Vĩnh Phúc	2293	88A-748.44	Vĩnh Phúc	3493	88A-760.98	Vĩnh Phúc
1094	88A-768.80	Vĩnh Phúc	2294	88A-750.68	Vĩnh Phúc	3494	88A-762.33	Vĩnh Phúc
1095	88A-771.68	Vĩnh Phúc	2295	88A-751.08	Vĩnh Phúc	3495	88A-762.58	Vĩnh Phúc
1096	88A-771.97	Vĩnh Phúc	2296	88A-751.36	Vĩnh Phúc	3496	88A-763.26	Vĩnh Phúc
1097	88A-773.74	Vĩnh Phúc	2297	88A-754.79	Vĩnh Phúc	3497	88A-768.87	Vĩnh Phúc
1098	88A-774.28	Vĩnh Phúc	2298	88A-755.57	Vĩnh Phúc	3498	88A-771.58	Vĩnh Phúc
1099	88A-777.46	Vĩnh Phúc	2299	88A-756.85	Vĩnh Phúc	3499	88A-773.39	Vĩnh Phúc
1100	88A-785.89	Vĩnh Phúc	2300	88A-757.15	Vĩnh Phúc	3500	88A-774.26	Vĩnh Phúc
1101	88C-301.88	Vĩnh Phúc	2301	88A-760.85	Vĩnh Phúc	3501	88A-779.28	Vĩnh Phúc
1102	89A-497.55	Hưng Yên	2302	88A-762.18	Vĩnh Phúc	3502	88A-780.58	Vĩnh Phúc
1103	89A-500.66	Hưng Yên	2303	88A-762.56	Vĩnh Phúc	3503	88A-785.25	Vĩnh Phúc
1104	89A-501.19	Hưng Yên	2304	88A-763.98	Vĩnh Phúc	3504	88A-785.38	Vĩnh Phúc

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1105	89A-503.09	Hưng Yên	2305	88A-766.55	Vĩnh Phúc	3505	88A-787.85	Vĩnh Phúc
1106	89A-504.44	Hưng Yên	2306	88A-770.39	Vĩnh Phúc	3506	88C-305.68	Vĩnh Phúc
1107	89A-504.59	Hưng Yên	2307	88A-773.19	Vĩnh Phúc	3507	89A-499.38	Hưng Yên
1108	89A-504.88	Hưng Yên	2308	88A-775.83	Vĩnh Phúc	3508	89A-502.28	Hưng Yên
1109	89A-505.88	Hưng Yên	2309	88A-776.65	Vĩnh Phúc	3509	89A-502.77	Hưng Yên
1110	89A-507.08	Hưng Yên	2310	88A-783.68	Vĩnh Phúc	3510	89A-503.05	Hưng Yên
1111	89A-507.98	Hưng Yên	2311	88A-785.65	Vĩnh Phúc	3511	89A-503.15	Hưng Yên
1112	89A-514.41	Hưng Yên	2312	88A-786.64	Vĩnh Phúc	3512	89A-503.50	Hưng Yên
1113	89A-514.98	Hưng Yên	2313	88C-302.22	Vĩnh Phúc	3513	89A-506.00	Hưng Yên
1114	89A-518.99	Hưng Yên	2314	88D-019.66	Vĩnh Phúc	3514	89A-506.89	Hưng Yên
1115	89A-522.25	Hưng Yên	2315	89A-502.35	Hưng Yên	3515	89A-512.66	Hưng Yên
1116	89A-524.69	Hưng Yên	2316	89A-507.09	Hưng Yên	3516	89A-515.11	Hưng Yên
1117	89A-527.29	Hưng Yên	2317	89A-508.80	Hưng Yên	3517	89A-523.06	Hưng Yên
1118	89A-528.18	Hưng Yên	2318	89A-510.88	Hưng Yên	3518	89A-523.59	Hưng Yên
1119	89B-022.77	Hưng Yên	2319	89A-512.16	Hưng Yên	3519	89A-528.11	Hưng Yên
1120	89B-023.33	Hưng Yên	2320	89A-513.06	Hưng Yên	3520	89A-528.35	Hưng Yên
1121	90A-275.56	Hà Nam	2321	89A-519.63	Hưng Yên	3521	89D-019.99	Hưng Yên
1122	90A-278.33	Hà Nam	2322	89A-520.33	Hưng Yên	3522	90A-275.26	Hà Nam
1123	92A-418.44	Quảng Nam	2323	89A-520.99	Hưng Yên	3523	90A-275.76	Hà Nam
1124	92A-422.28	Quảng Nam	2324	89A-521.00	Hưng Yên	3524	90A-276.29	Hà Nam
1125	92A-427.38	Quảng Nam	2325	89A-521.35	Hưng Yên	3525	90A-278.11	Hà Nam
1126	92A-428.96	Quảng Nam	2326	89A-521.52	Hưng Yên	3526	90A-280.29	Hà Nam
1127	92A-429.11	Quảng Nam	2327	89A-523.28	Hưng Yên	3527	90A-282.96	Hà Nam
1128	92A-430.08	Quảng Nam	2328	89A-524.85	Hưng Yên	3528	90A-286.44	Hà Nam
1129	92C-252.69	Quảng Nam	2329	89A-529.16	Hưng Yên	3529	90B-011.77	Hà Nam
1130	93A-489.55	Bình Phước	2330	89A-529.25	Hưng Yên	3530	92A-418.98	Quảng Nam
1131	93A-490.49	Bình Phước	2331	89A-531.56	Hưng Yên	3531	92A-420.69	Quảng Nam
1132	93A-492.79	Bình Phước	2332	89C-333.67	Hưng Yên	3532	92A-421.26	Quảng Nam
1133	93A-493.15	Bình Phước	2333	90A-274.22	Hà Nam	3533	92A-423.18	Quảng Nam
1134	93A-499.56	Bình Phước	2334	90A-275.95	Hà Nam	3534	92A-425.55	Quảng Nam
1135	93A-500.59	Bình Phước	2335	90A-276.26	Hà Nam	3535	92A-428.86	Quảng Nam
1136	93A-501.36	Bình Phước	2336	90A-276.36	Hà Nam	3536	93A-488.65	Bình Phước
1137	93A-502.79	Bình Phước	2337	90A-279.22	Hà Nam	3537	93A-489.09	Bình Phước
1138	93A-503.05	Bình Phước	2338	90A-279.77	Hà Nam	3538	93A-491.22	Bình Phước
1139	93A-503.77	Bình Phước	2339	90A-280.09	Hà Nam	3539	93A-491.49	Bình Phước
1140	93A-503.88	Bình Phước	2340	90B-011.22	Hà Nam	3540	93A-496.49	Bình Phước
1141	93A-504.98	Bình Phước	2341	90C-151.99	Hà Nam	3541	93A-497.11	Bình Phước
1142	93C-198.86	Bình Phước	2342	92A-417.18	Quảng Nam	3542	93A-503.04	Bình Phước
1143	94A-108.58	Bạc Liêu	2343	92A-418.96	Quảng Nam	3543	93A-505.25	Bình Phước
1144	94B-012.39	Bạc Liêu	2344	92A-419.64	Quảng Nam	3544	94A-109.33	Bạc Liêu
1145	94C-082.22	Bạc Liêu	2345	92A-423.29	Quảng Nam	3545	94B-013.86	Bạc Liêu

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	95A-132.15	Hậu Giang	2346	92A-430.85	Quảng Nam	3546	95A-133.15	Hậu Giang
1147	95A-132.69	Hậu Giang	2347	92C-255.99	Quảng Nam	3547	95B-011.86	Hậu Giang
1148	95C-088.55	Hậu Giang	2348	92D-011.22	Quảng Nam	3548	97A-093.25	Bắc Kạn
1149	97B-012.68	Bắc Kạn	2349	93A-486.67	Bình Phước	3549	97B-013.66	Bắc Kạn
1150	98A-799.67	Bắc Giang	2350	93A-491.28	Bình Phước	3550	98A-801.16	Bắc Giang
1151	98A-804.77	Bắc Giang	2351	93A-496.38	Bình Phước	3551	98A-801.38	Bắc Giang
1152	98A-807.09	Bắc Giang	2352	93A-500.28	Bình Phước	3552	98A-803.85	Bắc Giang
1153	98A-807.58	Bắc Giang	2353	93A-500.86	Bình Phước	3553	98A-806.56	Bắc Giang
1154	98A-807.88	Bắc Giang	2354	93A-502.35	Bình Phước	3554	98A-807.08	Bắc Giang
1155	98A-811.33	Bắc Giang	2355	93A-504.18	Bình Phước	3555	98A-808.98	Bắc Giang
1156	98A-814.66	Bắc Giang	2356	93B-018.68	Bình Phước	3556	98A-809.89	Bắc Giang
1157	98A-815.16	Bắc Giang	2357	93C-198.69	Bình Phước	3557	98A-810.79	Bắc Giang
1158	98A-818.98	Bắc Giang	2358	93C-198.79	Bình Phước	3558	98A-811.16	Bắc Giang
1159	98A-819.28	Bắc Giang	2359	94A-107.07	Bạc Liêu	3559	98A-812.55	Bắc Giang
1160	98A-819.95	Bắc Giang	2360	94A-107.69	Bạc Liêu	3560	98A-816.83	Bắc Giang
1161	98A-825.77	Bắc Giang	2361	94A-107.85	Bạc Liêu	3561	98A-821.68	Bắc Giang
1162	98A-826.25	Bắc Giang	2362	94B-012.68	Bạc Liêu	3562	98A-823.16	Bắc Giang
1163	98A-827.88	Bắc Giang	2363	95A-135.86	Hậu Giang	3563	98A-824.11	Bắc Giang
1164	98A-828.59	Bắc Giang	2364	95B-015.15	Hậu Giang	3564	98A-826.16	Bắc Giang
1165	98A-832.59	Bắc Giang	2365	97A-094.58	Bắc Kạn	3565	98A-826.27	Bắc Giang
1166	98A-833.22	Bắc Giang	2366	98A-799.56	Bắc Giang	3566	98A-829.68	Bắc Giang
1167	98A-833.35	Bắc Giang	2367	98A-801.65	Bắc Giang	3567	98A-832.86	Bắc Giang
1168	98A-833.36	Bắc Giang	2368	98A-805.19	Bắc Giang	3568	98A-833.69	Bắc Giang
1169	98A-833.77	Bắc Giang	2369	98A-812.13	Bắc Giang	3569	98A-834.28	Bắc Giang
1170	98A-837.26	Bắc Giang	2370	98A-813.06	Bắc Giang	3570	98A-836.65	Bắc Giang
1171	98A-838.69	Bắc Giang	2371	98A-813.79	Bắc Giang	3571	98A-837.22	Bắc Giang
1172	98A-840.22	Bắc Giang	2372	98A-814.08	Bắc Giang	3572	98A-837.77	Bắc Giang
1173	98A-843.68	Bắc Giang	2373	98A-815.83	Bắc Giang	3573	98A-840.95	Bắc Giang
1174	98A-844.95	Bắc Giang	2374	98A-819.61	Bắc Giang	3574	98A-841.22	Bắc Giang
1175	98A-848.84	Bắc Giang	2375	98A-819.65	Bắc Giang	3575	98A-842.68	Bắc Giang
1176	98A-849.96	Bắc Giang	2376	98A-821.65	Bắc Giang	3576	98A-845.83	Bắc Giang
1177	98A-851.11	Bắc Giang	2377	98A-824.59	Bắc Giang	3577	98A-846.08	Bắc Giang
1178	98A-853.68	Bắc Giang	2378	98A-831.33	Bắc Giang	3578	98A-847.28	Bắc Giang
1179	98A-855.83	Bắc Giang	2379	98A-831.89	Bắc Giang	3579	98A-847.98	Bắc Giang
1180	98A-856.56	Bắc Giang	2380	98A-839.18	Bắc Giang	3580	98A-856.98	Bắc Giang
1181	98A-856.83	Bắc Giang	2381	98A-840.25	Bắc Giang	3581	98A-857.06	Bắc Giang
1182	98C-359.88	Bắc Giang	2382	98A-842.29	Bắc Giang	3582	98C-361.68	Bắc Giang
1183	98C-362.99	Bắc Giang	2383	98A-856.11	Bắc Giang	3583	98C-362.39	Bắc Giang
1184	98C-367.69	Bắc Giang	2384	98A-856.96	Bắc Giang	3584	99A-806.89	Bắc Ninh
1185	99A-801.68	Bắc Ninh	2385	98C-369.66	Bắc Giang	3585	99A-815.25	Bắc Ninh
1186	99A-811.81	Bắc Ninh	2386	99A-806.80	Bắc Ninh	3586	99A-817.59	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1187	99A-819.61	Bắc Ninh	2387	99A-809.89	Bắc Ninh	3587	99A-817.68	Bắc Ninh
1188	99A-826.11	Bắc Ninh	2388	99A-818.79	Bắc Ninh	3588	99A-818.36	Bắc Ninh
1189	99A-826.18	Bắc Ninh	2389	99A-829.95	Bắc Ninh	3589	99A-818.99	Bắc Ninh
1190	99A-826.36	Bắc Ninh	2390	99A-833.11	Bắc Ninh	3590	99A-820.38	Bắc Ninh
1191	99A-829.28	Bắc Ninh	2391	99A-833.95	Bắc Ninh	3591	99A-824.25	Bắc Ninh
1192	99A-830.58	Bắc Ninh	2392	99A-835.28	Bắc Ninh	3592	99A-829.39	Bắc Ninh
1193	99A-837.36	Bắc Ninh	2393	99A-835.83	Bắc Ninh	3593	99A-837.29	Bắc Ninh
1194	99A-838.06	Bắc Ninh	2394	99A-837.73	Bắc Ninh	3594	99A-837.88	Bắc Ninh
1195	99A-843.88	Bắc Ninh	2395	99A-841.26	Bắc Ninh	3595	99A-840.06	Bắc Ninh
1196	99A-843.89	Bắc Ninh	2396	99A-847.88	Bắc Ninh	3596	99A-843.68	Bắc Ninh
1197	99A-847.26	Bắc Ninh	2397	99A-847.96	Bắc Ninh	3597	99A-848.19	Bắc Ninh
1198	99A-849.28	Bắc Ninh	2398	99A-848.69	Bắc Ninh	3598	99A-850.06	Bắc Ninh
1199	99A-849.96	Bắc Ninh	2399	99A-850.33	Bắc Ninh	3599	99A-850.59	Bắc Ninh
1200	99C-325.25	Bắc Ninh	2400	99C-328.82	Bắc Ninh	3600	99A-850.89	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
3601	14A-966.89	Quảng Ninh	4801	12A-258.85	Lạng Sơn			
3602	15K-338.38	Hải Phòng	4802	12A-262.68	Lạng Sơn			
3603	15K-339.99	Hải Phòng	4803	15K-376.66	Hải Phòng			
3604	17A-476.66	Thái Bình	4804	19A-687.97	Phú Thọ			
3605	20A-856.66	Thái Nguyên	4805	19A-699.94	Phú Thọ			
3606	30L-555.52	Hà Nội	4806	30L-578.88	Hà Nội			
3607	30L-636.99	Hà Nội	4807	30L-626.66	Hà Nội			
3608	30L-686.80	Hà Nội	4808	30L-668.82	Hà Nội			
3609	30L-856.68	Hà Nội	4809	30L-687.92	Hà Nội			
3610	30L-888.44	Hà Nội	4810	30L-699.93	Hà Nội			
3611	30L-890.88	Hà Nội	4811	30L-869.97	Hà Nội			
3612	30L-918.89	Hà Nội	4812	30L-919.89	Hà Nội			
3613	30L-986.99	Hà Nội	4813	30L-999.55	Hà Nội			
3614	30M-000.46	Hà Nội	4814	30M-028.89	Hà Nội			
3615	30M-026.66	Hà Nội	4815	34A-886.99	Hải Dương			
3616	30M-026.99	Hà Nội	4816	36K-148.88	Thanh Hóa			
3617	34A-868.89	Hải Dương	4817	38A-666.87	Hà Tĩnh			
3618	37K-456.66	Nghệ An	4818	43A-936.99	Đà Nẵng			
3619	43A-933.39	Đà Nẵng	4819	47A-776.68	Đắk Lắk			
3620	49A-739.99	Lâm Đồng	4820	47A-799.93	Đắk Lắk			
3621	51L-666.64	Hồ Chí Minh	4821	51L-618.89	Hồ Chí Minh			
3622	51L-687.90	Hồ Chí Minh	4822	51L-666.06	Hồ Chí Minh			
3623	51L-806.68	Hồ Chí Minh	4823	51L-668.98	Hồ Chí Minh			
3624	51L-828.28	Hồ Chí Minh	4824	51L-678.99	Hồ Chí Minh			
3625	51L-888.58	Hồ Chí Minh	4825	51L-756.66	Hồ Chí Minh			
3626	60K-606.99	Đồng Nai	4826	51L-797.92	Hồ Chí Minh			
3627	61K-458.89	Bình Dương	4827	51L-888.33	Hồ Chí Minh			
3628	70A-568.79	Tây Ninh	4828	64A-199.96	Vĩnh Long			
3629	73A-359.99	Quảng Bình	4829	72A-825.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3630	74A-269.99	Quảng Trị	4830	79A-553.83	Khánh Hòa			
3631	81A-436.99	Gia Lai	4831	93A-499.89	Bình Phước			
3632	88A-766.86	Vĩnh Phúc	4832	98A-829.99	Bắc Giang			
3633	98A-799.97	Bắc Giang	4833	99A-809.99	Bắc Ninh			
3634	30L-548.18	Hà Nội	4834	30L-549.06	Hà Nội			
3635	30L-555.34	Hà Nội	4835	30L-550.25	Hà Nội			
3636	30L-558.69	Hà Nội	4836	30L-552.66	Hà Nội			
3637	30L-558.79	Hà Nội	4837	30L-557.79	Hà Nội			
3638	30L-559.65	Hà Nội	4838	30L-560.83	Hà Nội			
3639	30L-562.89	Hà Nội	4839	30L-563.26	Hà Nội			
3640	30L-563.56	Hà Nội	4840	30L-566.08	Hà Nội			
3641	30L-570.77	Hà Nội	4841	30L-566.96	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3642	30L-570.96	Hà Nội	4842	30L-567.15	Hà Nội			
3643	30L-571.09	Hà Nội	4843	30L-567.84	Hà Nội			
3644	30L-573.22	Hà Nội	4844	30L-572.33	Hà Nội			
3645	30L-578.09	Hà Nội	4845	30L-573.29	Hà Nội			
3646	30L-578.58	Hà Nội	4846	30L-576.22	Hà Nội			
3647	30L-579.06	Hà Nội	4847	30L-579.29	Hà Nội			
3648	30L-587.16	Hà Nội	4848	30L-581.88	Hà Nội			
3649	30L-588.81	Hà Nội	4849	30L-588.11	Hà Nội			
3650	30L-592.79	Hà Nội	4850	30L-588.36	Hà Nội			
3651	30L-600.59	Hà Nội	4851	30L-589.18	Hà Nội			
3652	30L-602.88	Hà Nội	4852	30L-594.98	Hà Nội			
3653	30L-604.96	Hà Nội	4853	30L-598.66	Hà Nội			
3654	30L-604.99	Hà Nội	4854	30L-606.00	Hà Nội			
3655	30L-606.33	Hà Nội	4855	30L-616.78	Hà Nội			
3656	30L-607.56	Hà Nội	4856	30L-617.65	Hà Nội			
3657	30L-608.56	Hà Nội	4857	30L-618.26	Hà Nội			
3658	30L-609.89	Hà Nội	4858	30L-619.16	Hà Nội			
3659	30L-611.97	Hà Nội	4859	30L-619.83	Hà Nội			
3660	30L-614.18	Hà Nội	4860	30L-620.85	Hà Nội			
3661	30L-617.88	Hà Nội	4861	30L-621.33	Hà Nội			
3662	30L-629.58	Hà Nội	4862	30L-622.16	Hà Nội			
3663	30L-637.73	Hà Nội	4863	30L-624.59	Hà Nội			
3664	30L-640.19	Hà Nội	4864	30L-629.09	Hà Nội			
3665	30L-641.58	Hà Nội	4865	30L-632.99	Hà Nội			
3666	30L-647.98	Hà Nội	4866	30L-633.06	Hà Nội			
3667	30L-648.65	Hà Nội	4867	30L-634.28	Hà Nội			
3668	30L-650.44	Hà Nội	4868	30L-637.29	Hà Nội			
3669	30L-653.86	Hà Nội	4869	30L-639.16	Hà Nội			
3670	30L-658.38	Hà Nội	4870	30L-642.38	Hà Nội			
3671	30L-661.55	Hà Nội	4871	30L-642.55	Hà Nội			
3672	30L-661.99	Hà Nội	4872	30L-643.26	Hà Nội			
3673	30L-664.66	Hà Nội	4873	30L-643.59	Hà Nội			
3674	30L-666.35	Hà Nội	4874	30L-644.98	Hà Nội			
3675	30L-669.35	Hà Nội	4875	30L-645.36	Hà Nội			
3676	30L-675.99	Hà Nội	4876	30L-645.45	Hà Nội			
3677	30L-677.35	Hà Nội	4877	30L-649.08	Hà Nội			
3678	30L-677.99	Hà Nội	4878	30L-650.68	Hà Nội			
3679	30L-678.04	Hà Nội	4879	30L-659.79	Hà Nội			
3680	30L-678.67	Hà Nội	4880	30L-665.38	Hà Nội			
3681	30L-679.18	Hà Nội	4881	30L-666.59	Hà Nội			
3682	30L-689.16	Hà Nội	4882	30L-667.67	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3683	30L-697.36	Hà Nội	4883	30L-667.87	Hà Nội			
3684	30L-701.58	Hà Nội	4884	30L-673.22	Hà Nội			
3685	30L-702.15	Hà Nội	4885	30L-677.38	Hà Nội			
3686	30L-703.19	Hà Nội	4886	30L-679.55	Hà Nội			
3687	30L-705.38	Hà Nội	4887	30L-680.99	Hà Nội			
3688	30L-706.83	Hà Nội	4888	30L-681.00	Hà Nội			
3689	30L-709.00	Hà Nội	4889	30L-684.55	Hà Nội			
3690	30L-709.07	Hà Nội	4890	30L-687.22	Hà Nội			
3691	30L-710.79	Hà Nội	4891	30L-690.00	Hà Nội			
3692	30L-712.86	Hà Nội	4892	30L-694.11	Hà Nội			
3693	30L-713.28	Hà Nội	4893	30L-695.79	Hà Nội			
3694	30L-713.69	Hà Nội	4894	30L-695.86	Hà Nội			
3695	30L-713.79	Hà Nội	4895	30L-699.60	Hà Nội			
3696	30L-714.00	Hà Nội	4896	30L-702.33	Hà Nội			
3697	30L-714.15	Hà Nội	4897	30L-703.15	Hà Nội			
3698	30L-718.28	Hà Nội	4898	30L-712.17	Hà Nội			
3699	30L-721.08	Hà Nội	4899	30L-712.98	Hà Nội			
3700	30L-724.68	Hà Nội	4900	30L-713.15	Hà Nội			
3701	30L-733.09	Hà Nội	4901	30L-715.56	Hà Nội			
3702	30L-733.58	Hà Nội	4902	30L-719.38	Hà Nội			
3703	30L-738.69	Hà Nội	4903	30L-719.62	Hà Nội			
3704	30L-739.59	Hà Nội	4904	30L-719.72	Hà Nội			
3705	30L-739.68	Hà Nội	4905	30L-719.95	Hà Nội			
3706	30L-741.59	Hà Nội	4906	30L-721.15	Hà Nội			
3707	30L-742.18	Hà Nội	4907	30L-721.18	Hà Nội			
3708	30L-742.28	Hà Nội	4908	30L-721.55	Hà Nội			
3709	30L-742.55	Hà Nội	4909	30L-726.55	Hà Nội			
3710	30L-743.36	Hà Nội	4910	30L-727.36	Hà Nội			
3711	30L-745.25	Hà Nội	4911	30L-728.99	Hà Nội			
3712	30L-750.88	Hà Nội	4912	30L-730.25	Hà Nội			
3713	30L-751.09	Hà Nội	4913	30L-733.98	Hà Nội			
3714	30L-753.19	Hà Nội	4914	30L-738.26	Hà Nội			
3715	30L-754.11	Hà Nội	4915	30L-739.38	Hà Nội			
3716	30L-757.55	Hà Nội	4916	30L-745.15	Hà Nội			
3717	30L-758.66	Hà Nội	4917	30L-746.33	Hà Nội			
3718	30L-759.33	Hà Nội	4918	30L-750.35	Hà Nội			
3719	30L-760.98	Hà Nội	4919	30L-751.06	Hà Nội			
3720	30L-766.25	Hà Nội	4920	30L-753.33	Hà Nội			
3721	30L-769.55	Hà Nội	4921	30L-754.18	Hà Nội			
3722	30L-773.36	Hà Nội	4922	30L-757.25	Hà Nội			
3723	30L-774.69	Hà Nội	4923	30L-760.96	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
3724	30L-775.11	Hà Nội	4924	30L-761.56	Hà Nội			
3725	30L-776.69	Hà Nội	4925	30L-762.16	Hà Nội			
3726	30L-778.90	Hà Nội	4926	30L-762.33	Hà Nội			
3727	30L-779.36	Hà Nội	4927	30L-763.19	Hà Nội			
3728	30L-780.96	Hà Nội	4928	30L-763.59	Hà Nội			
3729	30L-781.06	Hà Nội	4929	30L-767.15	Hà Nội			
3730	30L-782.59	Hà Nội	4930	30L-767.81	Hà Nội			
3731	30L-783.00	Hà Nội	4931	30L-768.69	Hà Nội			
3732	30L-784.65	Hà Nội	4932	30L-770.39	Hà Nội			
3733	30L-786.61	Hà Nội	4933	30L-773.25	Hà Nội			
3734	30L-787.68	Hà Nội	4934	30L-777.25	Hà Nội			
3735	30L-787.87	Hà Nội	4935	30L-777.73	Hà Nội			
3736	30L-790.18	Hà Nội	4936	30L-777.97	Hà Nội			
3737	30L-796.33	Hà Nội	4937	30L-779.00	Hà Nội			
3738	30L-797.55	Hà Nội	4938	30L-779.39	Hà Nội			
3739	30L-800.89	Hà Nội	4939	30L-783.36	Hà Nội			
3740	30L-804.44	Hà Nội	4940	30L-783.99	Hà Nội			
3741	30L-807.09	Hà Nội	4941	30L-784.00	Hà Nội			
3742	30L-807.35	Hà Nội	4942	30L-784.88	Hà Nội			
3743	30L-807.89	Hà Nội	4943	30L-785.95	Hà Nội			
3744	30L-812.79	Hà Nội	4944	30L-786.18	Hà Nội			
3745	30L-813.98	Hà Nội	4945	30L-786.89	Hà Nội			
3746	30L-818.69	Hà Nội	4946	30L-788.55	Hà Nội			
3747	30L-818.79	Hà Nội	4947	30L-788.59	Hà Nội			
3748	30L-819.25	Hà Nội	4948	30L-793.18	Hà Nội			
3749	30L-821.08	Hà Nội	4949	30L-793.29	Hà Nội			
3750	30L-821.58	Hà Nội	4950	30L-798.79	Hà Nội			
3751	30L-822.15	Hà Nội	4951	30L-799.38	Hà Nội			
3752	30L-822.66	Hà Nội	4952	30L-800.11	Hà Nội			
3753	30L-823.98	Hà Nội	4953	30L-800.96	Hà Nội			
3754	30L-824.09	Hà Nội	4954	30L-802.89	Hà Nội			
3755	30L-824.28	Hà Nội	4955	30L-804.26	Hà Nội			
3756	30L-824.29	Hà Nội	4956	30L-806.98	Hà Nội			
3757	30L-825.82	Hà Nội	4957	30L-812.88	Hà Nội			
3758	30L-827.44	Hà Nội	4958	30L-814.81	Hà Nội			
3759	30L-831.66	Hà Nội	4959	30L-815.29	Hà Nội			
3760	30L-836.25	Hà Nội	4960	30L-816.59	Hà Nội			
3761	30L-838.59	Hà Nội	4961	30L-818.19	Hà Nội			
3762	30L-840.22	Hà Nội	4962	30L-829.69	Hà Nội			
3763	30L-842.38	Hà Nội	4963	30L-840.95	Hà Nội			
3764	30L-844.56	Hà Nội	4964	30L-842.55	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3765	30L-847.88	Hà Nội	4965	30L-846.47	Hà Nội			
3766	30L-849.09	Hà Nội	4966	30L-850.18	Hà Nội			
3767	30L-865.55	Hà Nội	4967	30L-860.11	Hà Nội			
3768	30L-866.25	Hà Nội	4968	30L-860.66	Hà Nội			
3769	30L-866.55	Hà Nội	4969	30L-862.29	Hà Nội			
3770	30L-868.55	Hà Nội	4970	30L-864.19	Hà Nội			
3771	30L-869.86	Hà Nội	4971	30L-864.99	Hà Nội			
3772	30L-871.58	Hà Nội	4972	30L-866.36	Hà Nội			
3773	30L-872.09	Hà Nội	4973	30L-866.50	Hà Nội			
3774	30L-872.38	Hà Nội	4974	30L-868.06	Hà Nội			
3775	30L-873.89	Hà Nội	4975	30L-870.06	Hà Nội			
3776	30L-875.88	Hà Nội	4976	30L-871.39	Hà Nội			
3777	30L-879.29	Hà Nội	4977	30L-872.28	Hà Nội			
3778	30L-879.33	Hà Nội	4978	30L-873.86	Hà Nội			
3779	30L-879.38	Hà Nội	4979	30L-875.66	Hà Nội			
3780	30L-881.77	Hà Nội	4980	30L-876.96	Hà Nội			
3781	30L-881.99	Hà Nội	4981	30L-878.86	Hà Nội			
3782	30L-883.33	Hà Nội	4982	30L-879.09	Hà Nội			
3783	30L-884.48	Hà Nội	4983	30L-881.85	Hà Nội			
3784	30L-886.56	Hà Nội	4984	30L-888.04	Hà Nội			
3785	30L-886.77	Hà Nội	4985	30L-890.79	Hà Nội			
3786	30L-886.87	Hà Nội	4986	30L-894.86	Hà Nội			
3787	30L-888.12	Hà Nội	4987	30L-895.09	Hà Nội			
3788	30L-888.31	Hà Nội	4988	30L-901.06	Hà Nội			
3789	30L-888.52	Hà Nội	4989	30L-901.77	Hà Nội			
3790	30L-889.19	Hà Nội	4990	30L-904.25	Hà Nội			
3791	30L-891.66	Hà Nội	4991	30L-905.59	Hà Nội			
3792	30L-896.95	Hà Nội	4992	30L-906.77	Hà Nội			
3793	30L-901.85	Hà Nội	4993	30L-913.91	Hà Nội			
3794	30L-913.09	Hà Nội	4994	30L-914.44	Hà Nội			
3795	30L-913.22	Hà Nội	4995	30L-916.98	Hà Nội			
3796	30L-913.38	Hà Nội	4996	30L-921.35	Hà Nội			
3797	30L-914.19	Hà Nội	4997	30L-922.89	Hà Nội			
3798	30L-918.19	Hà Nội	4998	30L-923.23	Hà Nội			
3799	30L-919.25	Hà Nội	4999	30L-926.00	Hà Nội			
3800	30L-922.55	Hà Nội	5000	30L-926.44	Hà Nội			
3801	30L-925.95	Hà Nội	5001	30L-926.88	Hà Nội			
3802	30L-935.77	Hà Nội	5002	30L-927.68	Hà Nội			
3803	30L-937.29	Hà Nội	5003	30L-929.15	Hà Nội			
3804	30L-942.16	Hà Nội	5004	30L-929.44	Hà Nội			
3805	30L-945.11	Hà Nội	5005	30L-940.00	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
3806	30L-945.98	Hà Nội	5006	30L-942.22	Hà Nội			
3807	30L-945.99	Hà Nội	5007	30L-942.59	Hà Nội			
3808	30L-948.11	Hà Nội	5008	30L-942.94	Hà Nội			
3809	30L-958.58	Hà Nội	5009	30L-949.39	Hà Nội			
3810	30L-958.83	Hà Nội	5010	30L-950.05	Hà Nội			
3811	30L-959.09	Hà Nội	5011	30L-950.29	Hà Nội			
3812	30L-959.55	Hà Nội	5012	30L-950.44	Hà Nội			
3813	30L-962.56	Hà Nội	5013	30L-953.79	Hà Nội			
3814	30L-963.59	Hà Nội	5014	30L-958.22	Hà Nội			
3815	30L-965.25	Hà Nội	5015	30L-958.55	Hà Nội			
3816	30L-966.38	Hà Nội	5016	30L-963.06	Hà Nội			
3817	30L-969.11	Hà Nội	5017	30L-963.38	Hà Nội			
3818	30L-977.33	Hà Nội	5018	30L-967.77	Hà Nội			
3819	30L-977.55	Hà Nội	5019	30L-972.35	Hà Nội			
3820	30L-978.06	Hà Nội	5020	30L-980.79	Hà Nội			
3821	30L-978.66	Hà Nội	5021	30L-994.29	Hà Nội			
3822	30L-980.83	Hà Nội	5022	30L-995.77	Hà Nội			
3823	30L-982.39	Hà Nội	5023	30M-000.56	Hà Nội			
3824	30L-982.55	Hà Nội	5024	30M-001.23	Hà Nội			
3825	30L-988.15	Hà Nội	5025	30M-005.39	Hà Nội			
3826	30L-990.88	Hà Nội	5026	30M-008.55	Hà Nội			
3827	30L-992.06	Hà Nội	5027	30M-010.16	Hà Nội			
3828	30L-992.35	Hà Nội	5028	30M-011.26	Hà Nội			
3829	30L-997.91	Hà Nội	5029	30M-014.58	Hà Nội			
3830	30L-998.95	Hà Nội	5030	30M-015.55	Hà Nội			
3831	30L-999.62	Hà Nội	5031	30M-021.77	Hà Nội			
3832	30M-000.71	Hà Nội	5032	30M-025.20	Hà Nội			
3833	30M-002.16	Hà Nội	5033	30M-025.26	Hà Nội			
3834	30M-006.28	Hà Nội	5034	30M-026.95	Hà Nội			
3835	30M-015.56	Hà Nội	5035	30M-028.20	Hà Nội			
3836	30M-016.33	Hà Nội	5036	30M-029.19	Hà Nội			
3837	30M-016.44	Hà Nội	5037	51L-624.33	Hồ Chí Minh			
3838	30M-017.11	Hà Nội	5038	51L-626.27	Hồ Chí Minh			
3839	30M-017.39	Hà Nội	5039	51L-630.22	Hồ Chí Minh			
3840	30M-019.35	Hà Nội	5040	51L-630.29	Hồ Chí Minh			
3841	30M-020.22	Hà Nội	5041	51L-630.38	Hồ Chí Minh			
3842	30M-020.33	Hà Nội	5042	51L-630.58	Hồ Chí Minh			
3843	30M-021.26	Hà Nội	5043	51L-631.66	Hồ Chí Minh			
3844	30M-022.19	Hà Nội	5044	51L-636.65	Hồ Chí Minh			
3845	30M-025.99	Hà Nội	5045	51L-637.58	Hồ Chí Minh			
3846	30M-026.28	Hà Nội	5046	51L-637.86	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3847	51L-619.38	Hồ Chí Minh	5047	51L-639.18	Hồ Chí Minh			
3848	51L-619.89	Hồ Chí Minh	5048	51L-644.58	Hồ Chí Minh			
3849	51L-620.08	Hồ Chí Minh	5049	51L-646.83	Hồ Chí Minh			
3850	51L-623.59	Hồ Chí Minh	5050	51L-649.44	Hồ Chí Minh			
3851	51L-624.09	Hồ Chí Minh	5051	51L-652.33	Hồ Chí Minh			
3852	51L-627.44	Hồ Chí Minh	5052	51L-657.33	Hồ Chí Minh			
3853	51L-634.11	Hồ Chí Minh	5053	51L-666.27	Hồ Chí Minh			
3854	51L-637.63	Hồ Chí Minh	5054	51L-667.06	Hồ Chí Minh			
3855	51L-638.58	Hồ Chí Minh	5055	51L-667.88	Hồ Chí Minh			
3856	51L-638.85	Hồ Chí Minh	5056	51L-667.96	Hồ Chí Minh			
3857	51L-649.56	Hồ Chí Minh	5057	51L-669.44	Hồ Chí Minh			
3858	51L-653.54	Hồ Chí Minh	5058	51L-672.15	Hồ Chí Minh			
3859	51L-654.66	Hồ Chí Minh	5059	51L-673.35	Hồ Chí Minh			
3860	51L-655.26	Hồ Chí Minh	5060	51L-677.59	Hồ Chí Minh			
3861	51L-664.16	Hồ Chí Minh	5061	51L-678.32	Hồ Chí Minh			
3862	51L-665.89	Hồ Chí Minh	5062	51L-679.35	Hồ Chí Minh			
3863	51L-669.35	Hồ Chí Minh	5063	51L-681.89	Hồ Chí Minh			
3864	51L-671.35	Hồ Chí Minh	5064	51L-683.58	Hồ Chí Minh			
3865	51L-672.11	Hồ Chí Minh	5065	51L-684.84	Hồ Chí Minh			
3866	51L-676.77	Hồ Chí Minh	5066	51L-685.18	Hồ Chí Minh			
3867	51L-679.69	Hồ Chí Minh	5067	51L-689.18	Hồ Chí Minh			
3868	51L-679.76	Hồ Chí Minh	5068	51L-691.08	Hồ Chí Minh			
3869	51L-683.25	Hồ Chí Minh	5069	51L-694.22	Hồ Chí Minh			
3870	51L-683.77	Hồ Chí Minh	5070	51L-696.39	Hồ Chí Minh			
3871	51L-693.19	Hồ Chí Minh	5071	51L-697.44	Hồ Chí Minh			
3872	51L-693.59	Hồ Chí Minh	5072	51L-698.59	Hồ Chí Minh			
3873	51L-697.59	Hồ Chí Minh	5073	51L-700.26	Hồ Chí Minh			
3874	51L-702.95	Hồ Chí Minh	5074	51L-701.02	Hồ Chí Minh			
3875	51L-704.19	Hồ Chí Minh	5075	51L-702.59	Hồ Chí Minh			
3876	51L-704.70	Hồ Chí Minh	5076	51L-703.25	Hồ Chí Minh			
3877	51L-708.58	Hồ Chí Minh	5077	51L-714.19	Hồ Chí Minh			
3878	51L-709.88	Hồ Chí Minh	5078	51L-718.58	Hồ Chí Minh			
3879	51L-713.29	Hồ Chí Minh	5079	51L-719.35	Hồ Chí Minh			
3880	51L-713.77	Hồ Chí Minh	5080	51L-719.75	Hồ Chí Minh			
3881	51L-714.41	Hồ Chí Minh	5081	51L-719.81	Hồ Chí Minh			
3882	51L-714.88	Hồ Chí Minh	5082	51L-720.69	Hồ Chí Minh			
3883	51L-716.71	Hồ Chí Minh	5083	51L-721.72	Hồ Chí Minh			
3884	51L-717.95	Hồ Chí Minh	5084	51L-724.08	Hồ Chí Minh			
3885	51L-720.99	Hồ Chí Minh	5085	51L-727.06	Hồ Chí Minh			
3886	51L-728.15	Hồ Chí Minh	5086	51L-727.27	Hồ Chí Minh			
3887	51L-731.11	Hồ Chí Minh	5087	51L-728.25	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
3888	51L-732.65	Hồ Chí Minh	5088	51L-728.39	Hồ Chí Minh			
3889	51L-733.99	Hồ Chí Minh	5089	51L-729.86	Hồ Chí Minh			
3890	51L-735.89	Hồ Chí Minh	5090	51L-730.99	Hồ Chí Minh			
3891	51L-736.18	Hồ Chí Minh	5091	51L-733.11	Hồ Chí Minh			
3892	51L-741.58	Hồ Chí Minh	5092	51L-734.22	Hồ Chí Minh			
3893	51L-750.05	Hồ Chí Minh	5093	51L-737.83	Hồ Chí Minh			
3894	51L-751.58	Hồ Chí Minh	5094	51L-740.59	Hồ Chí Minh			
3895	51L-753.29	Hồ Chí Minh	5095	51L-744.79	Hồ Chí Minh			
3896	51L-760.60	Hồ Chí Minh	5096	51L-746.28	Hồ Chí Minh			
3897	51L-761.36	Hồ Chí Minh	5097	51L-747.88	Hồ Chí Minh			
3898	51L-762.08	Hồ Chí Minh	5098	51L-749.36	Hồ Chí Minh			
3899	51L-764.11	Hồ Chí Minh	5099	51L-751.11	Hồ Chí Minh			
3900	51L-764.95	Hồ Chí Minh	5100	51L-761.86	Hồ Chí Minh			
3901	51L-767.11	Hồ Chí Minh	5101	51L-762.65	Hồ Chí Minh			
3902	51L-774.83	Hồ Chí Minh	5102	51L-764.18	Hồ Chí Minh			
3903	51L-777.03	Hồ Chí Minh	5103	51L-766.56	Hồ Chí Minh			
3904	51L-777.13	Hồ Chí Minh	5104	51L-769.95	Hồ Chí Minh			
3905	51L-780.35	Hồ Chí Minh	5105	51L-770.98	Hồ Chí Minh			
3906	51L-781.08	Hồ Chí Minh	5106	51L-773.29	Hồ Chí Minh			
3907	51L-782.79	Hồ Chí Minh	5107	51L-773.79	Hồ Chí Minh			
3908	51L-789.13	Hồ Chí Minh	5108	51L-774.69	Hồ Chí Minh			
3909	51L-789.15	Hồ Chí Minh	5109	51L-777.48	Hồ Chí Minh			
3910	51L-789.17	Hồ Chí Minh	5110	51L-778.77	Hồ Chí Minh			
3911	51L-790.06	Hồ Chí Minh	5111	51L-783.06	Hồ Chí Minh			
3912	51L-790.09	Hồ Chí Minh	5112	51L-786.11	Hồ Chí Minh			
3913	51L-796.80	Hồ Chí Minh	5113	51L-794.35	Hồ Chí Minh			
3914	51L-798.15	Hồ Chí Minh	5114	51L-794.99	Hồ Chí Minh			
3915	51L-799.78	Hồ Chí Minh	5115	51L-802.22	Hồ Chí Minh			
3916	51L-801.88	Hồ Chí Minh	5116	51L-806.39	Hồ Chí Minh			
3917	51L-803.29	Hồ Chí Minh	5117	51L-806.69	Hồ Chí Minh			
3918	51L-804.69	Hồ Chí Minh	5118	51L-808.55	Hồ Chí Minh			
3919	51L-807.08	Hồ Chí Minh	5119	51L-810.25	Hồ Chí Minh			
3920	51L-811.95	Hồ Chí Minh	5120	51L-813.39	Hồ Chí Minh			
3921	51L-816.08	Hồ Chí Minh	5121	51L-816.61	Hồ Chí Minh			
3922	51L-819.29	Hồ Chí Minh	5122	51L-819.58	Hồ Chí Minh			
3923	51L-828.11	Hồ Chí Minh	5123	51L-819.76	Hồ Chí Minh			
3924	51L-832.96	Hồ Chí Minh	5124	51L-824.99	Hồ Chí Minh			
3925	51L-834.55	Hồ Chí Minh	5125	51L-826.39	Hồ Chí Minh			
3926	51L-836.38	Hồ Chí Minh	5126	51L-826.44	Hồ Chí Minh			
3927	51L-837.18	Hồ Chí Minh	5127	51L-827.58	Hồ Chí Minh			
3928	51L-838.28	Hồ Chí Minh	5128	51L-828.29	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
3929	51L-841.56	Hồ Chí Minh	5129	51L-830.09	Hồ Chí Minh			
3930	51L-841.83	Hồ Chí Minh	5130	51L-831.99	Hồ Chí Minh			
3931	51L-844.86	Hồ Chí Minh	5131	51L-844.15	Hồ Chí Minh			
3932	51L-845.11	Hồ Chí Minh	5132	51L-850.33	Hồ Chí Minh			
3933	51L-846.48	Hồ Chí Minh	5133	51L-850.65	Hồ Chí Minh			
3934	51L-846.58	Hồ Chí Minh	5134	51L-850.89	Hồ Chí Minh			
3935	51L-851.65	Hồ Chí Minh	5135	51L-860.83	Hồ Chí Minh			
3936	51L-851.86	Hồ Chí Minh	5136	51L-866.15	Hồ Chí Minh			
3937	51L-853.15	Hồ Chí Minh	5137	51L-867.80	Hồ Chí Minh			
3938	51L-865.58	Hồ Chí Minh	5138	51L-872.15	Hồ Chí Minh			
3939	51L-866.49	Hồ Chí Minh	5139	51L-873.87	Hồ Chí Minh			
3940	51L-868.33	Hồ Chí Minh	5140	51L-876.78	Hồ Chí Minh			
3941	51L-874.33	Hồ Chí Minh	5141	51L-882.86	Hồ Chí Minh			
3942	51L-673.79	Hồ Chí Minh	5142	51L-883.59	Hồ Chí Minh			
3943	51L-877.09	Hồ Chí Minh	5143	51L-886.95	Hồ Chí Minh			
3944	51L-884.25	Hồ Chí Minh	5144	51L-888.74	Hồ Chí Minh			
3945	51L-886.00	Hồ Chí Minh	5145	51L-896.09	Hồ Chí Minh			
3946	51L-888.01	Hồ Chí Minh	5146	11A-132.69	Cao Bằng			
3947	51L-888.52	Hồ Chí Minh	5147	11A-133.68	Cao Bằng			
3948	51L-894.56	Hồ Chí Minh	5148	11A-134.34	Cao Bằng			
3949	51L-894.88	Hồ Chí Minh	5149	11A-135.09	Cao Bằng			
3950	51L-895.95	Hồ Chí Minh	5150	11B-012.12	Cao Bằng			
3951	11A-130.03	Cao Bằng	5151	12A-254.25	Lạng Sơn			
3952	11A-130.30	Cao Bằng	5152	12A-254.99	Lạng Sơn			
3953	11A-130.33	Cao Bằng	5153	12A-255.26	Lạng Sơn			
3954	11A-130.77	Cao Bằng	5154	12A-259.25	Lạng Sơn			
3955	11A-132.59	Cao Bằng	5155	12B-012.79	Lạng Sơn			
3956	11B-012.69	Cao Bằng	5156	12C-137.99	Lạng Sơn			
3957	11C-083.88	Cao Bằng	5157	14A-931.08	Quảng Ninh			
3958	12A-252.77	Lạng Sơn	5158	14A-932.44	Quảng Ninh			
3959	12A-254.11	Lạng Sơn	5159	14A-933.09	Quảng Ninh			
3960	12A-257.09	Lạng Sơn	5160	14A-934.15	Quảng Ninh			
3961	12A-257.98	Lạng Sơn	5161	14A-934.28	Quảng Ninh			
3962	12A-258.19	Lạng Sơn	5162	14A-939.58	Quảng Ninh			
3963	12A-262.95	Lạng Sơn	5163	14A-943.66	Quảng Ninh			
3964	12A-263.06	Lạng Sơn	5164	14A-944.38	Quảng Ninh			
3965	14A-931.35	Quảng Ninh	5165	14A-945.08	Quảng Ninh			
3966	14A-933.16	Quảng Ninh	5166	14A-947.47	Quảng Ninh			
3967	14A-936.78	Quảng Ninh	5167	14A-947.49	Quảng Ninh			
3968	14A-937.36	Quảng Ninh	5168	14A-948.55	Quảng Ninh			
3969	14A-937.59	Quảng Ninh	5169	14A-949.28	Quảng Ninh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
3970	14A-939.36	Quảng Ninh	5170	14A-949.86	Quảng Ninh			
3971	14A-939.59	Quảng Ninh	5171	14A-950.05	Quảng Ninh			
3972	14A-942.43	Quảng Ninh	5172	14A-952.00	Quảng Ninh			
3973	14A-942.44	Quảng Ninh	5173	14A-952.56	Quảng Ninh			
3974	14A-942.99	Quảng Ninh	5174	14A-953.85	Quảng Ninh			
3975	14A-946.69	Quảng Ninh	5175	14A-958.44	Quảng Ninh			
3976	14A-948.38	Quảng Ninh	5176	14A-959.38	Quảng Ninh			
3977	14A-949.29	Quảng Ninh	5177	14A-960.39	Quảng Ninh			
3978	14A-949.95	Quảng Ninh	5178	14A-960.89	Quảng Ninh			
3979	14A-951.35	Quảng Ninh	5179	14A-962.69	Quảng Ninh			
3980	14A-952.53	Quảng Ninh	5180	14A-964.15	Quảng Ninh			
3981	14A-952.65	Quảng Ninh	5181	14A-966.55	Quảng Ninh			
3982	14A-954.08	Quảng Ninh	5182	14A-967.25	Quảng Ninh			
3983	14A-954.85	Quảng Ninh	5183	14A-969.08	Quảng Ninh			
3984	14A-955.26	Quảng Ninh	5184	14A-969.16	Quảng Ninh			
3985	14A-957.26	Quảng Ninh	5185	14A-972.73	Quảng Ninh			
3986	14A-957.55	Quảng Ninh	5186	14A-972.85	Quảng Ninh			
3987	14A-959.26	Quảng Ninh	5187	14A-973.00	Quảng Ninh			
3988	14A-960.29	Quảng Ninh	5188	14A-975.11	Quảng Ninh			
3989	14A-962.58	Quảng Ninh	5189	14A-975.58	Quảng Ninh			
3990	14A-966.33	Quảng Ninh	5190	14A-976.08	Quảng Ninh			
3991	14A-967.44	Quảng Ninh	5191	14A-977.92	Quảng Ninh			
3992	14A-972.39	Quảng Ninh	5192	14A-984.39	Quảng Ninh			
3993	14A-972.69	Quảng Ninh	5193	15K-337.06	Hải Phòng			
3994	14A-973.39	Quảng Ninh	5194	15K-338.44	Hải Phòng			
3995	14A-976.86	Quảng Ninh	5195	15K-339.89	Hải Phòng			
3996	14A-977.38	Quảng Ninh	5196	15K-341.79	Hải Phòng			
3997	14A-978.18	Quảng Ninh	5197	15K-343.68	Hải Phòng			
3998	14A-978.39	Quảng Ninh	5198	15K-344.85	Hải Phòng			
3999	14A-989.15	Quảng Ninh	5199	15K-347.16	Hải Phòng			
4000	15K-341.34	Hải Phòng	5200	15K-349.88	Hải Phòng			
4001	15K-343.09	Hải Phòng	5201	15K-350.66	Hải Phòng			
4002	15K-343.35	Hải Phòng	5202	15K-356.99	Hải Phòng			
4003	15K-344.09	Hải Phòng	5203	15K-362.77	Hải Phòng			
4004	15K-346.86	Hải Phòng	5204	15K-362.98	Hải Phòng			
4005	15K-347.96	Hải Phòng	5205	15K-367.11	Hải Phòng			
4006	15K-352.56	Hải Phòng	5206	15K-371.18	Hải Phòng			
4007	15K-357.00	Hải Phòng	5207	15K-374.65	Hải Phòng			
4008	15K-358.96	Hải Phòng	5208	15K-375.35	Hải Phòng			
4009	15K-361.16	Hải Phòng	5209	15K-376.83	Hải Phòng			
4010	15K-362.00	Hải Phòng	5210	15K-379.97	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4011	15K-362.66	Hải Phòng	5211	15K-381.18	Hải Phòng			
4012	15K-365.44	Hải Phòng	5212	15K-382.25	Hải Phòng			
4013	15K-367.18	Hải Phòng	5213	15K-382.58	Hải Phòng			
4014	15K-370.37	Hải Phòng	5214	15K-382.66	Hải Phòng			
4015	15K-376.96	Hải Phòng	5215	15K-386.33	Hải Phòng			
4016	15K-378.44	Hải Phòng	5216	15K-387.88	Hải Phòng			
4017	15K-380.25	Hải Phòng	5217	15K-389.68	Hải Phòng			
4018	15K-381.85	Hải Phòng	5218	15K-391.88	Hải Phòng			
4019	15K-383.85	Hải Phòng	5219	15K-392.09	Hải Phòng			
4020	15K-391.83	Hải Phòng	5220	15K-394.93	Hải Phòng			
4021	15K-392.18	Hải Phòng	5221	15K-399.64	Hải Phòng			
4022	15K-392.65	Hải Phòng	5222	15K-399.77	Hải Phòng			
4023	15K-395.56	Hải Phòng	5223	15K-401.06	Hải Phòng			
4024	15K-400.06	Hải Phòng	5224	15K-402.89	Hải Phòng			
4025	15K-401.55	Hải Phòng	5225	15K-404.89	Hải Phòng			
4026	15K-402.08	Hải Phòng	5226	15K-405.15	Hải Phòng			
4027	15K-403.44	Hải Phòng	5227	15K-408.79	Hải Phòng			
4028	15K-403.65	Hải Phòng	5228	15K-411.26	Hải Phòng			
4029	15K-404.44	Hải Phòng	5229	15K-412.14	Hải Phòng			
4030	15K-408.33	Hải Phòng	5230	15K-414.96	Hải Phòng			
4031	15K-410.19	Hải Phòng	5231	15K-417.26	Hải Phòng			
4032	15K-411.28	Hải Phòng	5232	15K-418.68	Hải Phòng			
4033	15K-416.85	Hải Phòng	5233	15K-420.08	Hải Phòng			
4034	15K-419.78	Hải Phòng	5234	15K-420.09	Hải Phòng			
4035	15K-423.26	Hải Phòng	5235	15K-422.83	Hải Phòng			
4036	17A-470.55	Thái Bình	5236	17A-469.44	Thái Bình			
4037	17A-471.99	Thái Bình	5237	17A-469.95	Thái Bình			
4038	17A-474.95	Thái Bình	5238	17A-471.39	Thái Bình			
4039	17A-475.28	Thái Bình	5239	17A-471.79	Thái Bình			
4040	17A-479.09	Thái Bình	5240	17A-473.98	Thái Bình			
4041	17A-479.55	Thái Bình	5241	17A-476.28	Thái Bình			
4042	17A-479.56	Thái Bình	5242	17A-480.28	Thái Bình			
4043	17A-482.35	Thái Bình	5243	17A-481.33	Thái Bình			
4044	17A-482.39	Thái Bình	5244	17A-482.95	Thái Bình			
4045	17A-483.26	Thái Bình	5245	17A-483.95	Thái Bình			
4046	17A-488.44	Thái Bình	5246	17A-485.77	Thái Bình			
4047	17A-488.60	Thái Bình	5247	17A-490.88	Thái Bình			
4048	17C-212.69	Thái Bình	5248	17A-491.85	Thái Bình			
4049	18A-470.65	Nam Định	5249	17C-213.33	Thái Bình			
4050	18A-471.11	Nam Định	5250	18A-468.16	Nam Định			
4051	18A-473.44	Nam Định	5251	18A-473.88	Nam Định			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4052	18A-473.55	Nam Định	5252	18A-477.79	Nam Định			
4053	18A-476.15	Nam Định	5253	18A-478.55	Nam Định			
4054	18A-476.44	Nam Định	5254	18A-480.16	Nam Định			
4055	18A-480.06	Nam Định	5255	18A-481.95	Nam Định			
4056	18A-481.18	Nam Định	5256	18A-483.83	Nam Định			
4057	18A-484.88	Nam Định	5257	18A-487.95	Nam Định			
4058	18A-485.06	Nam Định	5258	18A-488.19	Nam Định			
4059	18A-489.16	Nam Định	5259	18A-489.44	Nam Định			
4060	18D-013.88	Nam Định	5260	19A-674.56	Phú Thọ			
4061	19A-672.29	Phú Thọ	5261	19A-674.85	Phú Thọ			
4062	19A-673.11	Phú Thọ	5262	19A-676.35	Phú Thọ			
4063	19A-675.79	Phú Thọ	5263	19A-677.19	Phú Thọ			
4064	19A-677.44	Phú Thọ	5264	19A-677.96	Phú Thọ			
4065	19A-677.98	Phú Thọ	5265	19A-678.01	Phú Thọ			
4066	19A-678.21	Phú Thọ	5266	19A-678.15	Phú Thọ			
4067	19A-678.54	Phú Thọ	5267	19A-678.50	Phú Thọ			
4068	19A-681.25	Phú Thọ	5268	19A-678.78	Phú Thọ			
4069	19A-682.00	Phú Thọ	5269	19A-681.36	Phú Thọ			
4070	19A-684.48	Phú Thọ	5270	19A-684.09	Phú Thọ			
4071	19A-685.39	Phú Thọ	5271	19A-684.84	Phú Thọ			
4072	19A-687.85	Phú Thọ	5272	19A-688.22	Phú Thọ			
4073	19A-688.14	Phú Thọ	5273	19A-689.28	Phú Thọ			
4074	19A-694.56	Phú Thọ	5274	19A-695.89	Phú Thọ			
4075	19A-696.79	Phú Thọ	5275	19A-696.77	Phú Thọ			
4076	19A-705.96	Phú Thọ	5276	19A-699.79	Phú Thọ			
4077	19A-708.09	Phú Thọ	5277	19A-709.19	Phú Thọ			
4078	19A-708.22	Phú Thọ	5278	19A-710.06	Phú Thọ			
4079	19A-709.83	Phú Thọ	5279	19A-711.66	Phú Thọ			
4080	19A-710.79	Phú Thọ	5280	19A-714.41	Phú Thọ			
4081	19A-711.99	Phú Thọ	5281	19B-025.25	Phú Thọ			
4082	19A-712.00	Phú Thọ	5282	19C-250.05	Phú Thọ			
4083	19A-713.66	Phú Thọ	5283	19D-015.69	Phú Thọ			
4084	19D-016.99	Phú Thọ	5284	20A-820.02	Thái Nguyên			
4085	20A-814.08	Thái Nguyên	5285	20A-823.68	Thái Nguyên			
4086	20A-814.16	Thái Nguyên	5286	20A-825.95	Thái Nguyên			
4087	20A-821.99	Thái Nguyên	5287	20A-832.09	Thái Nguyên			
4088	20A-823.85	Thái Nguyên	5288	20A-833.95	Thái Nguyên			
4089	20A-824.77	Thái Nguyên	5289	20A-835.15	Thái Nguyên			
4090	20A-825.69	Thái Nguyên	5290	20A-841.36	Thái Nguyên			
4091	20A-826.15	Thái Nguyên	5291	20A-843.86	Thái Nguyên			
4092	20A-834.79	Thái Nguyên	5292	20A-845.58	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4093	20A-837.11	Thái Nguyên	5293	20A-849.00	Thái Nguyên			
4094	20A-839.86	Thái Nguyên	5294	20A-850.25	Thái Nguyên			
4095	20A-844.33	Thái Nguyên	5295	20A-851.11	Thái Nguyên			
4096	20A-847.29	Thái Nguyên	5296	20A-852.65	Thái Nguyên			
4097	20A-848.36	Thái Nguyên	5297	20A-853.44	Thái Nguyên			
4098	20A-849.09	Thái Nguyên	5298	20A-854.86	Thái Nguyên			
4099	20A-849.94	Thái Nguyên	5299	20A-855.77	Thái Nguyên			
4100	20A-854.95	Thái Nguyên	5300	20A-856.36	Thái Nguyên			
4101	20A-858.33	Thái Nguyên	5301	20C-303.39	Thái Nguyên			
4102	20A-858.96	Thái Nguyên	5302	21A-217.22	Yên Bái			
4103	20A-860.33	Thái Nguyên	5303	21A-219.76	Yên Bái			
4104	20C-301.88	Thái Nguyên	5304	22A-262.36	Tuyên Quang			
4105	21A-211.65	Yên Bái	5305	22A-262.65	Tuyên Quang			
4106	21A-214.44	Yên Bái	5306	22A-263.19	Tuyên Quang			
4107	21A-215.08	Yên Bái	5307	22A-266.78	Tuyên Quang			
4108	21A-219.12	Yên Bái	5308	22A-269.29	Tuyên Quang			
4109	21A-221.06	Yên Bái	5309	22C-111.78	Tuyên Quang			
4110	22A-264.15	Tuyên Quang	5310	23A-157.22	Hà Giang			
4111	22A-264.55	Tuyên Quang	5311	23A-158.38	Hà Giang			
4112	22A-266.39	Tuyên Quang	5312	23A-160.55	Hà Giang			
4113	22A-266.95	Tuyên Quang	5313	23A-161.83	Hà Giang			
4114	22C-109.79	Tuyên Quang	5314	23A-162.38	Hà Giang			
4115	22C-111.29	Tuyên Quang	5315	24A-307.03	Lào Cai			
4116	23A-156.89	Hà Giang	5316	24A-308.28	Lào Cai			
4117	23A-159.77	Hà Giang	5317	24A-308.38	Lào Cai			
4118	23A-160.83	Hà Giang	5318	24A-309.00	Lào Cai			
4119	23C-086.99	Hà Giang	5319	24A-311.39	Lào Cai			
4120	24A-305.68	Lào Cai	5320	24A-314.22	Lào Cai			
4121	24A-311.85	Lào Cai	5321	26A-223.66	Sơn La			
4122	24A-312.09	Lào Cai	5322	26A-224.65	Sơn La			
4123	24A-313.66	Lào Cai	5323	26A-226.79	Sơn La			
4124	24A-314.28	Lào Cai	5324	26A-228.29	Sơn La			
4125	25A-081.68	Lai Châu	5325	26A-228.55	Sơn La			
4126	25A-084.29	Lai Châu	5326	26A-233.89	Sơn La			
4127	26A-224.42	Sơn La	5327	26A-234.55	Sơn La			
4128	26A-230.56	Sơn La	5328	26C-158.88	Sơn La			
4129	27A-122.83	Điện Biên	5329	27A-124.89	Điện Biên			
4130	27A-125.39	Điện Biên	5330	27A-126.22	Điện Biên			
4131	27A-126.69	Điện Biên	5331	27A-127.85	Điện Biên			
4132	27C-073.73	Điện Biên	5332	28A-247.58	Hòa Bình			
4133	28A-251.85	Hòa Bình	5333	28A-248.69	Hòa Bình			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4134	28A-256.78	Hòa Bình	5334	28A-254.18	Hòa Bình			
4135	30K-822.38	Hà Nội	5335	28A-254.29	Hòa Bình			
4136	29K-221.21	Hà Nội	5336	28A-256.99	Hòa Bình			
4137	29K-228.77	Hà Nội	5337	29D-606.06	Hà Nội			
4138	29K-234.52	Hà Nội	5338	29D-606.88	Hà Nội			
4139	29K-235.36	Hà Nội	5339	29D-608.89	Hà Nội			
4140	29K-235.95	Hà Nội	5340	29K-220.68	Hà Nội			
4141	29K-238.35	Hà Nội	5341	29K-221.28	Hà Nội			
4142	29K-239.68	Hà Nội	5342	29K-222.48	Hà Nội			
4143	29K-249.06	Hà Nội	5343	29K-226.19	Hà Nội			
4144	29K-251.88	Hà Nội	5344	29K-226.39	Hà Nội			
4145	29K-256.65	Hà Nội	5345	29K-232.23	Hà Nội			
4146	29K-258.59	Hà Nội	5346	29K-232.26	Hà Nội			
4147	29K-259.96	Hà Nội	5347	29K-239.11	Hà Nội			
4148	29K-262.29	Hà Nội	5348	29K-245.44	Hà Nội			
4149	29K-265.08	Hà Nội	5349	29K-254.22	Hà Nội			
4150	29K-266.18	Hà Nội	5350	29K-254.85	Hà Nội			
4151	29K-266.63	Hà Nội	5351	29K-256.68	Hà Nội			
4152	29K-268.33	Hà Nội	5352	29K-262.63	Hà Nội			
4153	29K-278.33	Hà Nội	5353	29K-266.79	Hà Nội			
4154	29K-280.35	Hà Nội	5354	29K-267.59	Hà Nội			
4155	29K-281.65	Hà Nội	5355	29K-268.28	Hà Nội			
4156	29K-282.28	Hà Nội	5356	29K-269.19	Hà Nội			
4157	29K-282.77	Hà Nội	5357	29K-274.22	Hà Nội			
4158	29K-283.00	Hà Nội	5358	29K-274.86	Hà Nội			
4159	29K-283.35	Hà Nội	5359	29K-281.82	Hà Nội			
4160	29K-286.19	Hà Nội	5360	29K-283.38	Hà Nội			
4161	29K-288.06	Hà Nội	5361	29K-286.95	Hà Nội			
4162	29K-293.88	Hà Nội	5362	29K-287.06	Hà Nội			
4163	29K-300.96	Hà Nội	5363	29K-287.16	Hà Nội			
4164	29K-301.00	Hà Nội	5364	29K-287.88	Hà Nội			
4165	29K-306.19	Hà Nội	5365	29K-290.79	Hà Nội			
4166	29K-306.22	Hà Nội	5366	29K-291.25	Hà Nội			
4167	29K-306.29	Hà Nội	5367	29K-293.18	Hà Nội			
4168	29K-306.44	Hà Nội	5368	29K-293.35	Hà Nội			
4169	29K-311.39	Hà Nội	5369	29K-293.56	Hà Nội			
4170	29K-312.00	Hà Nội	5370	29K-293.98	Hà Nội			
4171	29K-312.11	Hà Nội	5371	29K-294.44	Hà Nội			
4172	29K-317.98	Hà Nội	5372	29K-300.25	Hà Nội			
4173	29K-320.98	Hà Nội	5373	29K-308.89	Hà Nội			
4174	29K-323.38	Hà Nội	5374	29K-310.33	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4175	29K-324.25	Hà Nội	5375	29K-317.95	Hà Nội			
4176	34A-857.26	Hải Dương	5376	29K-318.77	Hà Nội			
4177	34A-857.75	Hải Dương	5377	29K-318.95	Hà Nội			
4178	34A-858.19	Hải Dương	5378	29K-321.99	Hà Nội			
4179	34A-861.86	Hải Dương	5379	29K-323.15	Hà Nội			
4180	34A-862.65	Hải Dương	5380	29K-324.33	Hà Nội			
4181	34A-862.83	Hải Dương	5381	30L-582.68	Hà Nội			
4182	34A-863.00	Hải Dương	5382	34A-857.68	Hải Dương			
4183	34A-864.79	Hải Dương	5383	34A-860.77	Hải Dương			
4184	34A-867.98	Hải Dương	5384	34A-864.39	Hải Dương			
4185	34A-868.25	Hải Dương	5385	34A-866.90	Hải Dương			
4186	34A-869.38	Hải Dương	5386	34A-867.85	Hải Dương			
4187	34A-873.09	Hải Dương	5387	34A-867.95	Hải Dương			
4188	34A-874.58	Hải Dương	5388	34A-868.28	Hải Dương			
4189	34A-880.06	Hải Dương	5389	34A-871.55	Hải Dương			
4190	34A-882.11	Hải Dương	5390	34A-871.95	Hải Dương			
4191	34A-882.15	Hải Dương	5391	34A-872.87	Hải Dương			
4192	34A-882.22	Hải Dương	5392	34A-873.16	Hải Dương			
4193	34A-884.69	Hải Dương	5393	34A-879.96	Hải Dương			
4194	34A-884.85	Hải Dương	5394	34A-881.33	Hải Dương			
4195	34A-885.85	Hải Dương	5395	34A-882.99	Hải Dương			
4196	34A-887.58	Hải Dương	5396	34A-886.20	Hải Dương			
4197	34A-889.15	Hải Dương	5397	34A-890.19	Hải Dương			
4198	34A-890.39	Hải Dương	5398	34A-895.99	Hải Dương			
4199	34A-895.00	Hải Dương	5399	34A-902.25	Hải Dương			
4200	34A-896.77	Hải Dương	5400	34A-903.65	Hải Dương			
4201	34A-897.97	Hải Dương	5401	34A-905.90	Hải Dương			
4202	34A-899.58	Hải Dương	5402	34A-909.16	Hải Dương			
4203	34A-902.22	Hải Dương	5403	34A-909.26	Hải Dương			
4204	34A-903.56	Hải Dương	5404	34A-918.86	Hải Dương			
4205	34A-903.96	Hải Dương	5405	35A-444.22	Ninh Bình			
4206	34A-904.40	Hải Dương	5406	35A-445.95	Ninh Bình			
4207	34A-904.44	Hải Dương	5407	35A-451.36	Ninh Bình			
4208	34A-905.69	Hải Dương	5408	35A-455.69	Ninh Bình			
4209	34A-906.06	Hải Dương	5409	35A-460.95	Ninh Bình			
4210	34A-907.77	Hải Dương	5410	35A-461.46	Ninh Bình			
4211	34A-909.11	Hải Dương	5411	35A-462.15	Ninh Bình			
4212	34A-910.36	Hải Dương	5412	35A-462.98	Ninh Bình			
4213	34A-911.35	Hải Dương	5413	35A-463.35	Ninh Bình			
4214	34A-914.89	Hải Dương	5414	36C-515.88	Thanh Hóa			
4215	34A-915.68	Hải Dương	5415	36C-516.16	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4216	34A-916.59	Hải Dương	5416	36C-516.79	Thanh Hóa			
4217	34A-917.91	Hải Dương	5417	36C-525.89	Thanh Hóa			
4218	34D-036.89	Hải Dương	5418	36D-025.79	Thanh Hóa			
4219	35A-444.25	Ninh Bình	5419	36K-143.09	Thanh Hóa			
4220	35A-446.33	Ninh Bình	5420	36K-144.26	Thanh Hóa			
4221	35A-447.22	Ninh Bình	5421	36K-144.99	Thanh Hóa			
4222	35A-448.18	Ninh Bình	5422	36K-146.06	Thanh Hóa			
4223	35A-451.97	Ninh Bình	5423	36K-150.99	Thanh Hóa			
4224	35A-452.36	Ninh Bình	5424	36K-153.00	Thanh Hóa			
4225	35A-457.99	Ninh Bình	5425	36K-154.35	Thanh Hóa			
4226	35A-460.36	Ninh Bình	5426	36K-155.06	Thanh Hóa			
4227	35A-461.33	Ninh Bình	5427	36K-157.66	Thanh Hóa			
4228	35A-461.35	Ninh Bình	5428	36K-158.77	Thanh Hóa			
4229	35A-461.38	Ninh Bình	5429	36K-158.95	Thanh Hóa			
4230	36D-026.79	Thanh Hóa	5430	36K-159.19	Thanh Hóa			
4231	36K-138.77	Thanh Hóa	5431	36K-159.22	Thanh Hóa			
4232	36K-139.16	Thanh Hóa	5432	36K-162.85	Thanh Hóa			
4233	36K-142.95	Thanh Hóa	5433	36K-164.59	Thanh Hóa			
4234	36K-145.46	Thanh Hóa	5434	36K-166.60	Thanh Hóa			
4235	36K-147.06	Thanh Hóa	5435	36K-166.63	Thanh Hóa			
4236	36K-147.56	Thanh Hóa	5436	36K-171.26	Thanh Hóa			
4237	36K-148.28	Thanh Hóa	5437	36K-172.69	Thanh Hóa			
4238	36K-149.38	Thanh Hóa	5438	36K-174.09	Thanh Hóa			
4239	36K-151.69	Thanh Hóa	5439	36K-178.99	Thanh Hóa			
4240	36K-153.08	Thanh Hóa	5440	36K-184.16	Thanh Hóa			
4241	36K-154.88	Thanh Hóa	5441	36K-185.09	Thanh Hóa			
4242	36K-157.06	Thanh Hóa	5442	36K-186.87	Thanh Hóa			
4243	36K-159.26	Thanh Hóa	5443	36K-187.55	Thanh Hóa			
4244	36K-162.77	Thanh Hóa	5444	36K-190.08	Thanh Hóa			
4245	36K-167.28	Thanh Hóa	5445	36K-194.89	Thanh Hóa			
4246	36K-168.06	Thanh Hóa	5446	36K-196.35	Thanh Hóa			
4247	36K-169.83	Thanh Hóa	5447	36K-196.84	Thanh Hóa			
4248	36K-171.39	Thanh Hóa	5448	36K-197.50	Thanh Hóa			
4249	36K-192.99	Thanh Hóa	5449	36K-197.53	Thanh Hóa			
4250	36K-193.28	Thanh Hóa	5450	36K-198.19	Thanh Hóa			
4251	36K-196.01	Thanh Hóa	5451	36K-200.77	Thanh Hóa			
4252	36K-196.03	Thanh Hóa	5452	36K-203.08	Thanh Hóa			
4253	36K-196.39	Thanh Hóa	5453	36K-205.05	Thanh Hóa			
4254	36K-196.51	Thanh Hóa	5454	36K-205.68	Thanh Hóa			
4255	36K-198.34	Thanh Hóa	5455	36K-208.66	Thanh Hóa			
4256	36K-198.52	Thanh Hóa	5456	36K-209.39	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4257	36K-199.86	Thanh Hóa	5457	36K-210.19	Thanh Hóa			
4258	36K-201.85	Thanh Hóa	5458	36K-210.35	Thanh Hóa			
4259	36K-205.50	Thanh Hóa	5459	36K-211.68	Thanh Hóa			
4260	36K-206.22	Thanh Hóa	5460	36K-212.88	Thanh Hóa			
4261	36K-209.83	Thanh Hóa	5461	36K-214.33	Thanh Hóa			
4262	36K-217.58	Thanh Hóa	5462	36K-216.11	Thanh Hóa			
4263	36K-217.95	Thanh Hóa	5463	36K-216.77	Thanh Hóa			
4264	36K-219.64	Thanh Hóa	5464	36K-221.06	Thanh Hóa			
4265	36K-219.67	Thanh Hóa	5465	36K-222.67	Thanh Hóa			
4266	36K-219.96	Thanh Hóa	5466	36K-222.77	Thanh Hóa			
4267	36K-221.29	Thanh Hóa	5467	36K-225.96	Thanh Hóa			
4268	36K-222.37	Thanh Hóa	5468	36K-228.11	Thanh Hóa			
4269	36K-227.15	Thanh Hóa	5469	37C-555.78	Nghệ An			
4270	37C-562.68	Nghệ An	5470	37C-565.55	Nghệ An			
4271	37K-387.87	Nghệ An	5471	37K-387.28	Nghệ An			
4272	37K-391.16	Nghệ An	5472	37K-389.33	Nghệ An			
4273	37K-391.25	Nghệ An	5473	37K-402.56	Nghệ An			
4274	37K-394.35	Nghệ An	5474	37K-404.22	Nghệ An			
4275	37K-397.69	Nghệ An	5475	37K-405.08	Nghệ An			
4276	37K-402.06	Nghệ An	5476	37K-405.79	Nghệ An			
4277	37K-404.98	Nghệ An	5477	37K-406.68	Nghệ An			
4278	37K-408.16	Nghệ An	5478	37K-406.79	Nghệ An			
4279	37K-408.44	Nghệ An	5479	37K-407.65	Nghệ An			
4280	37K-410.38	Nghệ An	5480	37K-408.83	Nghệ An			
4281	37K-412.15	Nghệ An	5481	37K-418.18	Nghệ An			
4282	37K-413.41	Nghệ An	5482	37K-418.59	Nghệ An			
4283	37K-415.11	Nghệ An	5483	37K-419.25	Nghệ An			
4284	37K-420.96	Nghệ An	5484	37K-424.33	Nghệ An			
4285	37K-422.83	Nghệ An	5485	37K-425.28	Nghệ An			
4286	37K-426.86	Nghệ An	5486	37K-426.18	Nghệ An			
4287	37K-431.35	Nghệ An	5487	37K-429.96	Nghệ An			
4288	37K-438.11	Nghệ An	5488	37K-430.65	Nghệ An			
4289	37K-438.95	Nghệ An	5489	37K-431.36	Nghệ An			
4290	37K-439.09	Nghệ An	5490	37K-433.68	Nghệ An			
4291	37K-439.15	Nghệ An	5491	37K-434.43	Nghệ An			
4292	37K-440.55	Nghệ An	5492	37K-435.25	Nghệ An			
4293	37K-441.08	Nghệ An	5493	37K-436.06	Nghệ An			
4294	37K-441.79	Nghệ An	5494	37K-436.34	Nghệ An			
4295	37K-443.34	Nghệ An	5495	37K-444.09	Nghệ An			
4296	37K-444.38	Nghệ An	5496	37K-449.36	Nghệ An			
4297	37K-444.85	Nghệ An	5497	37K-456.28	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4298	37K-445.66	Nghệ An	5498	37K-458.69	Nghệ An			
4299	37K-446.18	Nghệ An	5499	37K-459.25	Nghệ An			
4300	37K-447.11	Nghệ An	5500	37K-460.19	Nghệ An			
4301	37K-450.33	Nghệ An	5501	37K-460.79	Nghệ An			
4302	37K-452.06	Nghệ An	5502	37K-467.77	Nghệ An			
4303	37K-456.25	Nghệ An	5503	37K-468.96	Nghệ An			
4304	37K-457.00	Nghệ An	5504	37K-469.89	Nghệ An			
4305	37K-460.64	Nghệ An	5505	37K-472.27	Nghệ An			
4306	37K-461.85	Nghệ An	5506	37K-473.83	Nghệ An			
4307	37K-467.82	Nghệ An	5507	37K-474.99	Nghệ An			
4308	37K-472.89	Nghệ An	5508	37K-478.78	Nghệ An			
4309	37K-475.69	Nghệ An	5509	38A-638.63	Hà Tĩnh			
4310	37K-480.88	Nghệ An	5510	38A-639.33	Hà Tĩnh			
4311	38A-638.65	Hà Tĩnh	5511	38A-641.26	Hà Tĩnh			
4312	38A-638.38	Hà Tĩnh	5512	38A-643.22	Hà Tĩnh			
4313	38A-640.66	Hà Tĩnh	5513	38A-643.34	Hà Tĩnh			
4314	38A-644.11	Hà Tĩnh	5514	38A-650.85	Hà Tĩnh			
4315	38A-647.79	Hà Tĩnh	5515	38A-654.38	Hà Tĩnh			
4316	38A-649.09	Hà Tĩnh	5516	38A-657.11	Hà Tĩnh			
4317	38A-650.05	Hà Tĩnh	5517	38A-659.83	Hà Tĩnh			
4318	38A-652.11	Hà Tĩnh	5518	38A-660.09	Hà Tĩnh			
4319	38A-656.83	Hà Tĩnh	5519	38A-661.26	Hà Tĩnh			
4320	38A-657.19	Hà Tĩnh	5520	38A-662.88	Hà Tĩnh			
4321	38A-661.06	Hà Tĩnh	5521	38A-663.26	Hà Tĩnh			
4322	38A-662.39	Hà Tĩnh	5522	38A-664.69	Hà Tĩnh			
4323	38A-665.88	Hà Tĩnh	5523	38A-666.12	Hà Tĩnh			
4324	38A-672.73	Hà Tĩnh	5524	38A-666.60	Hà Tĩnh			
4325	38A-673.55	Hà Tĩnh	5525	38A-667.16	Hà Tĩnh			
4326	38A-674.96	Hà Tĩnh	5526	38A-669.44	Hà Tĩnh			
4327	38A-676.26	Hà Tĩnh	5527	38A-670.67	Hà Tĩnh			
4328	38A-678.01	Hà Tĩnh	5528	38A-670.85	Hà Tĩnh			
4329	38A-678.40	Hà Tĩnh	5529	38A-672.25	Hà Tĩnh			
4330	38C-236.63	Hà Tĩnh	5530	38A-673.58	Hà Tĩnh			
4331	43A-901.86	Đà Nẵng	5531	38A-675.28	Hà Tĩnh			
4332	43A-904.95	Đà Nẵng	5532	38A-677.09	Hà Tĩnh			
4333	43A-905.16	Đà Nẵng	5533	38A-678.11	Hà Tĩnh			
4334	43A-906.16	Đà Nẵng	5534	43A-900.18	Đà Nẵng			
4335	43A-908.66	Đà Nẵng	5535	43A-900.19	Đà Nẵng			
4336	43A-908.68	Đà Nẵng	5536	43A-900.26	Đà Nẵng			
4337	43A-910.91	Đà Nẵng	5537	43A-904.69	Đà Nẵng			
4338	43A-914.06	Đà Nẵng	5538	43A-906.58	Đà Nẵng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4339	43A-915.58	Đà Nẵng	5539	43A-906.90	Đà Nẵng			
4340	43A-916.39	Đà Nẵng	5540	43A-907.96	Đà Nẵng			
4341	43A-916.59	Đà Nẵng	5541	43A-910.00	Đà Nẵng			
4342	43A-916.78	Đà Nẵng	5542	43A-910.15	Đà Nẵng			
4343	43A-918.08	Đà Nẵng	5543	43A-910.58	Đà Nẵng			
4344	43A-918.65	Đà Nẵng	5544	43A-915.65	Đà Nẵng			
4345	43A-919.64	Đà Nẵng	5545	43A-915.85	Đà Nẵng			
4346	43A-922.39	Đà Nẵng	5546	43A-918.79	Đà Nẵng			
4347	43A-923.83	Đà Nẵng	5547	43A-919.62	Đà Nẵng			
4348	43A-927.39	Đà Nẵng	5548	43A-921.38	Đà Nẵng			
4349	43A-928.39	Đà Nẵng	5549	43A-922.58	Đà Nẵng			
4350	43A-930.35	Đà Nẵng	5550	43A-929.35	Đà Nẵng			
4351	43A-930.99	Đà Nẵng	5551	43A-933.38	Đà Nẵng			
4352	43A-935.88	Đà Nẵng	5552	43A-935.68	Đà Nẵng			
4353	43A-937.00	Đà Nẵng	5553	43A-936.00	Đà Nẵng			
4354	43A-937.35	Đà Nẵng	5554	43A-939.19	Đà Nẵng			
4355	43A-940.40	Đà Nẵng	5555	43A-940.29	Đà Nẵng			
4356	43C-311.55	Đà Nẵng	5556	43A-941.56	Đà Nẵng			
4357	43C-312.88	Đà Nẵng	5557	47A-763.28	Đắk Lắk			
4358	47A-760.60	Đắk Lắk	5558	47A-763.36	Đắk Lắk			
4359	47A-762.28	Đắk Lắk	5559	47A-764.25	Đắk Lắk			
4360	47A-762.29	Đắk Lắk	5560	47A-765.09	Đắk Lắk			
4361	47A-763.56	Đắk Lắk	5561	47A-771.33	Đắk Lắk			
4362	47A-768.08	Đắk Lắk	5562	47A-771.95	Đắk Lắk			
4363	47A-776.28	Đắk Lắk	5563	47A-772.65	Đắk Lắk			
4364	47A-778.69	Đắk Lắk	5564	47A-774.28	Đắk Lắk			
4365	47A-783.83	Đắk Lắk	5565	47A-777.95	Đắk Lắk			
4366	47A-788.11	Đắk Lắk	5566	47A-782.16	Đắk Lắk			
4367	47A-789.16	Đắk Lắk	5567	47A-782.36	Đắk Lắk			
4368	47A-789.79	Đắk Lắk	5568	47A-783.09	Đắk Lắk			
4369	47A-789.83	Đắk Lắk	5569	47A-786.61	Đắk Lắk			
4370	47A-789.85	Đắk Lắk	5570	47A-788.06	Đắk Lắk			
4371	47A-790.06	Đắk Lắk	5571	47A-790.18	Đắk Lắk			
4372	47A-790.99	Đắk Lắk	5572	47A-791.97	Đắk Lắk			
4373	47A-792.19	Đắk Lắk	5573	47A-793.00	Đắk Lắk			
4374	47A-793.29	Đắk Lắk	5574	47A-795.36	Đắk Lắk			
4375	47A-793.83	Đắk Lắk	5575	47A-805.68	Đắk Lắk			
4376	47A-793.96	Đắk Lắk	5576	47A-812.22	Đắk Lắk			
4377	47A-795.06	Đắk Lắk	5577	47B-039.89	Đắk Lắk			
4378	47A-797.58	Đắk Lắk	5578	47C-385.88	Đắk Lắk			
4379	47A-798.39	Đắk Lắk	5579	47C-391.88	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4380	47A-799.38	Đắk Lắk	5580	48A-237.68	Đắk Nông			
4381	47A-802.02	Đắk Lắk	5581	48A-242.77	Đắk Nông			
4382	47A-802.69	Đắk Lắk	5582	48A-245.85	Đắk Nông			
4383	47A-809.06	Đắk Lắk	5583	48C-115.66	Đắk Nông			
4384	47A-809.89	Đắk Lắk	5584	49A-709.59	Lâm Đồng			
4385	47A-812.33	Đắk Lắk	5585	49A-709.86	Lâm Đồng			
4386	47C-389.88	Đắk Lắk	5586	49A-710.58	Lâm Đồng			
4387	47C-391.66	Đắk Lắk	5587	49A-718.55	Lâm Đồng			
4388	47C-392.89	Đắk Lắk	5588	49A-720.18	Lâm Đồng			
4389	48A-241.42	Đắk Nông	5589	49A-723.99	Lâm Đồng			
4390	48A-242.56	Đắk Nông	5590	49A-724.24	Lâm Đồng			
4391	48A-244.28	Đắk Nông	5591	49A-724.38	Lâm Đồng			
4392	48A-244.86	Đắk Nông	5592	49A-726.58	Lâm Đồng			
4393	48A-245.54	Đắk Nông	5593	49A-730.95	Lâm Đồng			
4394	49A-709.16	Lâm Đồng	5594	49A-731.19	Lâm Đồng			
4395	49A-713.35	Lâm Đồng	5595	49A-735.55	Lâm Đồng			
4396	49A-716.33	Lâm Đồng	5596	49A-735.88	Lâm Đồng			
4397	49A-716.61	Lâm Đồng	5597	49A-738.35	Lâm Đồng			
4398	49A-717.33	Lâm Đồng	5598	49A-740.08	Lâm Đồng			
4399	49A-719.33	Lâm Đồng	5599	49A-745.25	Lâm Đồng			
4400	49A-722.69	Lâm Đồng	5600	51D-882.86	Hồ Chí Minh			
4401	49A-722.83	Lâm Đồng	5601	51E-328.82	Hồ Chí Minh			
4402	49A-723.24	Lâm Đồng	5602	51E-336.79	Hồ Chí Minh			
4403	49A-725.56	Lâm Đồng	5603	51E-337.37	Hồ Chí Minh			
4404	49A-729.00	Lâm Đồng	5604	51M-011.55	Hồ Chí Minh			
4405	49A-731.08	Lâm Đồng	5605	51M-012.01	Hồ Chí Minh			
4406	49A-734.89	Lâm Đồng	5606	51M-012.28	Hồ Chí Minh			
4407	49A-741.56	Lâm Đồng	5607	51M-012.39	Hồ Chí Minh			
4408	49A-741.98	Lâm Đồng	5608	51M-012.98	Hồ Chí Minh			
4409	49A-742.09	Lâm Đồng	5609	51M-017.99	Hồ Chí Minh			
4410	49A-743.89	Lâm Đồng	5610	51M-022.96	Hồ Chí Minh			
4411	49C-375.68	Lâm Đồng	5611	51M-024.42	Hồ Chí Minh			
4412	49C-378.86	Lâm Đồng	5612	51M-024.96	Hồ Chí Minh			
4413	51B-603.66	Hồ Chí Minh	5613	51M-026.15	Hồ Chí Minh			
4414	51D-856.68	Hồ Chí Minh	5614	51M-026.29	Hồ Chí Minh			
4415	51D-866.68	Hồ Chí Minh	5615	51M-026.99	Hồ Chí Minh			
4416	51D-875.79	Hồ Chí Minh	5616	51M-029.02	Hồ Chí Minh			
4417	51E-325.55	Hồ Chí Minh	5617	51M-031.89	Hồ Chí Minh			
4418	51E-329.79	Hồ Chí Minh	5618	51M-032.66	Hồ Chí Minh			
4419	51E-337.77	Hồ Chí Minh	5619	51M-035.79	Hồ Chí Minh			
4420	51M-011.10	Hồ Chí Minh	5620	51M-039.18	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4421	51M-015.39	Hồ Chí Minh	5621	51M-041.59	Hồ Chí Minh			
4422	51M-016.06	Hồ Chí Minh	5622	51M-043.77	Hồ Chí Minh			
4423	51M-016.61	Hồ Chí Minh	5623	51M-047.19	Hồ Chí Minh			
4424	51M-020.08	Hồ Chí Minh	5624	51M-048.09	Hồ Chí Minh			
4425	51M-021.21	Hồ Chí Minh	5625	51M-048.19	Hồ Chí Minh			
4426	51M-022.56	Hồ Chí Minh	5626	51M-051.15	Hồ Chí Minh			
4427	51M-022.59	Hồ Chí Minh	5627	51M-051.69	Hồ Chí Minh			
4428	51M-026.79	Hồ Chí Minh	5628	60C-731.79	Đồng Nai			
4429	51M-028.38	Hồ Chí Minh	5629	60K-547.95	Đồng Nai			
4430	51M-029.09	Hồ Chí Minh	5630	60K-549.54	Đồng Nai			
4431	51M-030.89	Hồ Chí Minh	5631	60K-550.09	Đồng Nai			
4432	51M-032.16	Hồ Chí Minh	5632	60K-552.00	Đồng Nai			
4433	51M-033.22	Hồ Chí Minh	5633	60K-552.08	Đồng Nai			
4434	51M-036.56	Hồ Chí Minh	5634	60K-552.85	Đồng Nai			
4435	51M-039.09	Hồ Chí Minh	5635	60K-553.85	Đồng Nai			
4436	51M-039.16	Hồ Chí Minh	5636	60K-555.30	Đồng Nai			
4437	51M-043.83	Hồ Chí Minh	5637	60K-555.49	Đồng Nai			
4438	51M-044.85	Hồ Chí Minh	5638	60K-556.35	Đồng Nai			
4439	51M-045.66	Hồ Chí Minh	5639	60K-557.69	Đồng Nai			
4440	51M-046.98	Hồ Chí Minh	5640	60K-558.44	Đồng Nai			
4441	51M-050.09	Hồ Chí Minh	5641	60K-560.38	Đồng Nai			
4442	60K-546.83	Đồng Nai	5642	60K-564.58	Đồng Nai			
4443	60K-547.29	Đồng Nai	5643	60K-575.09	Đồng Nai			
4444	60K-549.11	Đồng Nai	5644	60K-575.88	Đồng Nai			
4445	60K-555.23	Đồng Nai	5645	60K-577.55	Đồng Nai			
4446	60K-555.71	Đồng Nai	5646	60K-579.36	Đồng Nai			
4447	60K-555.81	Đồng Nai	5647	60K-583.35	Đồng Nai			
4448	60K-558.19	Đồng Nai	5648	60K-583.65	Đồng Nai			
4449	60K-559.55	Đồng Nai	5649	60K-588.09	Đồng Nai			
4450	60K-567.09	Đồng Nai	5650	60K-590.22	Đồng Nai			
4451	60K-572.09	Đồng Nai	5651	60K-590.85	Đồng Nai			
4452	60K-574.86	Đồng Nai	5652	60K-600.11	Đồng Nai			
4453	60K-580.80	Đồng Nai	5653	60K-601.85	Đồng Nai			
4454	60K-584.35	Đồng Nai	5654	60K-603.79	Đồng Nai			
4455	60K-585.56	Đồng Nai	5655	60K-605.44	Đồng Nai			
4456	60K-587.98	Đồng Nai	5656	60K-606.07	Đồng Nai			
4457	60K-588.28	Đồng Nai	5657	60K-606.18	Đồng Nai			
4458	60K-591.28	Đồng Nai	5658	60K-608.35	Đồng Nai			
4459	60K-591.91	Đồng Nai	5659	60K-609.88	Đồng Nai			
4460	60K-596.86	Đồng Nai	5660	60K-612.00	Đồng Nai			
4461	60K-597.55	Đồng Nai	5661	60K-612.96	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4462	60K-600.25	Đồng Nai	5662	60K-614.85	Đồng Nai			
4463	60K-605.25	Đồng Nai	5663	60K-617.59	Đồng Nai			
4464	60K-605.58	Đồng Nai	5664	60K-617.77	Đồng Nai			
4465	60K-605.83	Đồng Nai	5665	61C-591.19	Bình Dương			
4466	60K-609.22	Đồng Nai	5666	61C-592.88	Bình Dương			
4467	60K-609.25	Đồng Nai	5667	61C-602.22	Bình Dương			
4468	60K-610.08	Đồng Nai	5668	61C-602.89	Bình Dương			
4469	60K-610.98	Đồng Nai	5669	61K-444.23	Bình Dương			
4470	60K-613.55	Đồng Nai	5670	61K-444.98	Bình Dương			
4471	60K-613.68	Đồng Nai	5671	61K-448.49	Bình Dương			
4472	60K-613.88	Đồng Nai	5672	61K-448.85	Bình Dương			
4473	60K-617.95	Đồng Nai	5673	61K-455.08	Bình Dương			
4474	61C-599.39	Bình Dương	5674	61K-456.70	Bình Dương			
4475	61C-607.69	Bình Dương	5675	61K-460.39	Bình Dương			
4476	61K-442.15	Bình Dương	5676	61K-466.77	Bình Dương			
4477	61K-444.42	Bình Dương	5677	61K-467.64	Bình Dương			
4478	61K-444.85	Bình Dương	5678	61K-470.35	Bình Dương			
4479	61K-445.86	Bình Dương	5679	61K-470.66	Bình Dương			
4480	61K-448.79	Bình Dương	5680	61K-473.00	Bình Dương			
4481	61K-448.86	Bình Dương	5681	61K-473.79	Bình Dương			
4482	61K-449.56	Bình Dương	5682	61K-475.00	Bình Dương			
4483	61K-455.69	Bình Dương	5683	61K-475.57	Bình Dương			
4484	61K-460.15	Bình Dương	5684	61K-480.77	Bình Dương			
4485	61K-465.16	Bình Dương	5685	61K-482.33	Bình Dương			
4486	61K-466.19	Bình Dương	5686	61K-482.96	Bình Dương			
4487	61K-468.66	Bình Dương	5687	61K-486.28	Bình Dương			
4488	61K-468.99	Bình Dương	5688	61K-488.55	Bình Dương			
4489	61K-469.29	Bình Dương	5689	61K-490.33	Bình Dương			
4490	61K-470.15	Bình Dương	5690	61K-492.25	Bình Dương			
4491	61K-470.19	Bình Dương	5691	61K-497.83	Bình Dương			
4492	61K-470.55	Bình Dương	5692	61K-499.55	Bình Dương			
4493	61K-470.96	Bình Dương	5693	61K-502.58	Bình Dương			
4494	61K-476.22	Bình Dương	5694	61K-504.38	Bình Dương			
4495	61K-477.55	Bình Dương	5695	61K-505.35	Bình Dương			
4496	61K-483.59	Bình Dương	5696	61K-506.26	Bình Dương			
4497	61K-486.29	Bình Dương	5697	61K-508.85	Bình Dương			
4498	61K-486.59	Bình Dương	5698	61K-509.39	Bình Dương			
4499	61K-486.98	Bình Dương	5699	61K-510.39	Bình Dương			
4500	61K-488.58	Bình Dương	5700	61K-516.06	Bình Dương			
4501	61K-489.96	Bình Dương	5701	62A-450.56	Long An			
4502	61K-491.28	Bình Dương	5702	62A-459.77	Long An			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4503	61K-491.56	Bình Dương	5703	62A-461.08	Long An			
4504	61K-501.85	Bình Dương	5704	63A-309.44	Tiền Giang			
4505	61K-502.44	Bình Dương	5705	63A-310.98	Tiền Giang			
4506	61K-505.39	Bình Dương	5706	63A-311.00	Tiền Giang			
4507	61K-506.19	Bình Dương	5707	63A-314.22	Tiền Giang			
4508	61K-507.07	Bình Dương	5708	63A-314.55	Tiền Giang			
4509	61K-514.96	Bình Dương	5709	63A-316.29	Tiền Giang			
4510	61K-515.69	Bình Dương	5710	63A-316.56	Tiền Giang			
4511	62A-450.77	Long An	5711	63A-316.98	Tiền Giang			
4512	62A-453.22	Long An	5712	63A-317.99	Tiền Giang			
4513	62A-453.58	Long An	5713	64A-194.89	Vĩnh Long			
4514	62A-457.96	Long An	5714	64A-196.54	Vĩnh Long			
4515	62A-458.33	Long An	5715	64A-196.74	Vĩnh Long			
4516	62A-459.11	Long An	5716	64A-202.69	Vĩnh Long			
4517	62A-463.19	Long An	5717	64B-015.68	Vĩnh Long			
4518	62A-465.15	Long An	5718	65A-500.79	Cần Thơ			
4519	62A-467.69	Long An	5719	65A-501.36	Cần Thơ			
4520	62D-013.68	Long An	5720	65A-507.00	Cần Thơ			
4521	63A-309.97	Tiền Giang	5721	65A-507.07	Cần Thơ			
4522	63A-311.33	Tiền Giang	5722	65A-507.77	Cần Thơ			
4523	63A-320.06	Tiền Giang	5723	65A-508.99	Cần Thơ			
4524	63A-321.23	Tiền Giang	5724	65A-513.96	Cần Thơ			
4525	63A-321.77	Tiền Giang	5725	65C-227.69	Cần Thơ			
4526	63A-322.06	Tiền Giang	5726	65C-232.66	Cần Thơ			
4527	63B-031.99	Tiền Giang	5727	65C-238.86	Cần Thơ			
4528	63C-225.79	Tiền Giang	5728	66A-294.11	Đồng Tháp			
4529	63C-227.69	Tiền Giang	5729	67A-315.59	An Giang			
4530	63C-227.77	Tiền Giang	5730	67A-316.25	An Giang			
4531	64A-195.95	Vĩnh Long	5731	67A-319.70	An Giang			
4532	64A-197.01	Vĩnh Long	5732	67A-320.23	An Giang			
4533	64A-198.23	Vĩnh Long	5733	67A-320.38	An Giang			
4534	64A-200.95	Vĩnh Long	5734	67A-323.08	An Giang			
4535	64A-202.15	Vĩnh Long	5735	67A-324.79	An Giang			
4536	64B-015.86	Vĩnh Long	5736	67C-185.68	An Giang			
4537	65A-493.89	Cần Thơ	5737	67C-185.79	An Giang			
4538	65A-494.11	Cần Thơ	5738	68A-353.79	Kiên Giang			
4539	65A-494.99	Cần Thơ	5739	68A-354.28	Kiên Giang			
4540	65A-497.77	Cần Thơ	5740	68A-354.44	Kiên Giang			
4541	65A-498.55	Cần Thơ	5741	68A-359.77	Kiên Giang			
4542	65A-499.44	Cần Thơ	5742	68A-360.29	Kiên Giang			
4543	65A-505.19	Cần Thơ	5743	68A-360.39	Kiên Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4544	65A-506.77	Cần Thơ	5744	70A-558.15	Tây Ninh			
4545	65A-509.59	Cần Thơ	5745	70A-559.83	Tây Ninh			
4546	65A-510.15	Cần Thơ	5746	70A-560.83	Tây Ninh			
4547	65A-513.00	Cần Thơ	5747	70A-562.66	Tây Ninh			
4548	65C-230.03	Cần Thơ	5748	70A-563.44	Tây Ninh			
4549	66A-290.90	Đồng Tháp	5749	70A-571.19	Tây Ninh			
4550	66A-291.36	Đồng Tháp	5750	70A-575.69	Tây Ninh			
4551	66A-296.09	Đồng Tháp	5751	70A-576.06	Tây Ninh			
4552	66A-298.19	Đồng Tháp	5752	70A-577.88	Tây Ninh			
4553	66A-299.60	Đồng Tháp	5753	70A-578.75	Tây Ninh			
4554	66A-300.38	Đồng Tháp	5754	70A-582.18	Tây Ninh			
4555	66A-301.65	Đồng Tháp	5755	70A-582.25	Tây Ninh			
4556	67A-319.61	An Giang	5756	70A-583.77	Tây Ninh			
4557	67A-321.44	An Giang	5757	71A-209.56	Bến Tre			
4558	67A-321.85	An Giang	5758	71A-209.59	Bến Tre			
4559	67A-323.16	An Giang	5759	71A-211.96	Bến Tre			
4560	67A-323.29	An Giang	5760	71A-212.16	Bến Tre			
4561	67A-323.86	An Giang	5761	71A-212.29	Bến Tre			
4562	67A-324.18	An Giang	5762	71C-131.69	Bến Tre			
4563	67A-326.59	An Giang	5763	72A-805.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4564	67A-327.89	An Giang	5764	72A-809.58	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4565	67A-328.65	An Giang	5765	72A-811.65	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4566	67B-028.68	An Giang	5766	72A-813.95	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4567	67C-183.99	An Giang	5767	72A-814.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4568	68A-352.89	Kiên Giang	5768	72A-818.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4569	68A-356.69	Kiên Giang	5769	72A-819.65	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4570	68A-360.86	Kiên Giang	5770	72A-823.85	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4571	68A-363.89	Kiên Giang	5771	72A-824.09	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4572	68A-364.56	Kiên Giang	5772	72A-824.35	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4573	68A-364.59	Kiên Giang	5773	72A-824.36	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4574	69A-164.83	Cà Mau	5774	72A-825.83	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4575	69A-166.36	Cà Mau	5775	72A-832.09	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4576	70A-557.83	Tây Ninh	5776	72A-833.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4577	70A-557.86	Tây Ninh	5777	72A-834.58	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4578	70A-561.56	Tây Ninh	5778	72A-835.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4579	70A-563.06	Tây Ninh	5779	72A-836.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4580	70A-564.19	Tây Ninh	5780	73A-358.53	Quảng Bình			
4581	70A-567.96	Tây Ninh	5781	73A-360.19	Quảng Bình			
4582	70A-573.69	Tây Ninh	5782	73A-362.22	Quảng Bình			
4583	70A-575.16	Tây Ninh	5783	73A-362.88	Quảng Bình			
4584	70A-575.79	Tây Ninh	5784	73A-364.95	Quảng Bình			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4585	70A-578.35	Tây Ninh	5785	73A-368.58	Quảng Bình			
4586	70A-578.79	Tây Ninh	5786	73C-187.39	Quảng Bình			
4587	70A-579.29	Tây Ninh	5787	74A-270.88	Quảng Trị			
4588	70A-584.16	Tây Ninh	5788	74A-275.68	Quảng Trị			
4589	71A-203.33	Bến Tre	5789	74A-276.33	Quảng Trị			
4590	71A-205.50	Bến Tre	5790	74A-277.08	Quảng Trị			
4591	71A-206.35	Bến Tre	5791	74D-011.39	Quảng Trị			
4592	71A-206.55	Bến Tre	5792	75A-371.85	Thừa Thiên Huế			
4593	71A-207.99	Bến Tre	5793	75A-373.18	Thừa Thiên Huế			
4594	71A-211.79	Bến Tre	5794	75A-374.56	Thừa Thiên Huế			
4595	72A-806.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	5795	75A-376.73	Thừa Thiên Huế			
4596	72A-807.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	5796	75A-381.77	Thừa Thiên Huế			
4597	72A-807.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	5797	75A-382.00	Thừa Thiên Huế			
4598	72A-809.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	5798	75A-383.84	Thừa Thiên Huế			
4599	72A-809.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	5799	75B-027.88	Thừa Thiên Huế			
4600	72A-811.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	5800	76A-314.65	Quảng Ngãi			
4601	72A-812.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	5801	76A-314.83	Quảng Ngãi			
4602	72A-815.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	5802	76A-316.06	Quảng Ngãi			
4603	72A-818.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	5803	76A-316.18	Quảng Ngãi			
4604	72A-818.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	5804	76A-317.66	Quảng Ngãi			
4605	72A-819.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	5805	76A-318.13	Quảng Ngãi			
4606	72A-819.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	5806	76A-319.92	Quảng Ngãi			
4607	72A-820.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	5807	76A-321.68	Quảng Ngãi			
4608	72A-821.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	5808	76A-323.66	Quảng Ngãi			
4609	72A-822.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	5809	77A-342.38	Bình Định			
4610	72A-823.32	Bà Rịa - Vũng Tàu	5810	77A-342.86	Bình Định			
4611	72A-823.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	5811	77A-345.06	Bình Định			
4612	72A-824.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	5812	77A-351.97	Bình Định			
4613	72A-827.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	5813	78A-209.15	Phú Yên			
4614	72A-830.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	5814	78A-212.22	Phú Yên			
4615	72A-830.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	5815	78A-213.96	Phú Yên			
4616	72A-832.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	5816	79A-543.77	Khánh Hòa			
4617	72A-838.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	5817	79A-544.45	Khánh Hòa			
4618	72A-839.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	5818	79A-546.28	Khánh Hòa			
4619	72C-232.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	5819	79A-547.65	Khánh Hòa			
4620	73A-357.35	Quảng Bình	5820	79A-550.25	Khánh Hòa			
4621	73A-357.79	Quảng Bình	5821	79A-550.65	Khánh Hòa			
4622	73A-361.09	Quảng Bình	5822	79A-551.56	Khánh Hòa			
4623	73A-366.06	Quảng Bình	5823	79A-552.25	Khánh Hòa			
4624	74A-268.95	Quảng Trị	5824	79A-552.77	Khánh Hòa			
4625	74A-270.55	Quảng Trị	5825	79A-553.19	Khánh Hòa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4626	75A-378.69	Thừa Thiên Huế	5826	79A-555.09	Khánh Hòa			
4627	75A-380.69	Thừa Thiên Huế	5827	79A-555.53	Khánh Hòa			
4628	75A-380.85	Thừa Thiên Huế	5828	79A-556.78	Khánh Hòa			
4629	75A-382.16	Thừa Thiên Huế	5829	79A-557.00	Khánh Hòa			
4630	75A-386.67	Thừa Thiên Huế	5830	79A-557.06	Khánh Hòa			
4631	76A-315.06	Quảng Ngãi	5831	79A-557.66	Khánh Hòa			
4632	76A-316.35	Quảng Ngãi	5832	79A-558.65	Khánh Hòa			
4633	76A-317.85	Quảng Ngãi	5833	79A-559.39	Khánh Hòa			
4634	76A-318.58	Quảng Ngãi	5834	79A-559.79	Khánh Hòa			
4635	76A-318.83	Quảng Ngãi	5835	79A-563.25	Khánh Hòa			
4636	76A-321.11	Quảng Ngãi	5836	79A-563.98	Khánh Hòa			
4637	76A-321.65	Quảng Ngãi	5837	79A-564.15	Khánh Hòa			
4638	76A-322.18	Quảng Ngãi	5838	79A-565.44	Khánh Hòa			
4639	77A-345.44	Bình Định	5839	79A-568.65	Khánh Hòa			
4640	77A-345.60	Bình Định	5840	79C-222.39	Khánh Hòa			
4641	77A-349.97	Bình Định	5841	81A-426.99	Gia Lai			
4642	77A-351.08	Bình Định	5842	81A-429.88	Gia Lai			
4643	77A-351.99	Bình Định	5843	81A-435.44	Gia Lai			
4644	77A-354.09	Bình Định	5844	81A-438.83	Gia Lai			
4645	77C-255.66	Bình Định	5845	81A-443.69	Gia Lai			
4646	78A-211.18	Phú Yên	5846	81A-443.89	Gia Lai			
4647	78A-215.11	Phú Yên	5847	81A-445.33	Gia Lai			
4648	79A-543.26	Khánh Hòa	5848	81A-451.45	Gia Lai			
4649	79A-543.29	Khánh Hòa	5849	81C-271.89	Gia Lai			
4650	79A-544.36	Khánh Hòa	5850	81C-275.75	Gia Lai			
4651	79A-549.55	Khánh Hòa	5851	82A-154.45	Kon Tum			
4652	79A-551.38	Khánh Hòa	5852	82A-155.57	Kon Tum			
4653	79A-551.68	Khánh Hòa	5853	82A-157.69	Kon Tum			
4654	79A-554.65	Khánh Hòa	5854	83A-186.09	Sóc Trăng			
4655	79A-555.52	Khánh Hòa	5855	83A-190.36	Sóc Trăng			
4656	79A-557.57	Khánh Hòa	5856	83A-190.65	Sóc Trăng			
4657	79A-560.56	Khánh Hòa	5857	83B-021.68	Sóc Trăng			
4658	79A-560.96	Khánh Hòa	5858	84A-142.14	Trà Vinh			
4659	79A-561.89	Khánh Hòa	5859	84A-142.77	Trà Vinh			
4660	79A-565.95	Khánh Hòa	5860	84A-143.16	Trà Vinh			
4661	79A-566.86	Khánh Hòa	5861	84A-143.33	Trà Vinh			
4662	79A-567.06	Khánh Hòa	5862	84A-144.85	Trà Vinh			
4663	79A-567.44	Khánh Hòa	5863	85A-141.29	Ninh Thuận			
4664	81A-427.24	Gia Lai	5864	85A-144.96	Ninh Thuận			
4665	81A-427.86	Gia Lai	5865	86A-308.80	Bình Thuận			
4666	81A-428.58	Gia Lai	5866	86A-312.08	Bình Thuận			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4667	81A-429.36	Gia Lai	5867	86A-313.56	Bình Thuận			
4668	81A-433.88	Gia Lai	5868	86A-319.18	Bình Thuận			
4669	81A-434.56	Gia Lai	5869	86C-203.86	Bình Thuận			
4670	81A-436.11	Gia Lai	5870	88A-742.86	Vĩnh Phúc			
4671	81A-440.68	Gia Lai	5871	88A-743.35	Vĩnh Phúc			
4672	81A-442.22	Gia Lai	5872	88A-744.56	Vĩnh Phúc			
4673	81A-443.19	Gia Lai	5873	88A-748.06	Vĩnh Phúc			
4674	81A-446.06	Gia Lai	5874	88A-749.89	Vĩnh Phúc			
4675	81C-281.18	Gia Lai	5875	88A-750.59	Vĩnh Phúc			
4676	82A-152.44	Kon Tum	5876	88A-753.58	Vĩnh Phúc			
4677	82A-155.18	Kon Tum	5877	88A-754.19	Vĩnh Phúc			
4678	82A-157.58	Kon Tum	5878	88A-754.29	Vĩnh Phúc			
4679	82B-016.89	Kon Tum	5879	88A-761.36	Vĩnh Phúc			
4680	82C-092.29	Kon Tum	5880	88A-762.63	Vĩnh Phúc			
4681	83A-186.63	Sóc Trăng	5881	88A-770.77	Vĩnh Phúc			
4682	83A-186.88	Sóc Trăng	5882	88A-773.29	Vĩnh Phúc			
4683	83A-187.33	Sóc Trăng	5883	88A-774.86	Vĩnh Phúc			
4684	83A-189.68	Sóc Trăng	5884	88A-776.00	Vĩnh Phúc			
4685	83B-022.77	Sóc Trăng	5885	88A-777.25	Vĩnh Phúc			
4686	84A-143.96	Trà Vinh	5886	88A-777.34	Vĩnh Phúc			
4687	84A-145.68	Trà Vinh	5887	88A-778.78	Vĩnh Phúc			
4688	85A-141.69	Ninh Thuận	5888	88A-779.33	Vĩnh Phúc			
4689	85A-141.85	Ninh Thuận	5889	88A-779.56	Vĩnh Phúc			
4690	85A-143.68	Ninh Thuận	5890	88A-780.39	Vĩnh Phúc			
4691	85A-145.18	Ninh Thuận	5891	88A-780.88	Vĩnh Phúc			
4692	85C-082.82	Ninh Thuận	5892	88A-780.96	Vĩnh Phúc			
4693	86A-309.59	Bình Thuận	5893	88A-784.59	Vĩnh Phúc			
4694	86A-310.22	Bình Thuận	5894	88A-784.66	Vĩnh Phúc			
4695	86A-310.28	Bình Thuận	5895	88A-784.95	Vĩnh Phúc			
4696	86A-316.39	Bình Thuận	5896	88A-785.98	Vĩnh Phúc			
4697	86A-319.74	Bình Thuận	5897	88C-295.95	Vĩnh Phúc			
4698	86A-319.82	Bình Thuận	5898	88C-297.89	Vĩnh Phúc			
4699	88A-743.95	Vĩnh Phúc	5899	88C-301.39	Vĩnh Phúc			
4700	88A-745.16	Vĩnh Phúc	5900	88C-302.86	Vĩnh Phúc			
4701	88A-758.65	Vĩnh Phúc	5901	88D-018.66	Vĩnh Phúc			
4702	88A-773.88	Vĩnh Phúc	5902	88D-019.86	Vĩnh Phúc			
4703	88A-776.29	Vĩnh Phúc	5903	89A-500.16	Hưng Yên			
4704	88A-777.00	Vĩnh Phúc	5904	89A-503.25	Hưng Yên			
4705	88A-777.85	Vĩnh Phúc	5905	89A-504.28	Hưng Yên			
4706	88A-777.95	Vĩnh Phúc	5906	89A-504.95	Hưng Yên			
4707	88A-782.28	Vĩnh Phúc	5907	89A-506.55	Hưng Yên			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4708	88A-786.29	Vĩnh Phúc	5908	89A-513.58	Hưng Yên			
4709	88C-295.88	Vĩnh Phúc	5909	89A-514.95	Hưng Yên			
4710	88C-301.86	Vĩnh Phúc	5910	89A-515.38	Hưng Yên			
4711	88C-307.69	Vĩnh Phúc	5911	89A-516.79	Hưng Yên			
4712	89A-500.11	Hưng Yên	5912	89A-517.28	Hưng Yên			
4713	89A-505.50	Hưng Yên	5913	89A-518.81	Hưng Yên			
4714	89A-507.06	Hưng Yên	5914	89A-521.16	Hưng Yên			
4715	89A-508.22	Hưng Yên	5915	89A-523.66	Hưng Yên			
4716	89A-509.56	Hưng Yên	5916	89A-524.68	Hưng Yên			
4717	89A-512.95	Hưng Yên	5917	89A-530.33	Hưng Yên			
4718	89A-514.36	Hưng Yên	5918	89C-333.99	Hưng Yên			
4719	89A-514.79	Hưng Yên	5919	90A-275.59	Hà Nam			
4720	89A-516.11	Hưng Yên	5920	90A-276.76	Hà Nam			
4721	89A-519.09	Hưng Yên	5921	90A-276.88	Hà Nam			
4722	89A-519.28	Hưng Yên	5922	90A-277.78	Hà Nam			
4723	89A-520.88	Hưng Yên	5923	90A-280.98	Hà Nam			
4724	89A-523.15	Hưng Yên	5924	90A-286.82	Hà Nam			
4725	89A-523.83	Hưng Yên	5925	90C-151.88	Hà Nam			
4726	90A-275.68	Hà Nam	5926	92A-422.77	Quảng Nam			
4727	90A-278.56	Hà Nam	5927	92A-428.15	Quảng Nam			
4728	90A-284.58	Hà Nam	5928	92B-033.79	Quảng Nam			
4729	90B-011.69	Hà Nam	5929	93A-486.62	Bình Phước			
4730	90C-152.89	Hà Nam	5930	93A-486.95	Bình Phước			
4731	92A-416.86	Quảng Nam	5931	93A-490.19	Bình Phước			
4732	92A-420.18	Quảng Nam	5932	93A-490.95	Bình Phước			
4733	92A-421.39	Quảng Nam	5933	93A-492.95	Bình Phước			
4734	92A-422.11	Quảng Nam	5934	93A-495.22	Bình Phước			
4735	92A-422.55	Quảng Nam	5935	93A-496.06	Bình Phước			
4736	92A-429.35	Quảng Nam	5936	93A-498.59	Bình Phước			
4737	92C-255.22	Quảng Nam	5937	93A-501.59	Bình Phước			
4738	93A-486.48	Bình Phước	5938	93A-504.50	Bình Phước			
4739	93A-486.85	Bình Phước	5939	94A-107.25	Bạc Liêu			
4740	93A-493.06	Bình Phước	5940	94A-108.83	Bạc Liêu			
4741	93A-499.64	Bình Phước	5941	94A-109.29	Bạc Liêu			
4742	93A-500.15	Bình Phước	5942	95A-131.16	Hậu Giang			
4743	93A-500.33	Bình Phước	5943	95A-132.33	Hậu Giang			
4744	93A-501.11	Bình Phước	5944	95A-135.96	Hậu Giang			
4745	93A-504.77	Bình Phước	5945	95B-015.79	Hậu Giang			
4746	94A-107.33	Bạc Liêu	5946	95D-021.39	Hậu Giang			
4747	94A-107.70	Bạc Liêu	5947	95D-022.66	Hậu Giang			
4748	94A-107.79	Bạc Liêu	5948	98A-798.66	Bắc Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4749	94B-011.86	Bạc Liêu	5949	98A-799.61	Bắc Giang			
4750	94C-081.88	Bạc Liêu	5950	98A-801.79	Bắc Giang			
4751	95A-130.55	Hậu Giang	5951	98A-805.88	Bắc Giang			
4752	95A-134.11	Hậu Giang	5952	98A-806.98	Bắc Giang			
4753	95B-011.39	Hậu Giang	5953	98A-811.00	Bắc Giang			
4754	98A-797.88	Bắc Giang	5954	98A-813.88	Bắc Giang			
4755	98A-802.86	Bắc Giang	5955	98A-814.44	Bắc Giang			
4756	98A-803.99	Bắc Giang	5956	98A-816.69	Bắc Giang			
4757	98A-806.18	Bắc Giang	5957	98A-827.09	Bắc Giang			
4758	98A-808.22	Bắc Giang	5958	98A-830.03	Bắc Giang			
4759	98A-810.38	Bắc Giang	5959	98A-830.36	Bắc Giang			
4760	98A-815.29	Bắc Giang	5960	98A-831.36	Bắc Giang			
4761	98A-819.18	Bắc Giang	5961	98A-832.06	Bắc Giang			
4762	98A-820.16	Bắc Giang	5962	98A-834.86	Bắc Giang			
4763	98A-822.56	Bắc Giang	5963	98A-836.89	Bắc Giang			
4764	98A-825.86	Bắc Giang	5964	98A-841.00	Bắc Giang			
4765	98A-830.56	Bắc Giang	5965	98A-844.28	Bắc Giang			
4766	98A-833.28	Bắc Giang	5966	98A-845.59	Bắc Giang			
4767	98A-833.86	Bắc Giang	5967	98A-847.09	Bắc Giang			
4768	98A-834.99	Bắc Giang	5968	98A-858.08	Bắc Giang			
4769	98A-838.55	Bắc Giang	5969	98A-858.39	Bắc Giang			
4770	98A-840.58	Bắc Giang	5970	98C-356.65	Bắc Giang			
4771	98A-841.06	Bắc Giang	5971	99A-801.69	Bắc Ninh			
4772	98A-847.26	Bắc Giang	5972	99A-806.28	Bắc Ninh			
4773	98A-850.05	Bắc Giang	5973	99A-807.08	Bắc Ninh			
4774	98A-851.18	Bắc Giang	5974	99A-810.25	Bắc Ninh			
4775	98A-856.77	Bắc Giang	5975	99A-810.29	Bắc Ninh			
4776	98C-356.88	Bắc Giang	5976	99A-812.55	Bắc Ninh			
4777	98C-363.63	Bắc Giang	5977	99A-813.08	Bắc Ninh			
4778	99A-803.06	Bắc Ninh	5978	99A-816.15	Bắc Ninh			
4779	99A-805.09	Bắc Ninh	5979	99A-818.59	Bắc Ninh			
4780	99A-806.26	Bắc Ninh	5980	99A-819.26	Bắc Ninh			
4781	99A-807.25	Bắc Ninh	5981	99A-821.19	Bắc Ninh			
4782	99A-811.77	Bắc Ninh	5982	99A-821.44	Bắc Ninh			
4783	99A-811.95	Bắc Ninh	5983	99A-821.88	Bắc Ninh			
4784	99A-812.06	Bắc Ninh	5984	99A-823.56	Bắc Ninh			
4785	99A-816.85	Bắc Ninh	5985	99A-826.22	Bắc Ninh			
4786	99A-817.15	Bắc Ninh	5986	99A-827.38	Bắc Ninh			
4787	99A-817.99	Bắc Ninh	5987	99A-831.09	Bắc Ninh			
4788	99A-818.16	Bắc Ninh	5988	99A-833.18	Bắc Ninh			
4789	99A-819.63	Bắc Ninh	5989	99A-834.08	Bắc Ninh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4790	99A-827.96	Bắc Ninh	5990	99A-836.22	Bắc Ninh			
4791	99A-828.11	Bắc Ninh	5991	99A-837.85	Bắc Ninh			
4792	99A-831.85	Bắc Ninh	5992	99A-839.33	Bắc Ninh			
4793	99A-836.55	Bắc Ninh	5993	99A-841.42	Bắc Ninh			
4794	99A-837.68	Bắc Ninh	5994	99A-845.54	Bắc Ninh			
4795	99A-839.85	Bắc Ninh	5995	99A-846.36	Bắc Ninh			
4796	99A-842.88	Bắc Ninh	5996	99A-846.86	Bắc Ninh			
4797	99A-845.29	Bắc Ninh	5997	99A-848.08	Bắc Ninh			
4798	99A-850.09	Bắc Ninh	5998	99C-322.79	Bắc Ninh			
4799	99C-317.86	Bắc Ninh	5999	99C-328.66	Bắc Ninh			
4800	99C-327.88	Bắc Ninh	6000	99D-022.79	Bắc Ninh			